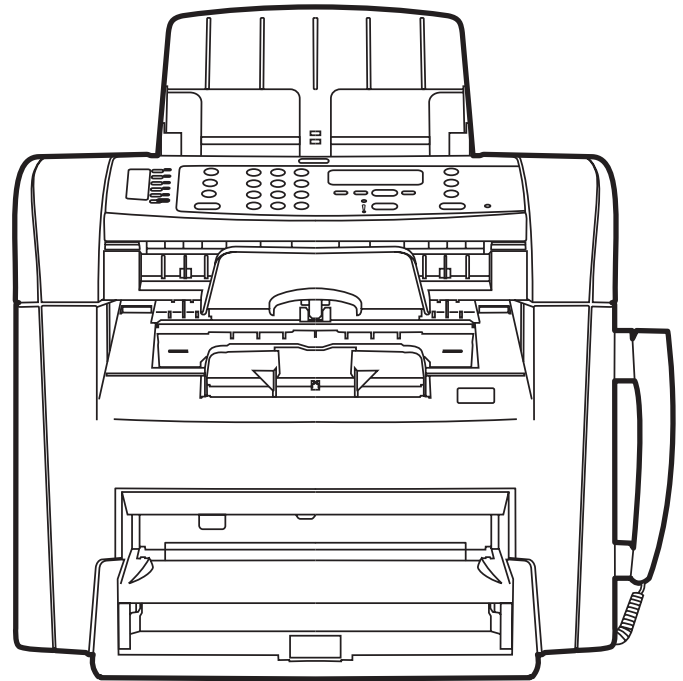


Bộ sản phẩm HP LaserJet M1319 MFP

Hướng dẫn sử dụng



Bộ sản phẩm HP LaserJet M1319 MFP

Hướng dẫn sử dụng



Bản quyền và Li-xăng

© 2008 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Edition 1, 7/2008

Số bộ phận: CB536-91021

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Công nhận Nhãn hiệu

Adobe®, Acrobat®, và PostScript® là các nhãn hiệu thương mại của Adobe Systems Incorporated.

Microsoft®, Windows®, và Windows NT® là các nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký tại Mỹ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Thông tin cơ bản về sản phẩm

So sánh sản phẩm	2
Tính năng của Sản phẩm	3
Mô tả sản phẩm	4
Mặt trước	4
Nhìn từ phía sau	4
Các cổng giao diện	5
Vị trí số sê-ri và số model	5
Các hệ điều hành được hỗ trợ	6
Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ	7
Phần mềm kèm theo sản phẩm	7
Các trình điều khiển máy in hỗ trợ	7

2 Bảng điều khiển

Mô tả panen điều khiển	10
Các menu trên bảng điều khiển	11
Sử dụng các menu bảng điều khiển	11
Các menu chính trên bảng điều khiển	11

3 Phần mềm cho Windows

Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows	20
Trình điều khiển máy in	20
Ưu tiên cho cài đặt in	20
Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.	21
Các tùy chọn cài đặt phần mềm dành cho Windows	22
Xóa phần mềm trong Windows	22
Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows	23
HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) phần mềm	23
Phần mềm Cảnh báo Tình trạng	23
Các thành phần và tiện ích Windows khác	23

4 Sử dụng sản phẩm với máy Macintosh

Phần mềm cho máy Macintosh	26
----------------------------------	----

Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh	26
Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh	26
Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh	26
Thay đổi các thông số cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh	27
Các tùy chọn cài đặt phần mềm dành cho Macintosh	27
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh	28
In	28
Quét từ sản phẩm và HP Director (Trình Chủ Đạo HP) (Macintosh)	31
Các tác vụ quét	31
Fax một tài liệu từ máy Macintosh	32

5 Khả năng kết nối

Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB	34
--	----

6 Giấy và Phương tiện In

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in	36
Các khổ giấy in và loại giấy hỗ trợ	37
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt	39
Nạp giấy và phương tiện in	40
Khay nạp giấy ưu tiên	40
Khay 1	40
Cấu hình các khay	42

7 Thao tác in

Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy	44
Loại giấy và dung lượng khay hỗ trợ	44
Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ẩn	45
Hủy lệnh in	46
Thay đổi các cài đặt mặc định	47
Tạo sổ tay	48
Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in	48
Thay đổi mật độ in	48
In trên phương tiện đặc biệt	49
Sử dụng giấy và bìa in khác nhau	50
In trang đầu tiên trắng	50
Chỉnh lại kích thước tài liệu	51
Chọn kích thước giấy	51
Chọn nguồn giấy	51
Chọn loại giấy	52
Đặt hướng in	52
Sử dụng hình mờ	52
Lưu bột mực	52
In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt)	53

In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows	55
Cài đặt tiết kiệm	56
Chế độ tiết kiệm	56
In lưu trữ	56

8 Sao chép

Nạp tài liệu gốc	58
Sử dụng bản sao chép	59
Sao chép một lần chạm	59
Nhiều bản sao chép	59
Hủy lệnh sao chép	59
Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép	60
Cài đặt sao chép	62
Chất lượng sao chép	62
Thay đổi mật độ in của tác vụ sao chép	63
Xác định cài đặt sao chép tùy chỉnh	63
Sao chép vào các loại giấy và khổ giấy khác nhau	63
Khôi phục cài đặt sao chép mặc định	65
Các lệnh in hai mặt	66

9 Quét

Nạp tài liệu gốc để quét	70
Sử dụng chức năng quét	71
Các phương pháp quét	71
Đang hủy một lệnh quét	72
Cài đặt quét	73
Định dạng tập tin	73
Độ phân giải và màu sắc của máy quét	73
Chất lượng quét	74

10 Fax

Các tính năng fax	78
Cài đặt	79
Cài đặt và kết nối phần cứng	79
Cấu hình cài đặt fax	81
Quản lý danh bạ	83
Cài kiểm soát vòng fax	87
Thay đổi cài đặt fax	88
Cài đặt âm lượng	88
Gửi cài đặt fax	89
Nhận cài đặt fax	92
Dùng fax	99
Phần mềm gửi nhận fax	99

Hủy bản fax	99
Xóa bản fax khỏi bộ nhớ	100
Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP	100
Gửi fax	101
Nhận fax	108
Giải quyết sự cố khi fax	111
Thông báo lỗi fax	111
Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện	115
Các báo cáo và nhật ký fax	115
Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax	118
Các sự cố khi gửi fax	119
Các sự cố khi nhận fax	120
Các sự cố về hoạt động của máy	123

11 Quản lý và bảo trì sản phẩm

Trang thông tin	126
Sử dụng phần mềm HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)	127
Xem HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)	127
Tình trạng	127
Fax	127
Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)	130
Other links (Các liên kết khác)	130
Quản lý nguồn cung cấp	131
Kiểm tra và đặt mua mực in	131
Thay mực in	133
Lau dọn sản phẩm	134
Cập nhật chương trình cơ sở	135

12 Khắc phục sự cố

Danh sách khắc phục sự cố	138
Khôi phục cài đặt mặc định gốc	140
Các thông báo ở bảng điều khiển	141
Thông báo cảnh báo và cảnh giác	141
Thông báo lỗi nghiêm trọng	141
Sự cố hiển thị của bảng điều khiển	144
Xử lý kẹt giấy	145
Nguyên nhân kẹt giấy	145
Nơi cần xem xét khi kẹt giấy	145
Xử lý giấy kẹt trong khay ADF	145
Xử lý giấy kẹt trong khay nạp giấy	146
Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy ra	148
Xử lý giấy kẹt ở khu vực hộp mực in	149
Tránh tình trạng kẹt giấy tái diễn	150

Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh	151
Các sự cố khi in ấn	151
Các vấn đề sao chép	158
Các vấn đề khi quét	162
Các sự cố về fax	164
Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh	164
Giải quyết sự cố kết nối	167
Giải quyết sự cố kết nối trực tiếp	167
Giải quyết sự cố phần mềm	168
Các sự cố thông thường của Windows	168
Các sự cố thông thường của Macintosh	168

Phụ lục A Thông tin đặt hàng và phụ kiện

Nguồn cung cấp	172
Cáp và các phụ kiện giao diện	173

Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard	175
Dịch vụ bảo hành trường hợp khách hàng tự sửa chữa	177
Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực	178
Hỗ trợ khách hàng	179
Đóng gói lại thiết bị	180

Phụ lục C Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể	182
Các đặc điểm kỹ thuật về điện	183
Điện năng tiêu thụ	184
Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường	185
Độ ồn	186

Phụ lục D Thông tin về Tuân thủ Quy định

Quy chuẩn FCC	188
Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường	189
Bảo vệ môi trường	189
Sản sinh ra khí ozone	189
Điện năng tiêu thụ	189
Tiêu hao mực in	189
Sử dụng giấy	189
Bộ phận làm bằng chất dẻo	189
Nguồn cung cấp	189
Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế	190
Giấy in	190
Giới hạn về vật liệu	190

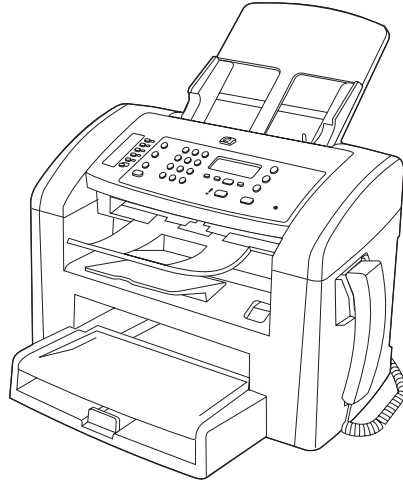
Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu	191
Hóa chất	191
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)	192
Thông tin thêm	192
Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại (Hoa Kỳ)	193
Các yêu cầu IC CS-03	194
Quy định của EU về hoạt động viễn thông	195
Các công bố về viễn thông của New Zealand	196
Tuyên bố về tính thích hợp	197
Tuyên bố về an toàn	198
An toàn laser	198
Các quy định DOC tại Canada	198
Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)	198
Tuyên bố về laser cho Phần Lan	198
Bản hóa chất (Trung Quốc)	199
Bảng chú giải	201
Bảng chú dẫn	205

1 Thông tin cơ bản về sản phẩm

- [So sánh sản phẩm](#)
- [Tính năng của Sản phẩm](#)
- [Mô tả sản phẩm](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ](#)

So sánh sản phẩm

Hiện có sản phẩm với các cấu hình sau.



HP LaserJet M2727 MFP

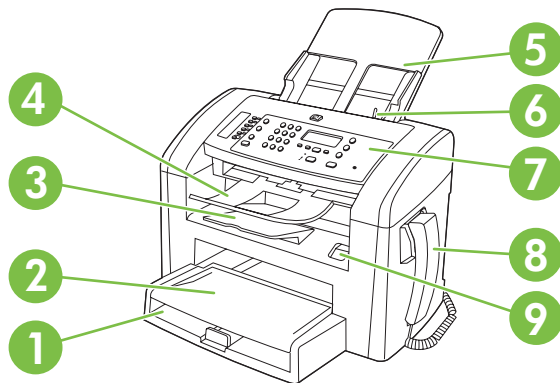
- In các trang khổ letter với tốc độ 19 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 18trang/phút.
 - khay 1 chứa được tối đa 250 trang giấy in hoặc tối đa 10 phong bì.
 - khay nạp giấy ưu tiên chứa được tối đa 10 trang giấy in.
 - Tính năng in hai mặt (hai mặt giấy) thủ công, nhận fax và sao chép.
 - Cổng USB 2.0 tốc độ cao và một cổng điện thoại cầm tay.
 - Modem fax V.34 và bộ nhớ lưu trữ fax flash 4 MB.
 - Hai cổng cáp fax/điện thoại RJ-11.
 - Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 32 MB.
 - khay tự động nạp tài liệu (ADF) 30 trang.
 - Tích hợp sẵn điện thoại cầm tay.
-

Tính năng của Sản phẩm

In	<ul style="list-style-type: none">• In các trang khổ letter với tốc độ 19 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 18 trang/phút.• In với tốc độ 600 điểm trên in (dpi) và FastRes 1200 dpi.• Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in.
Sao chép	<ul style="list-style-type: none">• Sao chép ở mức chất lượng 300 điểm mỗi inch (dpi).
Quét	<ul style="list-style-type: none">• Cho phép quét tài liệu màu với độ phân giải 600 pixel/inch (ppi).
Fax	<ul style="list-style-type: none">• Các khả năng fax đầy đủ chức năng với fax V.34, bao gồm sổ danh bạ và các tính năng fax tạm hoãn.
Bộ nhớ	<ul style="list-style-type: none">• Bao gồm bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 32 megabyte (MB).
Quản lý giấy in	<ul style="list-style-type: none">• khay nhập giấy ưu tiên có thể lưu đến 10 trang giấy in.• khay 1 chứa được tối đa 250 tờ vật liệu in hoặc 10 phong bì• Ngăn giấy ra chứa được tối đa 100 tờ vật liệu in
Các tính năng của trình điều khiển máy in	<ul style="list-style-type: none">• FastRes 1200 tạo ra chất lượng in 1200 dpi để in nhanh, chất lượng cao dành cho văn bản văn phòng và đồ họa.
Các kết nối giao diện	<ul style="list-style-type: none">• Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao• các cổng cáp fax/điện thoại RJ-11.
In tiết kiệm	<ul style="list-style-type: none">• Cung cấp tính năng in N-up (in nhiều trang trên một trang giấy).• Cho phép cài Chế Độ Tiết Kiệm, giúp sử dụng mực tiết kiệm hơn.
Nguồn cung cấp	<ul style="list-style-type: none">• Sản phẩm bán kèm theo hộp mực in ban đầu có thể in 1.000 trang (công suất trung bình). Công suất in trung bình cho hộp mực in thay thế là 2.000 trang.
Tiện dụng	<ul style="list-style-type: none">• Hướng dẫn sử dụng trực tuyến tương thích với các trình đọc văn bản trên màn hình.• Có thể lắp và tháo các hộp mực in bằng một tay.• Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay.

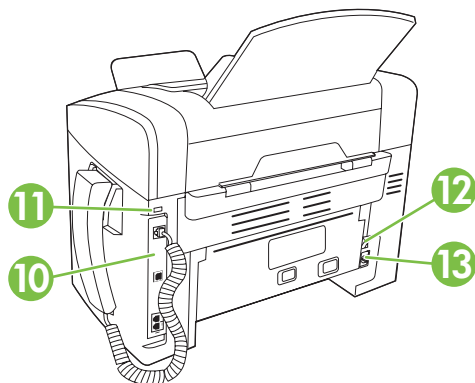
Mô tả sản phẩm

Mặt trước



1	Khay 1
2	Khay nạp giấy ưu tiên
3	Khay đựng giấy ra
4	Khay xuất giấy ra khay tự động nạp tài liệu (ADF)
5	Nạp thêm giấy vào khay tự động nạp tài liệu (ADF)
6	Cần gạt giấy in khay ADF
7	Bảng điều khiển
8	Điện thoại cầm tay
9	Chốt nắp hộp mực in

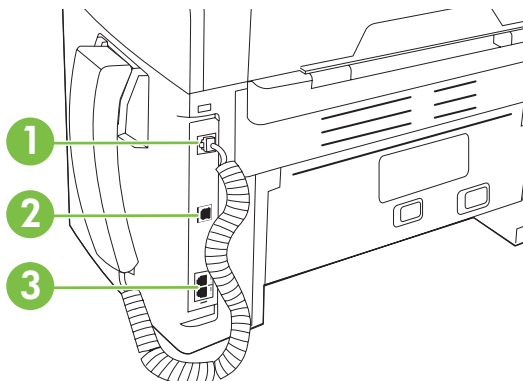
Nhìn từ phía sau



10	Các cổng giao diện
11	Khóa Kensington
12	Công tắc nguồn
13	Kết nối nguồn

Các cổng giao diện

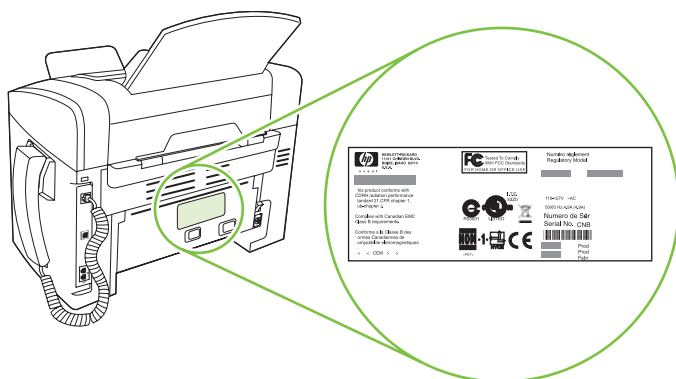
Sản phẩm có một cổng USB 2.0 Tốc độ Cao, các cổng fax và điện thoại và một cổng điện thoại cầm tay.



- | | |
|---|-------------------------|
| 1 | Cổng điện thoại cầm tay |
| 2 | Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao |
| 3 | Các cổng fax |

Vị trí số sê-ri và số model

Nhãn số sê-ri và số kiểu sản phẩm nằm ở phía sau sản phẩm.



Các hệ điều hành được hỗ trợ


Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành sau:

Cài đặt phần mềm đầy đủ

- Windows XP (32 bit)
- Windows Vista (32 bit)
- Mac OS X v10.3, v10.4, và phiên bản mới hơn

Chỉ dành cho các trình điều khiển máy in và máy quét

- Windows XP (64 bit)
- Windows Vista (64 bit)
- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32 bit và 64 bit)

 **GHI CHÚ:** Đối với Mac OS X v10.4 và phiên bản mới hơn, PPC và Intel Core Processor Macs được hỗ trợ.

Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ

Phần mềm kèm theo sản phẩm

Có nhiều tùy chọn để hoàn tất một cài đặt được đề xuất. Tùy chọn cài đặt dễ dàng sẽ kết thúc quá trình cài đặt cùng các thông số cài đặt mặc định. Tùy chọn cài đặt nâng cao sẽ cho phép bạn xem lại các thỏa thuận về giấy phép sử dụng cùng các thông số cài đặt mặc định.

Tùy chọn cài đặt dễ dàng dành cho Windows

- Trình điều khiển thiết bị HP
 - Trình điều khiển máy in
 - Trình điều khiển máy quét
 - Trình điều khiển fax
- Phần mềm HP MFP
 - Chương trình HP LaserJet Scan
 - Chương trình PC Fax Send (Gửi Fax PC)
 - Chương trình HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)
 - Gỡ bỏ chương trình
- Các chương trình khác
 - Readiris OCR (không được cài đặt với phần mềm khác; yêu cầu cài đặt riêng lẻ)

Quá trình cài đặt nâng cao

Quá trình cài đặt nâng cao sẽ bao hàm tất cả các tính năng có trong phần cài đặt dễ dàng. Chương trình Tham dự Khách hàng HP thuộc phần tùy chọn

Phần mềm Macintosh

- HP Product Setup Assistant (Hỗ trợ Thiết lập Sản phẩm HP)
- Trình gỡ cài đặt HP
- Phần mềm HP LaserJet
 - HP Scan
 - HP Director
 - Quét chương trình e-mail

Các trình điều khiển máy in hỗ trợ

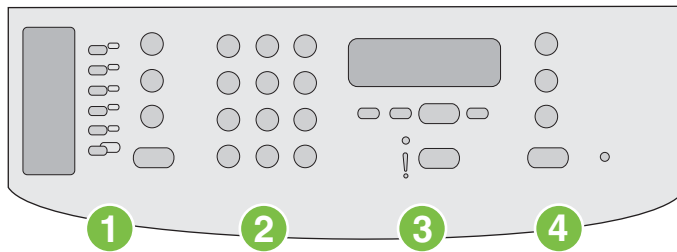
Sản phẩm này đi kèm với phần mềm cho Windows và Macintosh cho phép máy in giao tiếp với sản phẩm. Phần mềm này được gọi là trình điều khiển máy in. Trình điều khiển máy in cung cấp truy cập vào các tính năng của sản phẩm, như là in trên giấy có kích thước tùy chỉnh, chỉnh lại kích thước giấy, và thêm hình mờ.

 **GHI CHÚ:** Các trình điều khiển mới nhất có tại www.hp.com/support/ljm1319. Tùy thuộc vào cấu hình của các máy tính sử dụng Windows, chương trình cài đặt cho phần mềm của sản phẩm sẽ tự động kiểm tra để có truy cập Internet để lấy được các trình điều khiển mới nhất.

2 Bảng điều khiển

- [Mô tả panen điều khiển](#)
- [Các menu trên bảng điều khiển](#)

Mô tả panen điều khiển



- | | |
|---|---|
| 1 | Bộ điều chỉnh fax. Sử dụng bộ điều chỉnh fax để thay đổi các cài đặt fax thường sử dụng. |
| 2 | Các nút chữ và số. Sử dụng các nút chữ và số để nhập dữ liệu vào màn hình bảng điều khiển sản phẩm và quay các số điện thoại để gửi fax. |
| 3 | Thiết lập và hủy bộ điều chỉnh. Sử dụng bộ điều chỉnh này để chọn các tùy chọn menu, xác định tình trạng sản phẩm, và hủy tác vụ hiện tại. |
| 4 | Sao chép bộ điều chỉnh. Sử dụng bộ điều chỉnh này để thay đổi các cài đặt mặc định thường sử dụng và để bắt đầu sao chép. |

Các menu trên bảng điều khiển

Sử dụng các menu bảng điều khiển


Để truy cập vào menu bảng điều khiển, sử dụng các bước sau.

1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để điều hướng các danh sách.
 - Bấm **OK** để chọn tùy chọn tương ứng.
 - Bấm **Cancel (Hủy bỏ)** để hủy một thao tác và trở về trạng thái Ready (Sẵn sàng).

Các menu chính trên bảng điều khiển

Các menu này hiện có trong menu chính trên bảng điều khiển:

- Sử dụng menu **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)** để hiển thị danh sách tất cả các fax đang chờ để gửi, hoặc đã nhận được nhưng đang chờ để in, chuyển tiếp hoặc tải sang máy tính.
- Sử dụng menu **Fax functions (Các chức năng fax)** để cấu hình các chức năng fax như lên kế hoạch cho một bảng fax đang tạm hoãn, hủy chế độ **Receive to PC** (Nhận về máy PC), in lại các bản fax đã được in trước đó, hoặc in các bản fax được lưu trong bộ nhớ.
- Sử dụng menu **Copy setup (Cài đặt photocopy)** để cấu hình các cài đặt sao chép mặc định như độ tương phản, đối chiếu, hoặc số các bản sao chép được in.
- Sử dụng menu **Reports (Báo cáo)** để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.
- Sử dụng menu **Fax setup (Cài đặt fax)** để cấu hình danh bạ fax, các tùy chọn fax nhận và gửi, và các cài đặt cơ bản cho tất cả các bản fax.
- Sử dụng menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** để thiết lập các cài đặt sản phẩm cơ bản như ngôn ngữ, chất lượng in, hoặc các mức âm lượng.
- Sử dụng menu **Service (Dịch vụ)** để khôi phục lại các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.

 **GHI CHÚ:** Để in danh sách chi tiết menu trên bảng điều khiển cũng như cấu trúc của nó, hãy in bản đồ menu. Xem [Trang thông tin thuộc trang 126](#).

Bảng 2-1 Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)Trình ??n

Mục menu	Mô tả
Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)	Hiển thị các tác vụ fax đang chờ, và cho phép bạn hủy các tác vụ fax đang chờ.

Bảng 2-2 Fax functions (Các chức năng fax)Trình ??n

Mục menu	Mô tả
Gửi fax sau	Cho phép gửi một bản fax vào ngày và thời gian sau đó.
Dừng Recv to PC (Nhận về máy PC)	Tắt cài đặt Receive to PC (Nhận về máy PC) cho phép máy tính tải lên tất cả các bản fax hiện tại chưa được in ra và tất cả các bản fax mà sản phẩm sẽ nhận được trong tương lai.

Bảng 2-2 Fax functions (Các chức năng fax)Trnh ??n (còn tiếp)

Mục menu	Mô tả
In lại bản mới nhất	In lại các bản fax được lưu trong bộ nhớ sản phẩm.
Nhận vòng	Cho phép sản phẩm gọi đến một máy fax khác có bật chức năng gửi vòng.
Xóa các bản fax được lưu	Xóa tất cả các bản fax trong bộ nhớ sản phẩm.

Bảng 2-3 Copy setup (Cài đặt photocopy)Trnh ??n

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Chất lượng Mặc định	văn bản	Cài đặt chất lượng sao chép mặc định.
	Bản nháp	
	Phối hợp	
	Hình Film	
	Hình ảnh	
Def. Light/dark (Độ sáng/tối mặc định)		Cài tùy chọn độ tương phản mặc định.
Mặc định # bản sao	(Khoảng: 1-99)	Cài số lượng các bản sao mặc định.
Mặc định Giảm/Tăng	Gốc=100%	Cài phần trăm mặc định để thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu được sao chép.
	A4->Ltr=94%	
	Ltr->A4=97%	
	Toàn trang=91%	
	2 trang/tờ	
	4 trang/tờ	
	Tùy chỉnh:25-400%	
Restore defaults (Khôi phục mặc định).		Cài đặt tất cả cài đặt bản sao tùy chỉnh sang các giá trị gốc mặc định.

Bảng 2-4 Reports (Báo cáo)Trnh ??n

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Trang thử nghiệm			In trang có giới thiệu chất lượng in.

Bảng 2-4 Reports (Báo cáo)Trình ??n (còn tiếp)

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả	
Fax Reports (Báo cáo Fax)	Xác nhận Fax	Không bao giờ	Cài đặt sản phẩm in hoặc không in báo cáo xác nhận sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận thành công.	
		Chỉ gửi fax		
		Nhận fax		
			Mỗi bản fax	
	Fax Error report (Báo cáo lỗi fax)	Mọi lỗi	Gửi lỗi	Cài sản phẩm in hoặc không in báo cáo sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận không thành công.
			Nhận lỗi	
			Không bao giờ	
Last Call report (Báo cáo cuộc gọi mới nhất)			In báo cáo chi tiết hoạt động gửi hoặc nhận bản fax mới nhất.	
Bao gồm trang đầu tiên	On (Bật)	Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm bao gồm hoặc không bao gồm một hình thu nhỏ trang đầu tiên của bản fax trên báo cáo.	
Nhật ký hoạt động fax	In nhật ký ngay	In Nhật ký Tự động	In nhật ký ngay: In danh sách 50 bản fax mới nhất đã được sản phẩm gửi đi hoặc nhận về. In Nhật ký Tự động: Chọn On (Bật) để tự động in bản báo cáo sau mỗi tác vụ fax. Chọn Off (Tắt) để tắt tính năng in tự động.	
Báo cáo danh bạ			In danh sách các số quay nhanh đã được thiết lập cho sản phẩm này.	
Danh sách chặn-fax			In danh sách các số điện thoại đã bị khóa không cho gửi fax đến sản phẩm này.	
Tất cả bản báo cáo fax			In tất cả bản báo cáo có liên quan đến fax.	
Cấu trúc menu			In bản đồ bố cục menu trên bảng điều khiển. Các cài đặt hiện có cho từng menu sẽ được liệt kê.	
Báo cáo cấu hình			In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm.	

Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax)Trình ??n

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Fax header (Tiêu đề fax)	Số fax của bạn	Tên công ty	Cài đặt thông tin xác nhận bản fax đã được gửi đến sản phẩm nhận.

Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax)Trính ??n (còn tiếp)

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả	
Số Điện Thoại	Cài đặt cá nhân	Thêm/Sửa	Sửa các mục quay số nhóm và quay số nhanh trong danh bạ fax. Sản phẩm hỗ trợ lên đến 120 mục danh bạ, được phân loại theo các mục nhóm hoặc cá nhân.	
		Xóa		
	Cài đặt nhóm	Thêm/Sửa nhóm		
		Xóa nhóm		
		Xóa # trong nhóm		
	Xóa tất cả			
Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)	MĐ Độ phân giải	Mịn:	Cài đặt độ phân giải cho các tài liệu gửi đi. Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều ảnh mỗi inch (dpi) hơn sẽ hiển thị chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh mỗi inch hơn sẽ hiển thị ít chi tiết, nhưng kích cỡ tập tin sẽ nhỏ hơn.	
		Siêu mịn:		
		Ảnh chụp		
		Chuẩn		
		Mặc định độ sáng/tối	Cài đặt độ tối cho các bản fax gửi đi.	
		Chế độ Quay số	Âm	Cài đặt sản phẩm sẽ sử dụng chức năng quay số âm hoặc nhịp điệu.
			Nhịp điệu	
		Quay số lại khi bận	On (Bật)	Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số lại khi đường dây bận.
			Off (Tắt)	
		Quay số lại khi không trả lời	On (Bật)	Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số khi số máy nhận fax không trả lời.
	Off (Tắt)			
	Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu	On (Bật)	Cài đặt sản phẩm quay hoặc không quay số lại số máy nhận fax khi xảy ra lỗi truyền tín hiệu.	
		Off (Tắt)		
	Mã số đầu	On (Bật)	Xác định mã số đầu phải quay khi gửi các bản fax đi từ sản phẩm.	
		Off (Tắt)		
	Xóa âm quay số	On (Bật)	Cài sản phẩm kiểm tra hoặc không kiểm tra âm quay số trước khi gửi fax.	
		Off (Tắt)		

Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax)Trnh ??n (còn tiếp)

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)	Chế độ trả lời	Automatic (Tự động)	Cài đặt kiểu chế độ trả lời. Có các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> Automatic (Tự động): Sản phẩm sẽ tự động trả lời một cuộc gọi đến dựa trên số kiểu chuông được cấu hình. Manual (Thủ công) : Người sử dụng phải bấm nút Start Fax (Bắt đầu Fax) hoặc sử dụng điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.
		Manual (Thủ công)	
	Reo để trả lời	(Khoảng từ 1-9)	Cài đặt số kiểu chuông sẽ reo trước khi modem fax trả lời.
Answer Ring Type (Loại chuông trả lời)		All Rings (Tất cả Kiểu chuông):	Cho phép người sử dụng có hai hoặc ba số điện thoại trên cùng đường dây, mỗi số có một kiểu chuông khác nhau (trên một hệ thống điện thoại với kiểu chuông đặc biệt). <ul style="list-style-type: none"> All Rings (Tất cả Kiểu chuông): Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại. Single (Đơn): Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn. Double (Hai tiếng): Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng. Triple (Ba tiếng): Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng. Double&Triple (Hai&Ba): Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.
		Single (Đơn):	
		Double (Hai tiếng):	
		Triple (Ba tiếng):	
		Double&Triple (Hai&Ba):	
Extension Phone (Điện thoại nhánh)		On (Bật)	Khi tính năng này được bật, người sử dụng có thể bấm các nút 1-2-3 trên điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời một cuộc gọi fax đến.
		Off (Tắt)	
Silence Detect (Dò tĩnh)		On (Bật)	Cài sản phẩm có thể nhận hoặc không nhận các bản fax từ các máy fax đời cũ, loại không thể phát tín hiệu chuông được sử dụng trong quá trình gửi fax.
		Off (Tắt)	
Fit to page (Vừa trang in)		On (Bật)	Rút ngắn các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 để chúng có thể vừa với trang khổ Letter hoặc A4. Nếu tính năng này được cài sang Off (Tắt) , các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 sẽ được in trên nhiều trang.
		Off (Tắt)	
Stamp faxes (Tem fax)		On (Bật)	Cài sản phẩm để thêm ngày tháng, giờ, số điện thoại của người gửi, và số trang cho từng trang fax mà sản phẩm này nhận được.
		Off (Tắt)	
Forward fax (Chuyển tiếp fax)		On (Bật)	Cài sản phẩm gửi tất cả các bản fax nhận được sang một máy fax khác.
		Off (Tắt)	

Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax)Trnh ??n (còn tiếp)

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
	Block faxes (Chặn fax)	Add entry (Thêm số) Delete entry (Xóa số) Clear all (Xóa tất cả)	Sửa đổi danh sách fax bị chặn. Danh sách fax bị chặn có thể chứa đến 30 số. Khi sản phẩm nhận một cuộc gọi từ một trong các số fax bị chặn, máy sẽ xóa bản fax nhận được. Máy cũng sẽ theo dõi bản fax bị chặn trong nhật ký hoạt động cùng với thông tin tính toán tác vụ.
	In lại các bản fax	On (Bật) Off (Tắt)	Cài để in lại hoặc không in lại các bản fax nhận được được lưu trong bộ nhớ.
	Nhận riêng	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt Private receive (Nhận riêng) sang On (Bật) yêu cầu người sử dụng phải cài mật khẩu vào mục bảo mật sản phẩm. Sau khi cài mật khẩu, cài tùy chọn sau sẽ được cài: <ul style="list-style-type: none"> • Private receive (Nhận riêng) sẽ được bật. • Tắt cả các bản fax cũ sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ. • Fax forwarding (Chuyển tiếp fax) hoặc Receive to PC (Nhận vào máy tính) sẽ được cài sang On (Bật) và sẽ không cho phép cài. • Tắt cả các bản fax gửi đến sẽ được lưu trong bộ nhớ.
All faxes (Tất cả fax)	Sửa lỗi	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm gửi hoặc nhận lại phần lỗi khi xảy ra lỗi truyền fax.
	Fax Speed (Tốc độ fax)	Fast(Nhanh)(V.34) Medium(Vừa)(V.17) Slow(Chậm)(V.29)	Tăng hoặc giảm tốc độ truyền fax được phép.

Bảng 2-6 System setup (Cài đặt hệ thống)Trnh ??n

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Language (Ngôn Ngữ):	(Danh sách các ngôn ngữ hiển thị trên bảng điều khiển.)		Cài ngôn ngữ cho tin nhắn và các báo cáo sản phẩm sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển.
Cài đặt trang	Mặc định kích thước giấy	Letter (Thư) A4 Legal (Pháp lý)	Cài kích thước để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ tác vụ in nào không được xác định kích thước.
	Mặc định loại giấy	Liệt kê các loại giấy hiện có.	Cài loại giấy để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ tác vụ in nào không được xác định loại giấy.
Mật độ in	(Khoảng từ 1-5)		Cài lượng mực mà sản phẩm nên sử dụng để bôi đen các dòng và các góc.

Bảng 2-6 System setup (Cài đặt hệ thống)Trình ??n (còn tiếp)

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Cài đặt âm lượng	Âm báo	Êm dịu	Cài các mức âm lượng cho sản phẩm.
	Âm lượng chuông	Vừa	
	Âm bấm phím	To	
	Âm lượng đường dây điện thoại	Off (Tắt)	
	Âm lượng điện thoại cầm tay		
Thời gian/Ngày tháng	(Cài đặt định dạng thời gian, thời gian hiện tại, định dạng ngày tháng, và ngày tháng hiện tại.)		Cài đặt thời gian và ngày tháng cho sản phẩm.

Bảng 2-7 Service (Dịch vụ)Trình ??n

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Restore defaults (Khôi phục mặc định).		Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy.
Cleaning Mode (Chế độ lau dọn)		Lau dọn sản phẩm khi các vết bẩn hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy. Khi được chọn, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp giấy thường khổ Letter (Thư) hoặc A4 vào khay 1. Bấm OK để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ các trang được in.
Tốc độ USB	Cao Đầy	Cài tốc độ USB.
Giấy ít cong hơn	On (Bật) Off (Tắt)	Khi các trang in bị cong đồng nhất, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm cong. Cài đặt mặc định là Off (Tắt) .
Lưu trữ bản in	On (Bật) Off (Tắt)	Khi in, các trang sẽ được lưu trong một thời gian dài, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm lốm đốm bột mực và bụi mực. Cài đặt mặc định là Off (Tắt) .
In bảng dò T.30	Không bao giờ Ngay bây giờ Nếu xảy ra lỗi Khi kết thúc cuộc gọi	In hoặc lên kế hoạch một bản báo cáo sẽ được sử dụng để gỡ sự cố về các vấn đề truyền fax.

3 Phần mềm cho Windows

- [Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows](#)
- [Trình điều khiển máy in](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.](#)
- [Các tùy chọn cài đặt phần mềm dành cho Windows](#)
- [Xóa phần mềm trong Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows](#)

Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành Windows sau:

Cài đặt phần mềm đầy đủ


- Windows XP (32 bit)
- Windows Vista (32 bit)

Chỉ dành cho các trình điều khiển máy in và máy quét

- Windows XP (64 bit)
- Windows Vista (64 bit)
- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32 bit và 64 bit)


Trình điều khiển máy in

Trình điều khiển máy in cung cấp truy cập vào các tính năng của sản phẩm, như là in trên giấy có kích thước tùy chỉnh, chỉnh lại kích thước giấy, và thêm hình mờ.

 **GHI CHÚ:** Các trình điều khiển mới nhất có tại www.hp.com/support/ljm1319. Tùy thuộc vào cấu hình của các máy tính sử dụng Windows, chương trình cài đặt cho phần mềm của sản phẩm sẽ tự động kiểm tra để có truy cập Internet để lấy được các trình điều khiển mới nhất.

Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè cài đặt được thay đổi ở mọi nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).

Mở trình điều khiển máy in và thay đổi cài đặt in.

Hệ Điều Hành	Để thay đổi cài đặt cho tất cả các lệnh in cho tới khi chương trình phần mềm được đóng.	Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in	Để thay đổi cài đặt cấu hình thiết bị
Windows 2000, XP, Server 2003, và Vista	<ol style="list-style-type: none">1. Trên menu File (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm Print (In).2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm Properties (Đặc Tính) hoặc Preferences (Sở Thích). <p>Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm Start (Bắt đầu) bấm Settings (Cài đặt), và sau đó bấm Printers (Máy in) (Windows 2000) hoặc Printers and Faxes (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc Printers and Other Hardware Devices (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home). Đối với Windows Vista, bấm Start (Bắt đầu), bấm Control Panel (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm Printer (Máy in).2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn Printing Preferences (Sở Thích In).	<ol style="list-style-type: none">1. Bấm Start (Bắt đầu) bấm Settings (Cài đặt), và sau đó bấm Printers (Máy in) (Windows 2000) hoặc Printers and Faxes (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc Printers and Other Hardware Devices (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home). Đối với Windows Vista, bấm Start (Bắt đầu), bấm Control Panel (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm Printer (Máy in).2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn Properties (Đặc Tính).3. Nhấp vào tab Configure (Cấu hình).

Các tùy chọn cài đặt phần mềm dành cho Windows

Hiện có các loại cài đặt phần mềm sau:

- **Easy** (Dễ dàng). Cài đặt giải pháp phần mềm đầy đủ.
- **Advanced** (Nâng cao). Sử dụng tùy chọn này để chọn phần mềm hoặc trình điều khiển nào sẽ được cài đặt.

Xóa phần mềm trong Windows

1. Nhấp **Start**, và sau đó nhấp **All Programs**.
2. Nhấp **HP**, và sau đó nhấp **HP LaserJet M1319**.
3. Nhấp **Uninstall**, và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.

Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) phần mềm

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Cấu hình các thông báo pop-up.
- Xem thông tin gỡ sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Phần mềm Cảnh báo Tình trạng

Phần mềm Cảnh báo Tình trạng cung cấp thông tin về tình trạng hiện thời của sản phẩm.

Phần mềm này còn cung cấp các cảnh báo pop-up khi xuất hiện những sự kiện nhất định, như là hết giấy hoặc khi có vấn đề với sản phẩm. Cảnh báo bao gồm thông tin về cách khắc phục vấn đề.

Các thành phần và tiện ích Windows khác

- Bộ cài đặt phần mềm — tự động cài đặt hệ thống in
- Đăng ký Web trực tuyến

4 Sử dụng sản phẩm với máy Macintosh


- [Phần mềm cho máy Macintosh](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)
- [Quét từ sản phẩm và HP Director \(Trình Chủ Đạo HP\) \(Macintosh\)](#)
- [Fax một tài liệu từ máy Macintosh](#)

Phần mềm cho máy Macintosh

Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Thiết bị hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X v10.3, v10.4 và phiên bản mới hơn

 **GHI CHÚ:** Đối với OS v10.4 và phiên bản hơn, PPC và Intel Core Processor Macs được hỗ trợ.

Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Bộ cài đặt của HP cung cấp các tập tin Mô Tả Máy In PostScript® (PPD), Các Ứng Dụng Mở Rộng Hộp Thoại Máy In (PDE), và HP Printer Utility (Tiện Ích Máy In HP) để sử dụng với máy tính Macintosh.

Các PPD, kết hợp với các trình điều khiển PostScript dành cho Apple, cung cấp truy cập vào các tính năng của thiết bị. Sử dụng trình điều khiển PostScript dành cho Apple đi kèm với máy tính.

Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè cài đặt được thay đổi ở mọi nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

Thay đổi các thông số cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh

Để thay đổi cài đặt cho tất cả các lệnh in cho tới khi chương trình phần mềm được đóng.

Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in

Để thay đổi cài đặt cấu hình thiết bị

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).

2. Thay đổi cài đặt bạn muốn trên các menu pop-up khác nhau.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).

2. Thay đổi cài đặt bạn muốn trên các menu pop-up khác nhau.

3. Trên menu pop-up **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save as** (Lưu làm) và nhập tên của cài đặt sẵn.

Các cài đặt này được lưu trong menu **Presets** (Cài đặt sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn cài đặt sẵn đã lưu mỗi lần mở một chương trình và in.

1. Trong Finder (Trình Tìm), trên menu **Go** (Đến), bấm **Applications** (Ứng Dụng).

2. Mở **Utilities** (Các tiện ích) và sau đó mở **Printer Setup Utility** (Tiện ích cài đặt máy in).

3. Bấm vào xếp hàng in.

4. Trên menu **Printers** (Máy In), bấm **Show Info** (Hiển Thị Thông Tin).

5. Bấm menu **Installable Options** (Tùy Chọn Có Thể Cài Đặt).

GHI CHÚ: Cài đặt cấu hình có thể không khả dụng ở chế độ Classic (Cổ Điển).

Các tùy chọn cài đặt phần mềm dành cho Macintosh

Cài đặt phần mềm Macintosh cho các kết nối trực tiếp (USB)

1. Kết nối cáp USB giữa cổng USB của thiết bị và cổng USB của máy tính. Sử dụng cáp USB 2m chuẩn (6,56 bộ).
2. Đưa đĩa CD của máy in vào ổ CD-ROM và chạy trình cài đặt. Nếu menu CD không tự khởi chạy, hãy nhấp đúp vào biểu tượng CD trên màn hình máy tính.
3. Nhấp đúp vào biểu tượng **Installer** (Bộ cài đặt) trên thư mục Bộ cài đặt HP LaserJet.
4. Làm theo chỉ dẫn trên màn hình máy tính.

Dây lệnh đợi máy in USB sẽ tự động tạo ra khi bạn nối sản phẩm vào máy tính. Tuy nhiên, dây lệnh đợi này sẽ dùng PPD chung nếu bạn chưa dùng trình cài đặt trước khi gắn cáp USB. Thực hiện các bước sau để thay đổi chuỗi PPD.

5. Trên ổ đĩa cứng máy tính, mở **Applications** (Ứng dụng), mở **Utilities** (Các tiện ích), và sau đó mở **Printer Setup Utility** (Tiện Ích Cài Đặt Máy In).
6. Chọn xếp hàng máy in phù hợp, và sau đó nhấp vào **Show Info** (Hiển thị Thông tin) để mở hộp thoại **Printer Info** (Thông tin Máy in).
7. Trong menu bật lên, chọn **Printer Mode** (Kiểu Máy In), và sau đó, trong menu bật lên chọn **Generic** (Chung), hãy chọn tập tin PPD đúng cho thiết bị.
8. In một trang từ chương trình phần mềm bất kỳ để đảm bảo phần mềm đã được cài đặt đúng.

Nếu việc cài đặt thất bại, hãy cài đặt lại phần mềm. Nếu không được, hãy xem ghi chú cài đặt hoặc các tệp readme mới nhất trên đĩa CD của thiết bị hoặc tờ rơi đi kèm với thùng sản phẩm để được trợ giúp.

Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

In

Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh


Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in.
4. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save As...** (Lưu làm), và nhập tên cho cài đặt sẵn này.
5. Bấm **OK**.

Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), chọn cài đặt sẵn in bạn muốn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn **Factory Default** (Mặc Định của Nhà Máy).

Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh

Bạn có thể co giãn tài liệu cho vừa trên kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Paper Handling** (Xử Lý Giấy).
3. Trong vùng cho **Destination Paper Size** (Kích Thước Giấy Đích), chọn **Scale to fit paper size** (Co giãn cho vừa kích thước giấy), và sau đó chọn kích thước giấy từ danh sách thả xuống.
4. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng giấy nhỏ hơn tài liệu, chọn **Scale down only** (Chỉ giảm xuống).

In trang bìa

Bạn có thể in một trang bìa riêng cho tài liệu có một thông báo (chẳng hạn như “Bí Mật”).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu pop-up **Cover Page** (Trang Bìa) và sau đó chọn in trang bìa **Before Document** (Trước tài liệu) hoặc **After Document** (Sau tài liệu)
4. Trong menu pop-up **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa), chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trắng, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa).

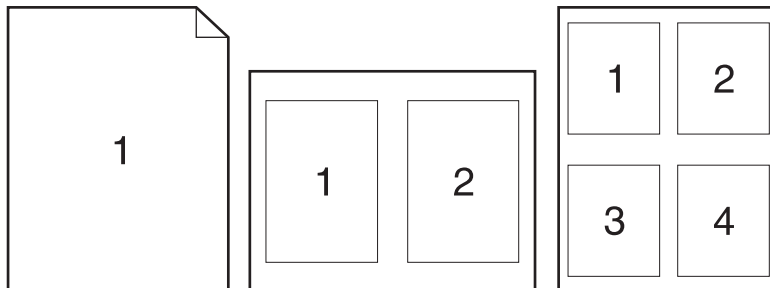
Sử dụng các hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như “Bí Mật,” được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Watermarks** (Hình mờ).
3. Chọn **Mode** (Chế độ), chọn kiểu hình mờ bạn muốn sử dụng. Chọn **Watermark** (Hình mờ) để in một thông báo nửa trong suốt. Chọn **Overlay** (Phủ) để in một thông báo không trong suốt.
4. Chọn **Page** (Trang), chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trang đầu.
5. Chọn **Text** (Văn bản), chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn **Custom** (Tùy chỉnh) và nhập một thông báo mới vào hộp.
6. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.

In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh

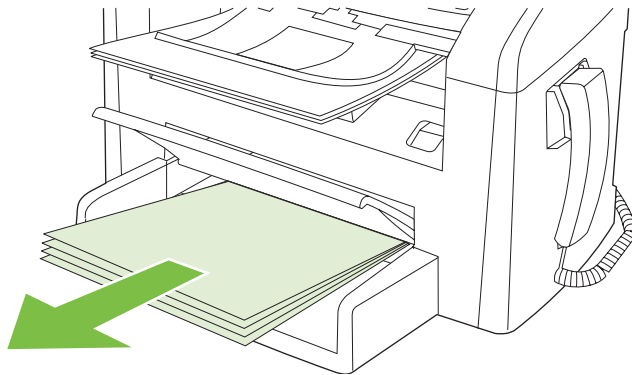
Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy. Tính năng này cung cấp một cách hiệu quả để in các trang nháp.



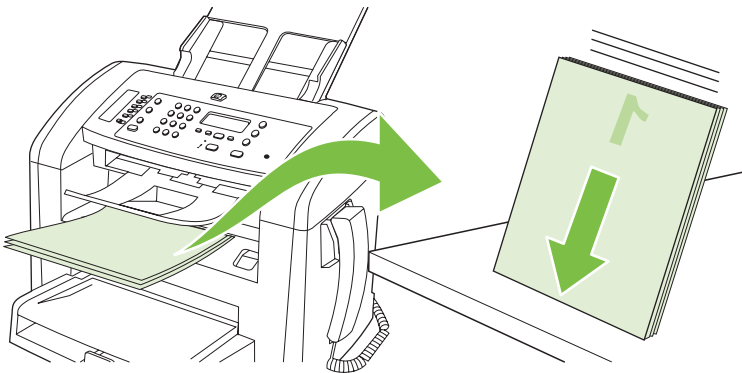
1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu pop-up **Layout** (Bố cục).
4. Chọn **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Chọn **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và bố cục của các trang tài liệu trên trang giấy.
6. Chọn **Borders** (Đường viền), chọn kiểu đường viền sẽ được in quanh mỗi trang tài liệu trên trang giấy.

In trên cả hai mặt của trang (in hai mặt)

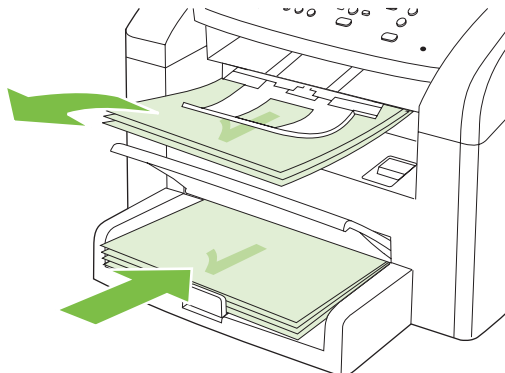
1. Trong hộp thoại **Print** (In), chọn **Manual Duplex** (In Hai Mặt Thủ Công).
2. Trong vùng **Manual Duplex** (In Hai Mặt Thủ Công), chọn **Print on Both Sides (Manually)** (In trên Cả Hai Mặt (Thủ Công)).
3. In tài liệu.
4. Sau khi một mặt đã được in, hãy lấy vật liệu in còn lại ra khỏi khay nạp giấy, và đặt chúng sang một bên cho đến khi bạn hoàn tất tác vụ in hai mặt.



5. Giữ nguyên hướng giấy, lấy chồng giấy in rồi ra khỏi khay xuất giấy, sau đó vuốt thẳng chồng giấy.



6. Vẫn giữ nguyên hướng giấy, đặt lại chồng giấy vào khay nạp giấy. Mặt được in phải đặt hướng xuống dưới.



7. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **OK** và đợi máy in bề thứ hai ra.

Quét từ sản phẩm và HP Director (Trình Chủ Đạo HP) (Macintosh)

Để biết thêm thông tin về các tác vụ và cài đặt được mô tả trong phần này, xem phần Trợ giúp trực tuyến của HP Director (Trình Chủ Đạo HP).

Các tác vụ quét

Để quét tới một chương trình phần mềm, hãy sử dụng chương trình đó để quét một mục. Bất kỳ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN nào cũng có thể quét được hình ảnh. Nếu chương trình không dựa theo quy chuẩn TWAIN, lưu lại hình ảnh đã quét vào một tập tin, sau đó thay thế, mở, hoặc nhập tập tin vào chương trình phần mềm.

Sử dụng chức năng quét từng trang

1. Nạp tài liệu gốc cần quét vào khay ADF với mặt tài liệu hướng xuống dưới.
2. Nhấp đúp vào bí danh HP Director (Trình Chủ Đạo HP) hiển thị trên màn hình.
3. Nhấp vào HP Director (Trình Chủ Đạo HP), và sau đó nhấp vào **Scan** (Quét) để mở hộp thoại **HP**.
4. Nhấp vào **Scan** (Quét).
5. Để quét nhiều trang, nạp trang kế tiếp vào và nhấp **Scan** (Quét). Lặp lại thao tác cho đến khi tất cả các trang đều được quét.
6. Nhấp **Finish** (Xong) và sau đó nhấp **Destinations** (Nơi nhận).

Quét tập tin

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **Save To File(s)** (Lưu vào (các) Tập tin).
2. Đặt tên tập tin và xác định vị trí nơi nhận.
3. Nhấp **Save** (Lưu). Tài liệu gốc sẽ được quét và lưu lại.

Quét và gửi qua e-mail

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **E-mail**.
2. Một e-mail trống sẽ mở ra với tài liệu đã quét làm tập đính kèm.
3. Nhập địa chỉ người nhận e-mail, thêm văn bản, hoặc các tập tin đính kèm khác, sau đó nhấp **Send** (Gửi).


Fax một tài liệu từ máy Macintosh

1. Trong chương trình phần mềm, trên menu **File** (Tập tin), chọn **Print** (In).
2. Nhấp **PDF**, và sau đó chọn **Fax PDF** (Gửi PDF qua fax).
3. Nhập số fax vào trường **To** (Đến).
4. Để nạp trang bìa, chọn **Use Cover Page** (Dùng Trang Bìa) và sau đó nhập chủ đề trang bìa cùng với tin nhắn (tùy chọn).
5. Nhấp vào **Fax (Fax)**.

5 Khả năng kết nối

- Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB

Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB

 **GHI CHÚ:** Không kết nối cáp USB từ sản phẩm vào máy tính cho đến khi bộ cài đặt nhắc bạn thực hiện.

1. Chèn đĩa CD sản phẩm vào máy tính. Nếu bộ cài đặt phần mềm không tự động chạy, hãy di chuyển đến tập tin setup.exe trên đĩa CD và nhấp đôi vào tập tin.
2. Thực hiện theo các hướng dẫn của bộ cài đặt.
3. Cho phép hoàn tất tiến trình cài đặt, và sau đó khởi động lại máy tính.

6 Giấy và Phương tiện In

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các khổ giấy in và loại giấy hỗ trợ](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp giấy và phương tiện in](#)
- [Cấu hình các khay](#)

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa

Để đạt được kết quả in tốt nhất, chỉ nên sử dụng giấy và mực in chính hãng của HP dành riêng cho các máy in la-de. Không được sử dụng giấy và mực in dành cho các máy in phun. Công ty Hewlett-Packard không thể khuyên bạn sử dụng sản phẩm mang nhãn hiệu của các công ty khác bởi vì HP không thể kiểm soát được chất lượng của những sản phẩm ấy.


Vẫn có khả năng là giấy đáp ứng tất cả nguyên tắc hướng dẫn sử dụng mà vẫn không thể cho kết quả đáng hài lòng. Đây có thể là hậu quả của việc xử lý không thích đáng, nhiệt độ và/hay độ ẩm không thể chấp nhận, hay các thay đổi mà Hewlett-Packard không kiểm soát được.

△ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng giấy hay phương tiện in không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của Hewlett-Packard có thể gây ra các vấn đề về sản phẩm, cần sửa chữa. Việc sửa chữa này không nằm trong thỏa thuận bảo hành hay dịch vụ của Hewlett-Packard.

THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

Các khổ giấy in và loại giấy hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ một số kích thước giấy, và nó thích hợp với nhiều loại vật liệu in.

 **GHI CHÚ:** Để tạo được các bản in hoàn hảo nhất, hãy chọn loại và khổ giấy thích hợp trong trình điều khiển máy in trước khi in.

Bảng 6-1 Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Kích thước	Kích thước	Khay nạp giấy ưu tiên	Khay 1
Letter (Thư)	216 x 279 mm	✓	✓
Legal (Pháp lý)	216 x 356 mm	✓	✓
A4	210 x 297 mm	✓	✓
Executive (Điều hành)	184 x 267 mm	✓	✓
A3	297 x 420 mm		
A5	148 x 210 mm	✓	✓
A6	105 x 148 mm	✓	✓
B5 (JIS)	182 x 257 mm	✓	✓
16k	197 x 273 mm	✓	✓
16k	195 x 270 mm	✓	✓
16k	184 x 260 mm	✓	✓
8,5 x 13	216 x 330 mm	✓	✓
4 x 6 ¹	107 x 152 mm	✓	✓
5 x 8 ¹	127 x 203 mm	✓	✓
10 x 15 cm ¹	100 x 150 mm	✓	✓
Tùy chỉnh	Khay nạp giấy ưu tiên: Tối thiểu—76 x 127 mm; Tối đa—216 x 356 mm	✓	✓

¹ Các kích thước này được hỗ trợ làm kích thước tùy chỉnh.

Bảng 6-2 Các loại phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ

Kích thước	Kích thước	Khay nạp giấy ưu tiên	Khay 1
Phong bì #10	105 x 241 mm	✓	✓
Phong bì DL	110 x 220 mm	✓	✓
Phong bì C5	162 x 229 mm	✓	✓

Bảng 6-2 Các loại phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ (còn tiếp)

Kích thước	Kích thước	Khay nạp giấy ưu tiên	Khay 1
Phong bì B5	176 x 250 mm	✓	✓
Phong bì Monarch	98 x 191 mm	✓	✓
Bưu thiếp	100 x 148 mm	✓	✓
Bưu thiếp khổ kép	148 x 200 mm	✓	✓

Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các vật liệu đặc biệt. Sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy hay vật liệu in đặc biệt, nhớ cài loại và cỡ trong chương trình điều khiển in để có kết quả in tốt nhất.

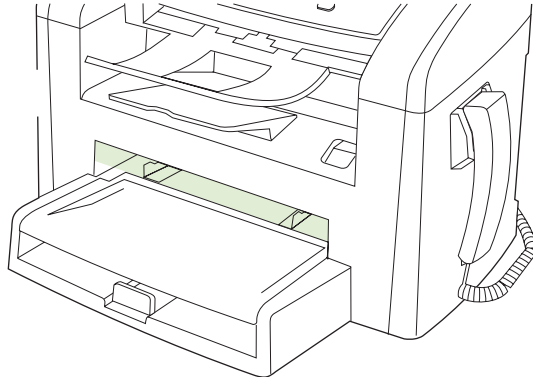
- △ **THẬN TRỌNG:** Các máy in HP LaserJet sử dụng bộ phận làm nóng chảy để làm dính các hạt mực khô lên giấy ở các điểm rất chính xác. Giấy in la-de của HP được thiết kế để chịu được nhiệt độ cực cao này. Sử dụng giấy dành cho máy in phun không được thiết kế cho công nghệ này có thể làm hư máy in của bạn.

Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	<ul style="list-style-type: none"> Ngăn chứa phong bì. Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì. Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de. 	<ul style="list-style-type: none"> Không sử dụng các phong bì nhân nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác. Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót. Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.
Các nhãn	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng. Sử dụng các Nhãn nằm thật sát. Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn. 	<ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng. Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.
Phim đèn chiếu	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng các phim đèn chiếu được chấp nhận sử dụng trong các máy in la-de. Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy. 	<ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de.
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de. 	<ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.
Giấy dày	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này. 	<ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.
Giấy láng hay có phủ	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de. 	<ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.

Nạp giấy và phương tiện in

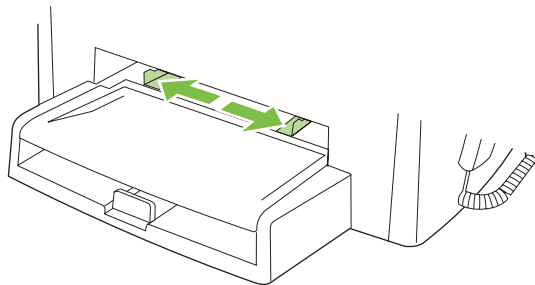
Khay nạp giấy ưu tiên

Khay nạp giấy ưu tiên có thể đóng mở ở phía trước sản phẩm. Sản phẩm in từ khay nạp giấy ưu tiên trước khi thử in từ khay 1.



Khay nạp giấy ưu tiên có thể lưu đến 10 tờ giấy loại 75 g/m² hoặc một phong bì, một tờ giấy trong, hoặc một thiệp giấy. Bạn có thể sử dụng khay nạp giấy ưu tiên để in trang đầu tiên trên phương tiện khác với phần còn lại của tài liệu.

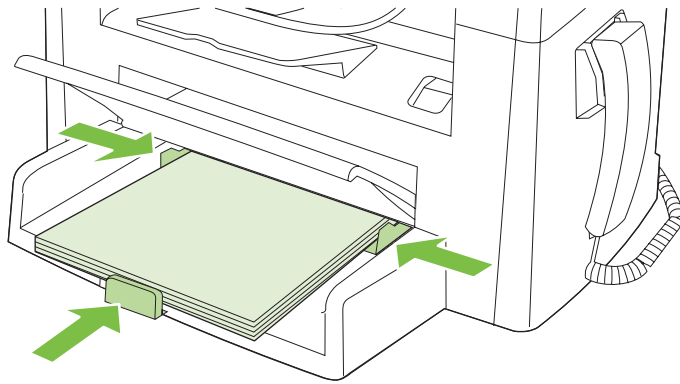
Thanh dẫn vật liệu in sẽ đảm bảo các loại vật liệu in sẽ được nạp đúng cách vào sản phẩm và bản in không bị lệch giấy (không thẳng trên vật liệu in). Khi nạp vật liệu in, hãy chỉnh thanh dẫn vật liệu in cho khớp với độ rộng của loại vật liệu mà bạn đang dùng.




Khay 1

Khay 1 chứa đến 250 trang giấy 75 g/m², hoặc ít trang hơn đối với phương tiện nặng hơn (25 mm hoặc thấp hơn chiều cao của xếp). Nạp giấy với phần đầu hướng về trước và mặt cần in hướng xuống dưới.

Thanh dẫn vật liệu in sẽ đảm bảo các loại vật liệu in sẽ được nạp đúng cách vào sản phẩm và bản in không bị lệch giấy. Khay 1 có các thanh dẫn vật liệu ở cạnh bên và rìa. Khi nạp vật liệu in, hãy chỉnh thanh dẫn vật liệu in cho khớp với độ dài của loại vật liệu mà bạn đang dùng.




 **GHI CHÚ:** Khi cho thêm vật liệu in mới, hãy chắc chắn là bạn đã loại bỏ tất cả vật liệu in ở khay nạp và làm phẳng toàn bộ tập giấy. Không xòe giấy ra. Việc làm này giúp bạn ngăn không cho nhiều tờ vật liệu in nạp vào máy in cùng lúc, và do vậy làm giảm kẹt giấy.

Cấu hình các khay

Để cài loại hoặc kích thước giấy mặc định từ bảng điều khiển, hoàn tất các bước sau.

Cấu hình các khay dùng cho tác vụ sao chép

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Paper Setup (Cài Đặt Trang)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (Mặc định) paper size (khổ giấy)** hoặc **Def. (Mặc định) loại giấy**, và sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kích thước hoặc loại giấy mặc định cho khay, và sau đó bấm **OK**.

 **GHI CHÚ:** Để cấu hình các khay sản phẩm dùng cho tác vụ in, hãy dùng trình điều khiển máy in.

7 Thao tác in

Phần này cung cấp thông tin về các tác vụ in thông thường.

- [Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy](#)
- [Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ấn](#)
- [Hủy lệnh in](#)
- [Thay đổi các cài đặt mặc định](#)
- [Tạo sổ tay](#)
- [Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in](#)
- [Thay đổi mật độ in](#)
- [In trên phương tiện đặc biệt](#)
- [Sử dụng giấy và bìa in khác nhau](#)
- [In trang đầu tiên trắng](#)
- [Chỉnh lại kích thước tài liệu](#)
- [Chọn kích thước giấy](#)
- [Chọn nguồn giấy](#)
- [Chọn loại giấy](#)
- [Đặt hướng in](#)
- [Sử dụng hình mờ](#)
- [Lưu bột mực](#)
- [In trên cả hai mặt giấy \(in hai mặt\)](#)
- [In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows](#)
- [Cài đặt tiết kiệm](#)

Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy

Chọn phương tiện theo loại và kích thước sẽ tạo ra chất lượng in tốt hơn đáng kể cho giấy nặng, giấy bóng, và phim trong suốt. Sử dụng sai cài đặt có thể dẫn đến chất lượng in không tốt. Luôn in theo **Type** (Loại) đối với các phương tiện in đặc biệt, như là nhãn hoặc phim trong suốt. Luôn in theo **Size** (Kích thước) đối với phong bì.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong hộp danh sách **Paper Type** (Loại Giấy) hoặc **Paper Size** (Kích Thước Giấy), chọn đúng loại hoặc kích thước phương tiện.
5. Bấm **OK**.

Loại giấy và dung lượng khay hỗ trợ

Sản phẩm này có ưu tiên khay cho việc nạp vật liệu in:

1. Khay nạp giấy ưu tiên
2. Khay 1

Kích thước giấy tối thiểu là 76 x 127 mm.

Kích thước giấy tối đa là 216 x 356 mm.

Để có kết quả in tốt nhất, hãy thay đổi thiết lập kích thước giấy và loại giấy trong tập tin điều khiển máy in trước khi in.

Loại	Thông số kỹ thuật của vật liệu in	Khay nạp giấy ưu tiên	Khả năng chứa giấy của Khay 1 ²
Thường	75 g/m ² đến 104 g/m ²	Tối đa 10 tờ	Tối đa 250 tờ
Màu			
In trước			
Dập lỗ trước			
Tái chế			
Nhẹ	60 g/m ² đến 75 g/m ²	Tối đa 10 tờ	Tối đa 260 tờ
Phong bì	ít hơn 90 g/m ²	1 phong bì	Tối đa 10 phong bì.
Nhãn	Chuẩn	1 tờ	Không được hỗ trợ.
Liên kết	75 g/m ² đến 104 g/m ²	1 tờ	Tối đa 250 tờ
Phác thảo	75 g/m ² đến 104 g/m ²	1 tờ	Tối đa 200 tờ
Giấy trong	4 mm Overhead đơn sắc	1 tờ	Tối đa 200 tờ
Nặng	110 g/m ² đến 125 g/m ²	Tối đa 10 tờ	Không được hỗ trợ.

Loại	Thông số kỹ thuật của vật liệu in	Khay nạp giấy ưu tiên	Khả năng chứa giấy của khay 1 ²
Giấy tiêu đề	75 g/m ² đến 104 g/m ²	Tối đa 10 tờ	Tối đa 250 tờ

² Chiều cao của xếp tối đa dành cho khay 1 là 25 mm (1 inch).

Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ấn


Trình trợ giúp Trình điều khiển máy in không chứa trong phần Trợ giúp dành cho chương trình. Phần trợ giúp trình điều khiển máy in trình bày các phần giải thích về các nút bấm, hộp chọn và danh sách tùy chọn trong trình điều khiển máy in. Phần này cũng chứa các hướng dẫn thực hiện các thao tác in ấn thông thường, như in trên cả hai mặt, in nhiều trang trên một tờ giấy in, và in trang đầu tiên hoặc trang bìa bằng các loại giấy khác nhau.

Kích hoạt màn hình Trợ giúp trình điều khiển máy in bằng một trong những cách sau:

Windows	Macintosh
<ul style="list-style-type: none"> Trong hộp thoại Properties (Đặc tính) của trình điều khiển máy in, nhấp vào nút Help (Trợ giúp). Bấm phím F1 trên bàn phím máy tính. Nhấp vào biểu tượng dấu hỏi ở góc phải bên trên của trình điều khiển máy in. Nhấp phải vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển thiết bị này, và sau đó nhấp vào What's This? (Đây là Gì?). 	<ul style="list-style-type: none"> Trong hộp thoại Print (In), nhấp vào nút ? nút.

Hủy lệnh in

Nếu đang thực hiện lệnh in hiện tại, hủy lệnh in bằng cách bấm **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Việc bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa lệnh in mà sản phẩm đang tiến hành. Nếu có nhiều quy trình đang hoạt động, bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa quy trình đang hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm.

Bạn cũng có thể hủy lệnh in từ chương trình phần mềm hoặc từ dãy lệnh in.

Để ngừng lệnh in ngay lập tức, xóa phương tiện in còn lại trong sản phẩm. Sau khi dừng in, sử dụng một trong các tùy chọn sau:

- **Bảng điều khiển thiết bị:** Để hủy lệnh in, hãy nhấn và thả nút **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm.
- **Chương trình phần mềm:** Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện ngăn gọn trên màn hình máy tính, cho phép bạn hủy lệnh in.
- **Xếp in của Windows:** Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong spooler (bộ in nền), hãy xóa lệnh in tại đó.
 - **Windows 2000:** Hãy vào hộp thoại **Printer (Máy in)**. Nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Settings (Cài đặt)**, và sau đó nhấp **Printers (Máy in)**. Nhấp đúp vào biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, chọn nhiệm vụ in, và nhấp **Delete (Xóa)**.
 - **Windows XP hoặc Server 2003:** Nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Settings (Thông số cài đặt)**, và sau đó nhấp **Printer and Faxes (Máy in và Fax)**. Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel (Hủy)**.
 - **Windows Vista:** Nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Control Panel (Bảng điều khiển)** và sau đó trong phần **Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)**, nhấp **Printer (Máy in)**. Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel (Hủy)**.
- **Dãy lệnh in Macintosh:** Nhấp đôi vào biểu tượng sản phẩm trên bộ đỡ để mở dãy lệnh in. Tô sáng lệnh in và sau đó nhấp **Delete (Xóa)**.

Thay đổi các cài đặt mặc định

1. Bấm **Start** (Bắt đầu) bấm **Settings** (Cài đặt), và sau đó bấm **Printers** (Máy in) (Windows 2000) hoặc **Printers and Faxes** (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc **Printers and Other Hardware Devices** (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home).

Đối với Windows Vista, bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Nhấp vào tab **Configure** (Cấu hình).
4. Thay đổi các cài đặt, sau đó nhấp **OK**.

Tạo sổ tay

Bạn có thể sao chép hai trang trên mỗi mặt giấy để bạn có thể gấp giấy lại theo trục ngang và tạo thành một cuốn sổ tay. Thiết bị sẽ sắp xếp các trang in theo đúng trình tự. Ví dụ như, nếu tài liệu gốc có tám trang, thiết bị sẽ in trang 1 và 8 trên cùng mặt giấy.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print On Both Sides** (In Trên Cả Hai Mặt).
5. Trong cửa sổ danh sách dành cho **Booklet Layout** (Bố cục Sổ tay), chọn **Left Edge Binding** (Đóng Cạnh Trái) hoặc **Right Edge Binding** (Đóng Cạnh Phải). Thông số **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản) sẽ tự động chuyển sang 2 trang mỗi mặt.
6. Bấm **OK**.

Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Trong tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng), chọn độ phân giải hoặc thông số chất lượng in mà bạn muốn trong menu **Print Quality** (Chất Lượng In).
3. Bấm **OK**.

Thay đổi mật độ in

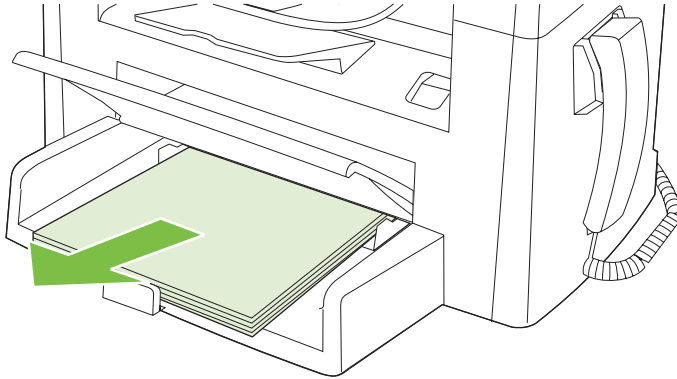
Việc tăng mật độ in sẽ làm tăng độ tối của bản in trên trang.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Nhấp vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).
4. Dùng thanh trượt **Print Density** (Mật Độ In) để thay đổi thông số này.
5. Bấm **OK**.

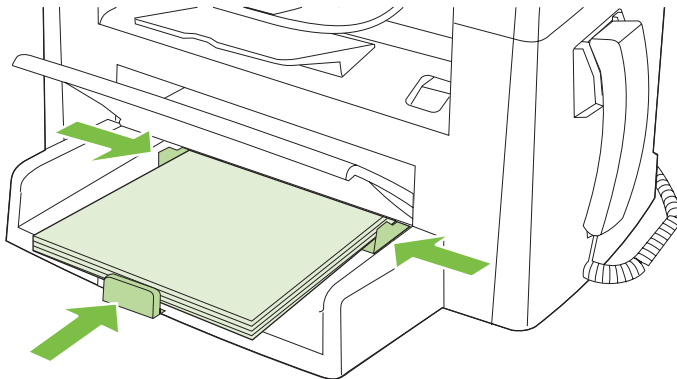
In trên phương tiện đặc biệt

Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật HP. Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.

1. Mở khay tiếp giấy và xóa bất kỳ phương tiện nào.



2. Nạp phương tiện. Phải bảo đảm phần đầu của giấy hướng về trước và mặt cần in hướng xuống dưới.
3. Điều chỉnh đường dẫn giấy cho phù hợp với độ dài và độ rộng của vật liệu.



4. Trên trình điều khiển máy in, trong thẻ **Paper** (Giấy) hoặc thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn loại phương tiện từ danh sách sổ xuống **Paper Type** (Loại giấy).

△ **THẬN TRỌNG:** Nhớ cài đúng loại vật liệu in trong thông số cài đặt sản phẩm. Sản phẩm sẽ điều chỉnh nhiệt độ bộ nhiệt áp theo cài đặt loại vật liệu in. Khi in trên vật liệu đặc biệt như nhãn hoặc giấy trong, sự điều chỉnh này sẽ ngăn không cho bộ nhiệt áp làm hư phương tiện khi nó đi qua sản phẩm.

5. In tài liệu.

Sử dụng giấy và bìa in khác nhau

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn loại giấy thích hợp.
4. Nhấp **Use different paper** (Dùng giấy khác).
5. Chọn loại trang mà bạn muốn dùng để in những trang cụ thể trên các loại giấy khác nhau.
6. Để in bìa trước hoặc sau, chọn **Add Blank or Preprinted Cover** (Thêm Bìa Trắng hoặc In Sẵn).
7. Bấm **OK**.

 **GHI CHÚ:** Kích thước giấy phải giống nhau cho tất cả các trang của lệnh in.

In trang đầu tiên trắng

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), nhấp **Use different paper** (Dùng giấy khác).
4. Trong khung danh sách, nhấp **Front or Back Cover** (Bìa Trước hoặc Sau).
5. Nhấp **Add Blank or Preprinted Cover** (Thêm Bìa Trắng hoặc In Sẵn).
6. Bấm **OK**.

Chỉnh lại kích thước tài liệu

Sử dụng tùy chọn chỉnh lại kích thước tài liệu để co giãn tài liệu theo phần trăm của kích thước bình thường của tài liệu này. Bạn cũng có thể chọn in một tài liệu trên giấy có kích thước khác, có hoặc không co giãn.

Thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Effects** (Hiệu ứng), chọn **% of normal size** (% kích thước thường), và sau đó nhập vào tỷ lệ phần trăm mà bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

Bạn cũng có thể sử dụng thanh di chuyển để điều chỉnh phần trăm.

4. Bấm **OK**.

In tài liệu trên khổ giấy khác

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Chọn tab **Effects** (Hiệu ứng), bấm vào **Print Document On** (In Tài Liệu Trên).
4. Chọn kích thước giấy sẽ in trên đó.
5. Để in tài liệu mà không co giãn nó cho vừa, đảm bảo rằng tùy chọn **Scale to Fit** (Co Giãn Cho Vừa) *không* được chọn.
6. Bấm **OK**.

Chọn kích thước giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn kích thước từ danh sách sổ xuống **Size is** (Kích thước là).
4. Nhấp **OK**.

Chọn nguồn giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn nguồn giấy từ danh sách sổ xuống **Source** (Nguồn).
4. Nhấp **OK**.

Chọn loại giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) chọn loại giấy từ danh sách sổ xuống **Type is** (Loại là).
4. Nhấp **OK**.

Đặt hướng in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Finishing** (Kết thúc), chọn **Portrait** (Đứng) hoặc **Landscape** (Ngang) trong mục **Orientation** (Định hướng).
4. Nhấp **OK**.

Sử dụng hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như "Bí Mật," được in trên nền mỗi trang tài liệu.


1. Trên menu **File** (Tập) của chương trình phần mềm, nhấp vào **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó nhấp vào **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Từ tab **Effects** (Hiệu ứng), nhấp vào danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).
4. Nhấp vào hình mờ bạn muốn sử dụng.
5. Nếu bạn muốn hình mờ chỉ xuất hiện trên trang đầu tiên của tài liệu, hãy nhấp vào **First Page Only** (Chỉ Trang Đầu).
6. Nhấn **OK**.

Để xóa hình mờ, nhấp (**none**) (không) trong danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).


Lưu bột mực

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), nhấp **EconoMode**.
4. Nhấp **OK**.

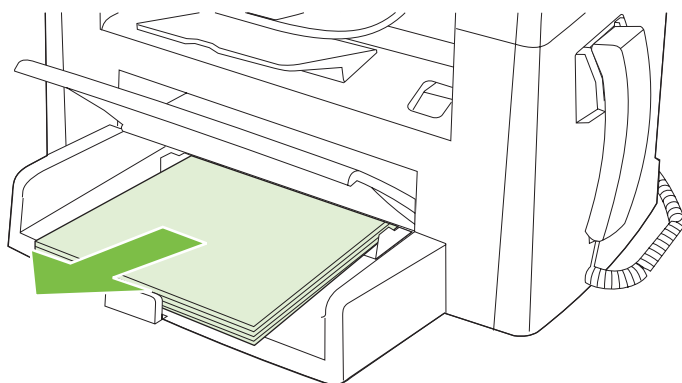
In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt)

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển máy in cũng chứa các hướng dẫn và hình ảnh minh họa cho tác vụ in hai mặt theo cách thủ công.

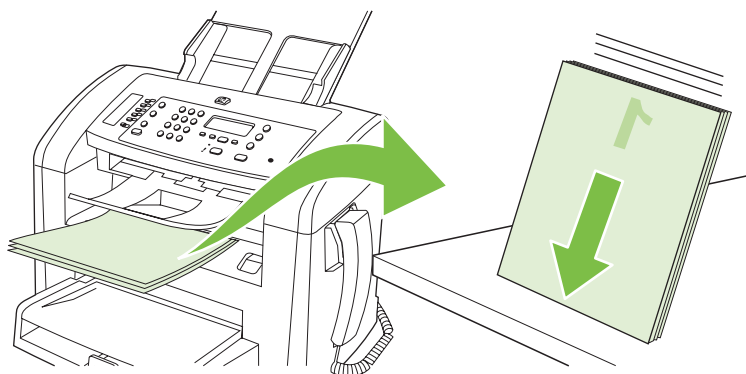
1. Trong chương trình phần mềm, hãy mở phần đặc tính (trình điều khiển thiết bị).
2. Trên tab **Finishing** (Hoàn tất), chọn **Print on Both Sides (Manually)** (In trên Cả Hai Mặt (Thủ Công)).

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn **Print on Both Sides** (In trên Cả Hai Mặt) bị mờ hoặc không có tác dụng, hãy mở phần đặc tính (trình điều khiển thiết bị). Trên tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị) hoặc tab **Configure** (Cấu hình), chọn **Allow Manual Duplexing** (Cho phép In hai mặt Thủ công), và sau đó nhấp **OK**. Lặp lại các bước từ 1 đến 2.

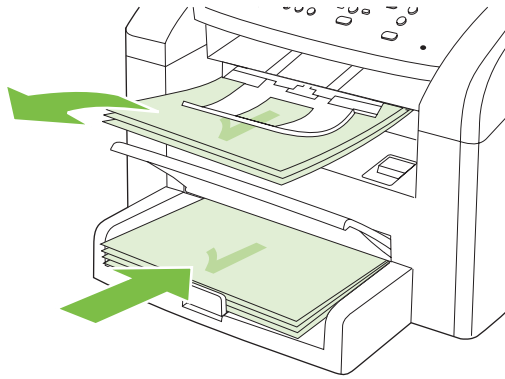
3. In tài liệu.
4. Sau khi một mặt đã được in, hãy lấy vật liệu in còn lại ra khỏi khay nạp giấy, và đặt chúng sang một bên cho đến khi bạn hoàn tất tác vụ in hai mặt.



5. Giữ nguyên hướng giấy, lấy chồng giấy in rồi ra khỏi khay xuất giấy, sau đó vuốt thẳng chồng giấy.



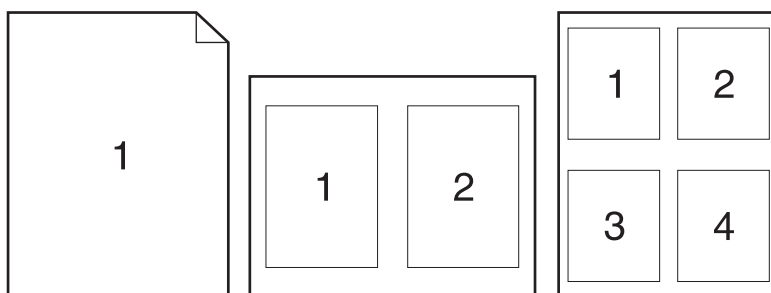
6. Vẫn giữ nguyên hướng giấy, đặt lại chồng giấy vào khay nạp giấy. Mặt được in phải đặt hướng xuống dưới.



7. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **OK** và đợi máy in bề thứ hai ra.

In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy.



1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm tab **Finishing** (Kết Thúc).
4. Trong danh sách sổ xuống **Document Options** (Tùy Chọn Tài Liệu), chọn số trang mà bạn muốn in trên từng tờ (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Nếu số trang lớn hơn 1, chọn tùy chọn đúng đối với **Print page borders** (In đường viền trang) và **Page order** (Thứ tự trang).
 - Nếu cần thay đổi hướng trang, bấm **Portrait** (Dọc) hoặc **Landscape** (Ngang).
6. Bấm **OK**. Sản phẩm bây giờ đã được đặt để in số trang bạn đã chọn trên mỗi trang giấy.

Cài đặt tiết kiệm

Chế độ tiết kiệm

Cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm) trên trình điều khiển máy in sẽ tiết kiệm được mực in.

In lưu trữ

In lưu trữ sẽ cho ra các bản in ít bị nhòe và lấm bụi mực. Sử dụng in lưu trữ để tạo ra các tài liệu mà bạn muốn bảo quản hoặc lưu trữ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Service (Dịch vụ)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Archive print (In lưu trữ)**, chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK**.

8 Sao chép

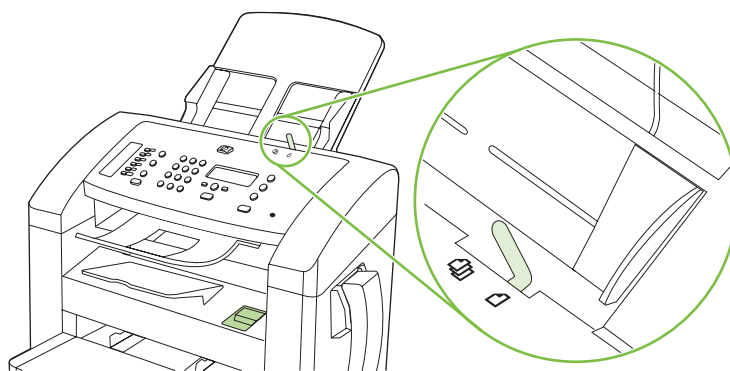
- [Nạp tài liệu gốc](#)
- [Sử dụng bản sao chép](#)
- [Cài đặt sao chép](#)
- [Các lệnh in hai mặt](#)

Nạp tài liệu gốc

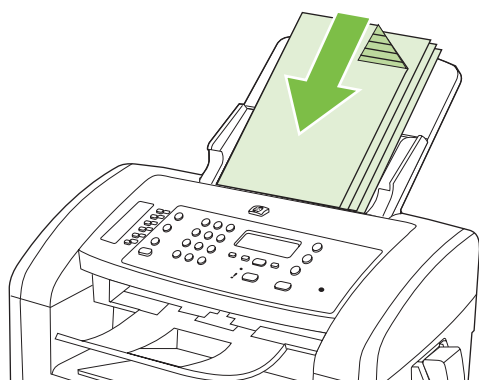
GHI CHÚ: Dung lượng khay ADF tối đa là 30 trang loại giấy 80 g/m² hoặc 20 lb.

THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

1. Đặt đầu trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy ADF, với bề mặt chông giấy hướng xuống dưới và trang đầu tiên sẽ được sao chép nằm ở phía dưới cùng của chồng giấy.
2. Bảo đảm rằng cần gạt giấy của khay ADF đã được đặt đúng cho tài liệu một trang hoặc nhiều trang.

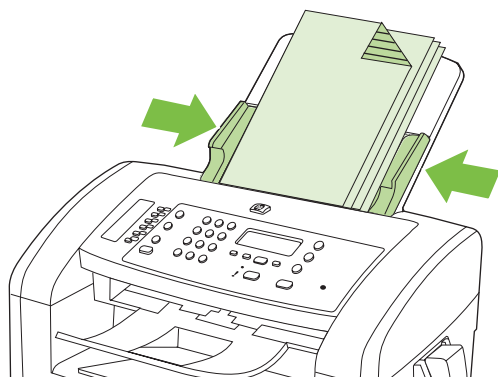


3. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.



Document loaded (Đã nạp tài liệu) sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

4. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



Sử dụng bản sao chép


Sao chép một lần chạm

1. Nạp tài liệu vào khay nạp giấy ADF.
2. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** trên bảng điều khiển của sản phẩm để bắt đầu sao chép.
3. Lặp lại quy trình cho từng bản sao chép.

Nhiều bản sao chép

Thay đổi số bản sao chép cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, sử dụng các nút chữ và số để đặt số các bản sao chép (từ 1 đến 99) mà bạn muốn thực hiện cho tác vụ hiện tại.
2. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để bắt đầu sao chép tác vụ của bạn.

 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings (Cài đặt tùy chỉnh)** sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Thay đổi số bản sao chép mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. # of copies (Số bản sao chép)** và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để nhập số bản sao chép (từ 1-99) mà bạn muốn cài làm mặc định.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.


Hủy lệnh sao chép

Để hủy lệnh sao chép, bấm **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm. Nếu có nhiều quy trình đang hoạt động, bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa quy trình đang hiển thị trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép


Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép cho lệnh sao chép hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **Reduce/Enlarge** (Thu nhỏ/Phóng to)
2. Chọn kích thước mà bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép trong tác vụ này.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Custom: (Tùy chỉnh): 25-400%**, dùng các phím mũi tên để chỉnh tỷ lệ phần trăm.


Nếu bạn chọn **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4trang/tờ), chọn hướng giấy (đứng hoặc ngang).

3. Bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy) để lưu lại lựa chọn và bắt đầu ngay lệnh sao chép hoặc bấm **OK** để lưu lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.


 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Bạn phải thay đổi kích thước giấy mặc định trong khay tiếp giấy cho vừa với kích cỡ giấy ra nếu không một phần của bản sao sẽ bị cắt.

Điều chỉnh kích thước bản sao chép mặc định

 **GHI CHÚ:** Kích thước bản sao chép mặc định là kích thước mà các bản sao thường được thu nhỏ hoặc phóng to. Nếu bạn giữ kích thước mặc định gốc **Original=100%** (Gốc=100%), tất cả bản sao chép sẽ có cùng kích cỡ với tài liệu gốc.

1. Bấm **Setup** (Cài đặt).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup** (Cài đặt photocopy), sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Redu/Enlrg** (Giảm/Tăng), và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn cách bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to các bản sao chép.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Custom: (Tùy chỉnh): 25-400%**, dùng các phím mũi tên để chỉnh tỷ lệ phần trăm của kích thước bản gốc mà bạn thường muốn sao chép.

Nếu bạn chọn **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4trang/tờ), chọn hướng giấy (đứng hoặc ngang).

5. Bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Sản phẩm sẽ thu nhỏ bản sao chép tối thiểu 25% hoặc phóng to bản sao chép tối đa 400% so với kích thước tài liệu gốc.

Cài đặt thu nhỏ/phóng to

- **Gốc=100%**
- **A4 > Ltr=94%**
- **Ltr > A4=97%**
- **Toàn trang=91%**

- 2 trang/tờ
- 4 trang/tờ
- Tùy chỉnh: 25-400%

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng thông số **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4 trang/tờ), hãy chọn hướng giấy (đứng hoặc nằm ngang).

Cài đặt sao chép

Chất lượng sao chép


Hiện có năm cài đặt chất lượng bản sao chép: **Text** (Văn bản), **Draft** (Nháp), **Mixed** (Phối hợp), **Film photo** (Ảnh chụp) và **Picture** (Hình vẽ).

Cài đặt gốc mặc định cho chất lượng bản sao chép là **Text** (Văn bản). Cài đặt này được sử dụng tốt nhất cho các tài liệu có chứa phần lớn chữ.

Khi sao chép ảnh chụp hoặc đồ họa, bạn có thể chọn cài đặt **Film photo** (Ảnh chụp) cho ảnh chụp hoặc **Picture** (Hình vẽ) cho các hình đồ họa khác để tăng chất lượng bản sao chép. Chọn cài đặt **Mixed** (Phối hợp) cho các tài liệu có bao gồm cả văn bản và hình đồ họa.

Điều chỉnh chất lượng bản sao chép cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **More Copy Settings** (Các Thông Số Sao Chép Khác) hai lần để xem thông số chất lượng hiện thời dành cho chức năng sao chép.
2. Sử dụng các nút mũi tên để di chuyển qua các tùy chọn cài đặt chất lượng.
3. Chọn một cài đặt, và sau đó bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để lưu lại lựa chọn và bắt đầu lệnh sao chép ngay, hoặc bấm **OK** để lưu lại lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.

 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Điều chỉnh chất lượng bản sao chép mặc định


1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Default quality** (Chất lượng mặc định), và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn chất lượng bản sao chép, và sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Điều chỉnh cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản)


Cài đặt độ sáng/tối sẽ ảnh hưởng đến độ sáng hoặc tối (độ tương phản) của bản sao chép. Sử dụng quy trình sau để thay đổi độ tương phản chỉ cho lệnh sao chép hiện tại.

Điều chỉnh độ sáng/tối cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **Lighter/Darker** (Sáng/Tối) để xem cài đặt độ tương phản hiện tại.
2. Sử dụng các nút mũi tên để điều chỉnh cài đặt. Di chuyển con trượt sang trái để tạo bản sao chép có độ sáng hơn tài liệu gốc, hoặc di chuyển con trượt sang phải để tạo bản sao chép có độ tối hơn tài liệu gốc.
3. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để lưu lại lựa chọn và bắt đầu ngay lệnh sao chép hoặc bấm **OK** để lưu lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.

 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Điều chỉnh cài đặt độ sáng/tối mặc định

 **GHI CHÚ:** Cài đặt độ sáng/tối sẽ ảnh hưởng đến tất cả các lệnh sao chép.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)** hoặc **OK**, sau đó bấm .
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) Độ sáng/tối**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để điều chỉnh cài đặt. Di chuyển con trượt sang trái để tạo cho tất cả các bản sao chép có độ sáng hơn tài liệu gốc, hoặc di chuyển con trượt sang phải để tạo cho tất cả các bản sao chép có độ tối hơn tài liệu gốc.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Thay đổi mật độ in của tác vụ sao chép

Tăng mật độ in trên bảng điều khiển của sản phẩm sẽ làm tối màu trên trang giấy in.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Paper setup (Cài đặt giấy)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print Density (Mật độ In)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm thông số cài đặt mật độ và sau đó bấm **OK**.

Xác định cài đặt sao chép tùy chỉnh

Khi bạn thay đổi cài đặt sao chép trên bảng điều khiển, **Custom settings** (Cài đặt Tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Cài đặt tùy chỉnh sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút, và sau đó sản phẩm sẽ trở về chế độ cài đặt mặc định. Để trở về ngay chế độ cài đặt mặc định, bấm **Cancel (Hủy bỏ)**.

In hoặc sao chép từ cạnh này sang cạnh kia

Sản phẩm không thể in đầy đủ từ cạnh này sang cạnh kia. Vùng in tối đa là 203,2 x 347 mm (8 x 13,7 in), không tính 4 mm đường viền trang không thể in.

Sao chép vào các loại giấy và khổ giấy khác nhau

Sản phẩm sẽ được cài sang chế độ sao chép trên khổ giấy letter hoặc A4, tùy thuộc vào quốc gia/khu vực mà sản phẩm được bán. Bạn có thể thay đổi loại và kích thước giấy mà bạn định sao chép cho lệnh sao chép hiện tại hoặc cho tất cả các lệnh sao chép.

Cài đặt khổ giấy

- Letter (Thư)
- Legal (Pháp lý)
- A4

Cài đặt loại giấy

- Thường
- In trước
- Giấy tiêu đề
- Giấy trong
- Dập lỗ trước
- Nhãn
- Liên kết
- Tái chế
- Màu
- Nhẹ
- Nặng
- Tập thẻ
- Phong bì #10
- Phác thảo

Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Paper setup (Cài đặt giấy)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. kích thước giấy**, và sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kích thước vật liệu in, sau đó bấm **OK**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Paper setup (Cài đặt giấy)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. loại giấy**, và sau đó bấm **OK**.

5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn loại vật liệu in, sau đó bấm **OK**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Khôi phục cài đặt sao chép mặc định

Sử dụng bảng điều khiển để khôi phục cài đặt sao chép trở về giá trị cài đặt mặc định gốc.

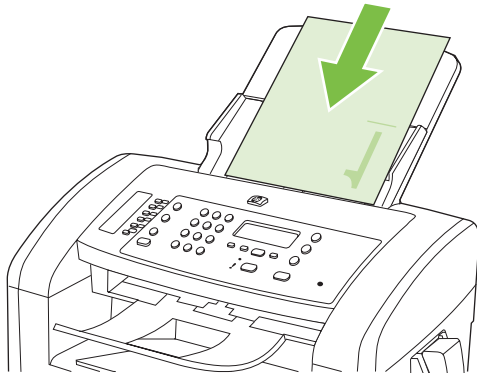
1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Restore defaults (Khôi phục mặc định)**, và sau đó bấm **OK**.

Các lệnh in hai mặt

Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu một mặt

Các bản sao tạo ra qua các quy trình thao tác này sẽ được in trên một mặt, và cần phải được lật đối chiếu bằng tay.

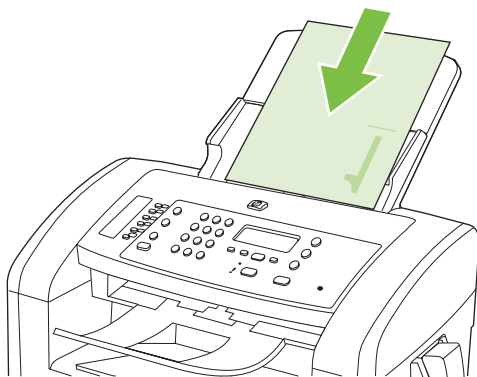
1. Nạp trang đầu tiên của tài liệu cần được sao chép vào khay ADF với mặt tài liệu hướng xuống dưới.



2. Bấm **Start Copy** (**Bắt đầu Photocopy**).
3. Lật tài liệu gốc, sau đó nạp lại tài liệu vào khay ADF.
4. Bấm **Start Copy** (**Bắt đầu Photocopy**).
5. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 đối với mỗi trang tài liệu gốc, cho đến khi máy sao chép xong tất cả các trang tài liệu gốc.

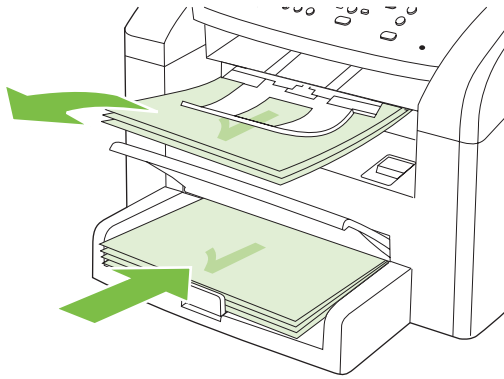
Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu hai mặt

1. Nạp trang đầu tiên của tài liệu cần được sao chép vào khay ADF với mặt tài liệu hướng xuống dưới.



2. Bấm **Start Copy** (**Bắt đầu Photocopy**).
3. Lật tài liệu gốc, sau đó nạp lại tài liệu vào khay ADF.

4. Lấy trang đã sao chép ra khỏi ngăn giấy ra và đặt trang đó vào khay nạp giấy ưu tiên với bề mặt hướng xuống dưới.





5. Bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy).
6. Lấy các trang vừa sao chép khỏi khay xuất giấy, và đặt chúng sang một bên để đối chiếu bản sao theo cách thủ công.
7. Lặp lại các bước từ 1 đến 6, làm theo trình tự trang tài liệu gốc, cho đến khi máy sao chép xong tất cả các trang tài liệu gốc.

9 Quét

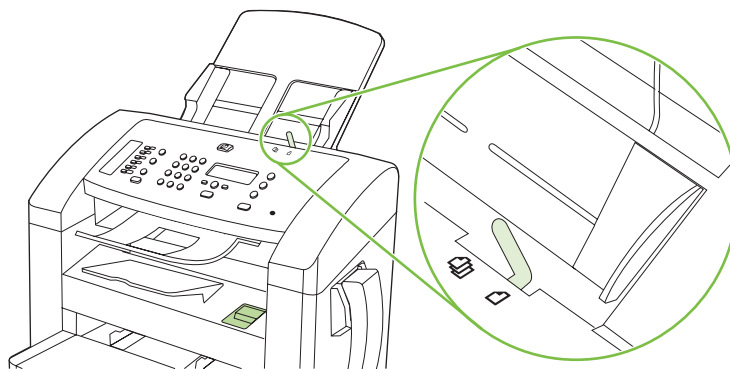
- [Nạp tài liệu gốc để quét](#)
- [Sử dụng chức năng quét](#)
- [Cài đặt quét](#)

Nạp tài liệu gốc để quét

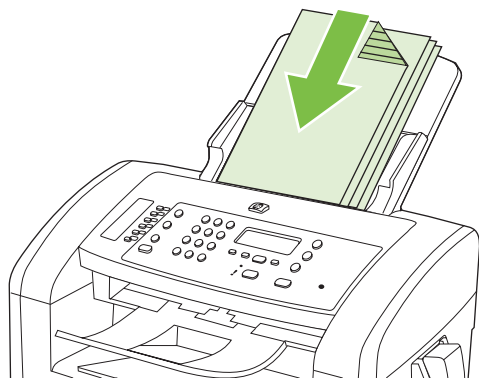
 **GHI CHÚ:** Dung lượng khay ADF tối đa là 30 trang loại giấy 80 g/m² hoặc 20 lb.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

1. Đặt đầu trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy ADF, với bề mặt chông giấy hướng xuống dưới và trang đầu tiên sẽ được sao chép nằm ở phía dưới cùng của chồng giấy.
2. Bảo đảm rằng cần gạt giấy của khay ADF đã được đặt đúng cho tài liệu một trang hoặc nhiều trang.

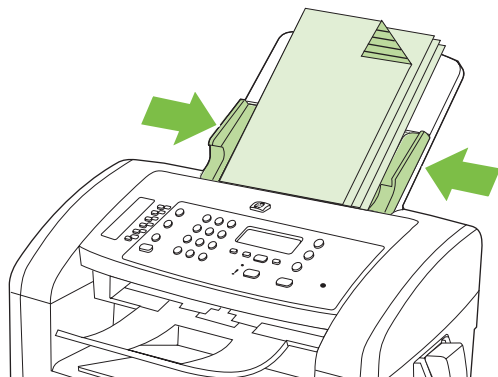


3. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.



Document loaded (Đã nạp tài liệu) sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

4. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.




Sử dụng chức năng quét

Các phương pháp quét


các tác vụ có thể được thực hiện theo các cách sau.

- Sử dụng máy Scan HP LaserJet (Windows) từ máy vi tính
- Sử dụng Trình chủ đạo HP (Macintosh). Xem [Quét từ sản phẩm và HP Director \(Trình Chủ Đạo HP\) \(Macintosh\) thuộc trang 31](#).
- Quét theo quy chuẩn TWAIN hoặc phần mềm theo quy chuẩn Windows Imaging Application (WIA)

 **GHI CHÚ:** Để tìm hiểu và sử dụng phần mềm nhận dạng văn bản, cài đặt chương trình Readiris từ đĩa CD phần mềm. Phần mềm nhận dạng văn bản còn được hiểu là phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR).

Sử dụng HP LaserJet Scan (Windows) để quét

1. Trong nhóm chương trình HP, chọn **Scan to** (Quét vào) để khởi động HP LaserJet Scan.
2. Chọn đích đến
3. Nhấp vào **Scan** (Quét).

 **GHI CHÚ:** OK chỉ báo hoạt động mà bạn muốn hoàn thành.

Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác

Sản phẩm dựa theo quy chuẩn TWAIN và WIA). Sản phẩm hoạt động với các chương trình dựa trên Windows có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA và với các chương trình dựa trên Macintosh có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Trong khi bạn đang ở chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA, bạn có thể truy cập vào tính năng quét và quét ảnh trực tiếp vào chương trình đang mở. Để biết thêm thông tin, xem tập tin Trợ giúp hoặc tài liệu được cung cấp kèm theo chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA.

Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN

Thông thường, một chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN nếu chương trình đó có một lệnh như **Acquire** (Đạt được), **File Acquire** (Tập tin đạt được), **Scan** (Quét), **Import New Object** (Nhập Đối tượng mới), **Insert from** (Chèn từ) hoặc **Scanner** (Máy quét). Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn hoặc bạn không biết lệnh được gọi là gì, hãy xem trong tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Khi quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN, chương trình phần mềm HP LaserJet Scan có thể tự khởi động. Nếu chương trình HP LaserJet Scan khởi động, bạn có thể thực hiện thay đổi trong khi xem lại ảnh. Nếu chương trình không tự khởi động, ảnh sẽ vào ngay chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Bắt đầu quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN. Xem phần Trợ giúp chương trình phần mềm hoặc tài liệu để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn WIA (chỉ dành cho Windows XP và Vista)

WIA là một cách khác để quét hình ảnh trực tiếp vào một chương trình phần mềm, ví dụ như Microsoft Word. WIA sử dụng phần mềm Microsoft thay vì phần mềm HP LaserJet Scan để quét.

Thông thường, chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA có một lệnh như **Picture/From Scanner or Camera** (Hình vẽ/Từ Máy quét hoặc Camera) trong menu Chèn hoặc Tập tin. Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn WIA hay không, hãy xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Bắt đầu quét từ trong chương trình dựa theo quy chuẩn WIA. Xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

-hoặc-

Trong thư mục Camera và Máy quét, nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm. Thao tác này sẽ mở Microsoft WIA Wizard chuẩn, cho phép bạn quét một tập tin.

Sử dụng phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR) để quét

Bạn có thể sử dụng phần mềm OCR của hãng thứ ba để nhập văn bản vào chương trình xử lý văn bản để chỉnh sửa.

Readiris

Chương trình Readiris OCR nằm trong đĩa CD riêng được cung cấp kèm theo sản phẩm. Để sử dụng chương trình Readiris, hãy cài đặt chương trình này từ đĩa CD phần mềm tương ứng, và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trong phần Trợ giúp trực tuyến.

Đang hủy một lệnh quét

Để hủy một lệnh quét, sử dụng một trong các quy trình sau.


- Trên bảng điều khiển, bấm **Cancel (Hủy bỏ)**.
- Nhấp vào nút **Cancel (Hủy bỏ)** trong hộp thoại trên màn hình.

Cài đặt quét

Định dạng tập tin

Định dạng tập tin mặc định của tài liệu hoặc ảnh chụp tùy thuộc vào kiểu quét cũng như đối tượng được quét.

- Việc quét một tài liệu hoặc ảnh chụp sang máy tính sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .TIF.
- Việc quét một tài liệu sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .PDF.
- Việc quét một ảnh chụp sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .JPEG.


 **GHI CHÚ:** Bạn có thể chọn các kiểu tập tin khác nhau khi sử dụng chương trình phần mềm máy quét.

Độ phân giải và màu sắc của máy quét

Nếu bạn đang in một hình đã được quét và chất lượng hình không như bạn mong đợi, có thể bạn đã chọn độ phân giải hoặc cài đặt màu sắc trong phần mềm máy quét không đúng với nhu cầu của bạn. Độ phân giải và màu sắc ảnh hưởng đến các tính năng sau của hình đã quét:


- Độ sắc nét của hình
- Kết cấu phân cấp màu sắc (nhấn hoặc gò gề)
- Thời gian quét
- Kích thước tập tin

Độ phân giải quét được đo bằng pixel/inch (ppi).

 **GHI CHÚ:** Các mức quét ppi không thể trao đổi được với các mức in dpi (điểm/inch).

Màu sắc, sắc độ xám và đen trắng xác định số màu có thể thu được. Bạn có thể điều chỉnh độ phân giải phần cứng máy quét đến 1200 ppi. Phần mềm có thể thực hiện độ phân giải nâng cao đến 19.200 ppi. Bạn có thể cài màu sắc và sắc độ xám ở 1 bit (đen trắng), hoặc 8 bit (256 mức độ màu và xám) sang 24 bit (màu sắc trung thực).

Bảng hướng dẫn sử dụng độ phân giải và màu sắc liệt kê các mẹo đơn giản mà bạn có thể thực hiện để thu được ảnh theo ý muốn.

 **GHI CHÚ:** Việc chỉnh độ phân giải và màu sắc sang mức giá trị lớn có thể tạo ra các tập tin kích thước lớn và chiếm nhiều dung lượng lưu trữ trên máy và làm chậm tốc độ quét. Trước khi cài đặt độ phân giải và màu sắc, hãy xác định cách bạn muốn sử dụng hình ảnh quét.

Hướng dẫn sử dụng màu và độ phân giải

Bảng sau mô tả độ phân giải và cài đặt màu được khuyến nghị dành cho các kiểu lệnh quét khác nhau.

Sử dụng có mục đích	Độ phân giải được khuyến nghị	Cài đặt màu được khuyến nghị
Fax	150 ppi	<ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng

Sử dụng có mục đích	Độ phân giải được khuyến nghị	Cài đặt màu được khuyến nghị
E-mail	150 ppi	<ul style="list-style-type: none"> Đen và Trắng, nếu hình ảnh không yêu cầu sự thay đổi về độ nhấn Sắc độ xám, nếu hình ảnh yêu cầu sự thay đổi về độ nhấn Màu, nếu ảnh có màu
Sửa chữ	300 ppi	<ul style="list-style-type: none"> Đen và Trắng
In (Đồ họa hoặc văn bản)	600 ppi dành cho đồ họa phức tạp, hoặc nếu bạn muốn phóng to tài liệu đáng kể 300 ppi dành cho văn bản và đồ họa thường 150 ppi dành cho ảnh chụp	<ul style="list-style-type: none"> Đen và Trắng dành cho văn bản và đường mỹ thuật Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp màu hoặc bóng Màu, nếu ảnh có màu
Hiển thị trên màn hình	75 ppi	<ul style="list-style-type: none"> Đen và Trắng dành cho văn bản Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp Màu, nếu ảnh có màu

Màu

Bạn có thể cài các giá trị màu cho các cài đặt sau đây khi quét.

Cài đặt	Sử dụng được khuyến nghị
Màu	Sử dụng cài đặt này để cài đặt màu cho các tài liệu hoặc ảnh màu chất lượng cao là điều quan trọng.
Đen và Trắng	Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu văn bản.
Sắc độ xám	Sử dụng cài đặt này khi kích thước tập tin có vấn đề hoặc khi bạn muốn quét nhanh một tài liệu hoặc hình chụp.

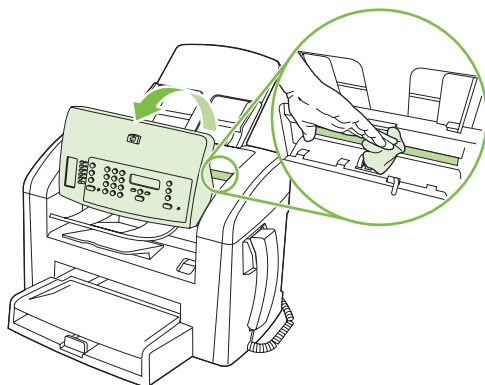
Chất lượng quét

Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét

Dần dần, theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Hãy sử dụng quy trình sau để lau sạch kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng.

1. Dùng công tắc điện để tắt sản phẩm, sau đó tháo dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
2. Nghiêng bảng điều khiển ra phía trước.

3. Lau sạch dải kính và tấm ép giấy màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩy chất tẩy kính không ăn mòn.



△ **THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylin, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.

4. Lau khô kính và tấm ép giấy bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Đóng và cắm dây vào sản phẩm, sau đó sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.

10 Fax


- [Các tính năng fax](#)
- [Cài đặt](#)
- [Thay đổi cài đặt fax](#)
- [Dùng fax](#)
- [Giải quyết sự cố khi fax](#)

Để biết thông tin về bộ điều chỉnh fax trên bảng điều khiển, xem phần [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Các tính năng fax

Sản phẩm có các tính năng fax sau, có trên bảng điều khiển hoặc trong phần mềm sản phẩm.

- Tích hợp sẵn điện thoại cầm tay
- Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax để cấu hình fax dễ dàng
- Fax analog (fax sử dụng kỹ thuật tương tự) giấy thường với khay tự động nạp tài liệu (ADF) 30 trang và khay giấy ra đạt dung lượng lên đến 100 trang
- Danh bạ 120 mục và 10 mục quay số nhanh trên bảng điều khiển
- Tự động quay số lại
- Lưu trữ kỹ thuật số tối đa 500 trang fax
- Chuyển tiếp fax
- Hoãn việc gửi fax
- Các tính năng chuông: Cấu hình các kiểu chuông dùng để tương thích với loại chuông đặc trưng và chuông trả lời (dịch vụ bắt buộc đăng ký qua công ty viễn thông địa phương)
- Báo cáo xác nhận fax
- Khóa fax quảng cáo
- Có sẵn tám mẫu trang bìa

 **GHI CHÚ:** Không phải tất cả các tính năng đều được liệt kê. Có thể cần phải cài đặt phần mềm sản phẩm cho một số tính năng hiện có.

Cài đặt

Cài đặt và kết nối phần cứng

Kết nối với một đường dây điện thoại

Sản phẩm là thiết bị analog. HP khuyến cáo sử dụng sản phẩm với đường dây điện thoại analog chuyên dụng. Để biết thông tin về việc sử dụng sản phẩm với các môi trường điện thoại khác, xem phần [Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP thuộc trang 100](#).

Kết nối với các thiết bị khác


Sản phẩm có hai cổng fax:

- Cổng “ra” (☐), nối sản phẩm với đầu cắm điện thoại trên tường.
- Cổng “điện thoại” (☐), nối sản phẩm với các thiết bị khác.

Các điện thoại được sử dụng để liên kết với sản phẩm có thể được thực hiện theo hai cách:

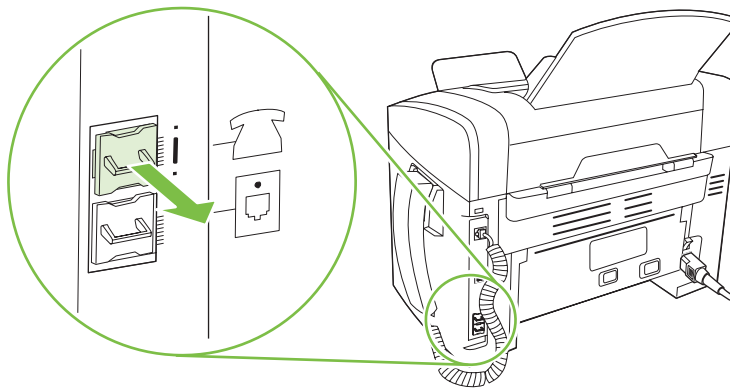
- Điện thoại nhánh là điện thoại được cắm vào cùng đường dây điện thoại tại một vị trí khác.
- Điện thoại kết nối tải về là điện thoại được cắm vào sản phẩm hoặc vào một thiết bị và thiết bị này được cắm vào sản phẩm.


Kết nối các thiết bị khác theo thứ tự như được mô tả trong các bước sau. Cổng ra cho từng thiết bị được nối với cổng vào của phần kế tiếp, tạo thành “chuỗi”. Nếu bạn không muốn kết nối với thiết bị riêng, chuyển qua bước có giải thích điều này và tiếp tục sang thiết bị kế tiếp.

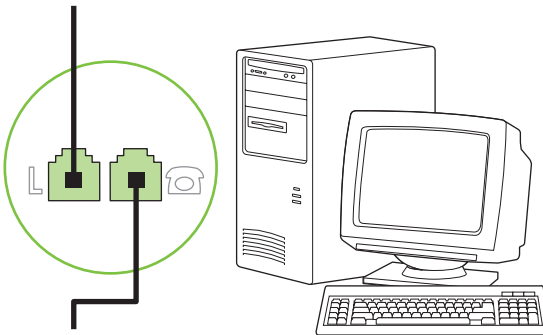
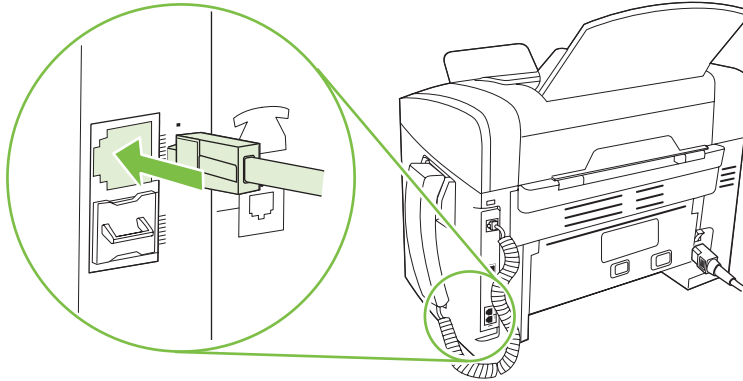
 **GHI CHÚ:** Không kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây điện thoại.


GHI CHÚ: Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng thư thoại.

1. Tháo phích cắm các dây cắm điện nguồn cho tất cả các thiết bị mà bạn muốn kết nối.
2. Nếu sản phẩm chưa được kết nối với đường dây điện thoại, xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng trước khi tiến hành. Sản phẩm đã sẵn sàng kết nối với đầu cắm điện thoại.
3. Tháo miếng nhựa ra khỏi cổng “điện thoại” (cổng được đánh dấu bằng biểu tượng điện thoại).

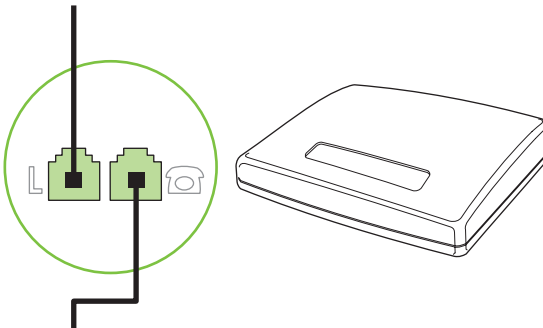


4. Để kết nối với modem nội bộ hoặc ngoại vi trên máy tính, cắm một đầu dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của sản phẩm (). Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của modem.

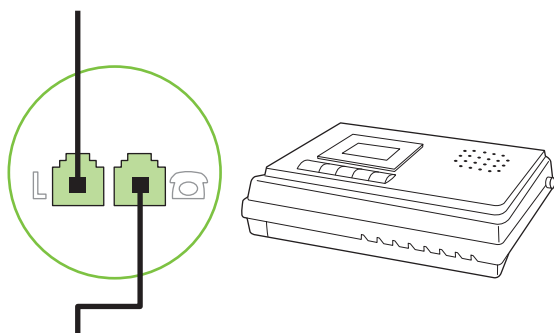


 **GHI CHÚ:** Một số modem có cổng “đường dây điện thoại” thứ hai để kết nối với đường dây thoại chuyên dụng. Nếu bạn có hai cổng “đường dây điện thoại”, xem tài liệu về modem của bạn để chắc chắn bạn kết nối với cổng “đường dây điện thoại” đúng.

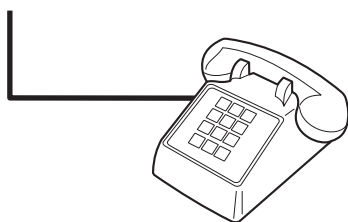
5. Để kết nối với hộp ID người gọi, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” hộp ID người gọi.



6. Để kết nối với máy trả lời, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của máy trả lời.



7. Để kết nối với điện thoại, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của điện thoại.



8. Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối với các thiết bị khác, cắm tất cả các thiết bị vào nguồn điện.

Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại

- Cài số lần đổ chuông trả lời của sản phẩm nhiều hơn tối thiểu một lần so với số lần đổ chuông đã cài cho máy trả lời tự động.
- Nếu máy trả lời được nối với cùng đường dây điện thoại nhưng trên một đầu cắm khác (ví dụ như trong một phòng khác), máy có thể gây trở ngại cho việc nhận các bản fax của sản phẩm.

Thiết lập cho máy fax đơn lẻ

1. Mở gói và thiết lập sản phẩm.
2. Cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. Xem . [Cấu hình cài đặt fax thuộc trang 81](#).
3. Cài các cài đặt cần thiết khác để cấu hình môi trường sản phẩm.

Cấu hình cài đặt fax


Có thể đặt các cài đặt fax của sản phẩm từ bảng điều khiển, từ HP Toolbox (Hộp Công cụ HP), hoặc từ HP Director (Trình Chủ đạo HP). Trong quy trình thiết lập ban đầu, bạn có thể sử dụng Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax HP để cấu hình cài đặt.

Tại Mỹ và nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác, việc cài đặt thời gian, ngày tháng và các thông tin tiêu đề fax khác là yêu cầu pháp lý bắt buộc.

Sử dụng bảng điều khiển để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax

Để sử dụng bảng điều khiển để thiết lập ngày tháng, thời gian và tiêu đề, hoàn tất các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Time/Date**(Thời gian/Ngày tháng). Bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kiểu đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập vào thời gian hiện tại.
6. Hoàn tất một trong các bước sau:
 - Đối với kiểu đồng hồ 12 giờ, sử dụng các nút mũi tên để chuyển qua ký tự thứ tư. Chọn **1** cho a.m. hoặc **2** cho p.m. Bấm **OK**.
 - Đối với kiểu đồng hồ 24 giờ, bấm **OK**.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập vào ngày tháng hiện tại. Sử dụng hai chữ số để định tháng, ngày và năm. Bấm **OK**.
8. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
9. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Header (Tiêu Đề Fax)**, sau đó bấm **OK**.
10. Sử dụng các nút chữ số để nhập số fax và tên hoặc tiêu đề công ty của bạn, sau đó bấm **OK**.

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20; sử dụng lên đến 25 ký tự cho tên công ty.

Sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax

Nếu bạn đã hoàn tất việc cài đặt phần mềm, bạn đã sẵn sàng gửi các bản fax từ máy tính của bạn. Nếu bạn chưa hoàn tất quy trình thiết lập fax ngay khi bạn cài đặt xong phần mềm, bạn có thể hoàn tất quy trình này bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax.

1. Nhấp **Start (Bắt đầu)**, sau đó nhấp vào **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp **HP**, nhấp vào tên của sản phẩm, sau đó nhấp vào **HP Fax Setup Wizard** (Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP).
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình trong Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax, cũng như một số cài đặt khác.

Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax

Khi sử dụng bảng điều khiển để nhập tên của bạn vào tiêu đề hoặc để nhập tên cho phím công-tắc, mục quay số nhanh, hoặc mục quay-số-nhóm, bấm nút chữ số tương ứng liên tục cho đến khi chữ bạn cần hiển thị. Sau đó, bấm phím **>** để chọn chữ đó và chuyển đến khoảng trống kế tiếp. Bảng sau cho biết các chữ và số hiển thị trên từng nút chữ số.

Key number	Characters
1	1
2	A B C a b c 2
3	D E F d e f 3
4	G H I g h i 4
5	J K L j k l 5
6	M N O m n o 6
7	P Q R S p q r s 7
8	T U V t u v 8
9	W X Y Z w x y z 9
0	0
*	() + - . / , " * & @ R W
#	space # ,


 **GHI CHÚ:** Sử dụng nút > để chuyển con trỏ trên bảng điều khiển và sử dụng nút < để xóa các ký tự.

Quản lý danh bạ

Bạn có thể lưu trữ các số fax hoặc các nhóm số fax đã gọi thường xuyên làm các mục quay số nhanh hoặc các mục quay số nhóm.

Trong danh bạ sản phẩm, tổng cộng có 120 mục dành cho các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm. Ví dụ, nếu bạn muốn lập trình 100 mục quay số nhanh, thì 20 mục còn lại sẽ được dùng cho quay-số-nhóm.

Sử dụng dữ liệu danh bạ từ các chương trình khác

 **GHI CHÚ:** Trước khi có thể nhập danh bạ từ một chương trình khác, bạn phải sử dụng tính năng xuất trong chương trình khác đó.

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) có thể nhập thông tin liên lạc từ các danh bạ chương trình phần mềm khác. Bảng sau sẽ cho biết các chương trình nào sẽ được hỗ trợ cho HP Toolbox (Hộp Công cụ HP).

Chương trình	Mô tả
Microsoft Outlook	Các mục Số Địa Chỉ Cá Nhân (PAB), các mục Số Liên Lạc hoặc kết hợp cả hai có thể được chọn. Các cá thể và các nhóm từ PAB sẽ chỉ được kết hợp với các cá nhân từ Số Liên Lạc khi tùy chọn kết hợp được chọn. Nếu mục Số Liên Lạc có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên" của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. ":(B)" sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và ":(H)" sẽ được thêm vào tên trong mục nhà. Nếu có hai mục giống hệt nhau xảy ra (một từ Các Số Liên Lạc và một từ PAB với cùng tên và số fax), một mục đơn sẽ hiển thị. Tuy nhiên, nếu mục tồn tại trong PAB giống hệt với mục trong Các Số Liên Lạc, và mục Các Số Liên Lạc có cả hai số fax nhà và cơ quan, tất cả ba mục này sẽ hiển thị.
Số Địa Chỉ Windows	Số Địa Chỉ Windows (WAB), được sử dụng trong Outlook Express và Internet Explorer, sẽ được hỗ trợ. Nếu một cá nhân có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên"

Chương trình	Mô tả
	của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. “:(B)” sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và “:(H)” sẽ được thêm vào tên trong mục nhà.
Goldmine	Goldmine phiên bản 4.0 sẽ được hỗ trợ. HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) sẽ nhập file được Goldmine sử dụng mới nhất.
Symantec Act!	Act! phiên bản 4.0 và 2000 được hỗ trợ. HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) sẽ nhập cơ sở dữ liệu được Act! sử dụng mới nhất.

Hoàn tất các bước sau để nhập danh bạ:

1. Mở HP Toolbox (Hộp Công cụ HP).
2. Nhấp **Fax**, sau đó nhấp vào **Fax Phone Book** (Danh Bạ Fax).
3. Duyệt danh bạ chương trình, sau đó nhấp vào **Import** (Nhập).

Xóa danh bạ

Bạn có thể xóa tất cả các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm được lập trình trong sản phẩm.

△ **THẬN TRỌNG:** Sau khi các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm bị xóa, các mục này không thể được phục hồi.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete All (Xóa Tất Cả)**, sau đó bấm **OK**.
5. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

Các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt


Bạn có thể chèn các nút tạm dừng vào một số fax mà bạn đang quay số hoặc lập trình cho phím công-tắc, mục quay-số-nhanh hoặc mục quay-số-nhóm. Chức năng tạm dừng thường được cần đến khi quay số quốc tế hoặc kết nối với đường dây điện thoại bên ngoài.

- **Chèn tạm dừng quay số:** Bấm **# (Pause)** (Tạm dừng) liên tục cho đến khi một dấu phẩy (,) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, cho biết việc tạm dừng sẽ xảy ra tại điểm đó trong trình tự quay số.
- **Chèn tạm dừng cho âm quay số:** Bấm *** (Symbols)** (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **W** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm chờ âm quay số trước khi quay các số còn lại của số điện thoại.
- **Chèn đèn nháy:** Bấm *** (Symbols)** (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **R** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm nháy đèn.

Quản lý các mục quay số nhanh


Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh

Các mục quay số nhanh từ 1 đến 10 cũng được liên kết với các phím công tắc tương ứng trên bảng điều khiển. Các phím công tắc có thể được sử dụng cho các mục quay số nhanh hoặc các mục quay số nhóm. Bạn có thể nhập tối đa 50 ký tự cho một số fax đơn.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập đến tất cả các mục quay số nhanh, bạn phải sử dụng nút **Shift**. Các mục quay số nhanh từ 6 đến 10 đều có sẵn bằng cách bấm **Shift** và được liên kết với phím công tắc trên bảng điều khiển.

Hoàn tất các bước sau để lập trình các mục quay số nhanh từ bảng điều khiển:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Bấm **OK** để chọn **Individual Setup (Cài đặt Riêng)**.
5. Bấm **OK** để chọn **Add (Thêm)**.
6. Sử dụng các nút chữ số để xác định số mục quay số nhanh mà bạn muốn liên kết với số fax này, sau đó bấm **OK**. Việc chọn một số từ 1 đến 10 cũng liên kết số fax với phím công tắc tương ứng.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập vào số fax. Bao gồm bất kỳ nút tạm dừng hoặc các số cần thiết khác, ví dụ như mã vùng, mã truy cập cho các số bên ngoài hệ thống PBX (thường là 9 hoặc 0), hoặc mã số đầu dài.

 **GHI CHÚ:** Khi đang nhập số fax, bấm **Pause (Tạm dừng)** cho đến khi dấu phẩy (,) xuất hiện nếu bạn muốn chèn dấu tạm dừng vào chuỗi quay số, hoặc bấm ***** cho đến khi chữ **W** xuất hiện nếu bạn muốn sản phẩm chờ âm quay số.

8. Bấm **OK**.
9. Sử dụng các nút chữ số để nhập tên cho số fax. Để thực hiện, bấm liên tục nút chữ số cho chữ bạn cần cho đến khi chữ đó xuất hiện. (Để biết danh sách các ký tự, xem [Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax thuộc trang 82.](#))

 **GHI CHÚ:** Để chèn dấu câu, bấm nút sao (*) liên tục cho đến khi ký tự bạn muốn xuất hiện, sau đó bấm nút **>** để sang khoảng trống kế tiếp.

10. Bấm **OK** để lưu lại thông tin.
11. Nếu bạn muốn lập trình nhiều mục quay số nhanh, lặp lại các bước từ 1 đến 10.

Xóa các mục quay số nhanh

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Bấm **OK** để chọn **Individual setup (Cài đặt Riêng)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete (Xóa)**, rồi bấm **OK**.

6. Sử dụng các nút chữ số để nhập số của mục quay-số-nhanh mà bạn muốn xóa, sau đó bấm **OK**.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

Quản lý các mục quay-số-nhóm

Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhóm

1. Gán mục quay-số-nhanh cho từng số fax bạn muốn trong nhóm. (Để được hướng dẫn, xem phần [Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh thuộc trang 85.](#))
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Add/Edit group (Thêm/Sửa đổi nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập số mà bạn muốn liên kết với nhóm này, sau đó bấm **OK**. Chọn các số từ 1 đến 10 cũng liên kết nhóm với phím công tắc tương ứng.
8. Sử dụng các nút chữ số để nhập tên cho nhóm, sau đó bấm **OK**.
9. Bấm phím công-tắc, sau đó bấm **OK** một lần nữa để xác nhận việc thêm vào. Lặp lại bước này cho từng thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào.

- hoặc -

Chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, sau đó chọn mục quay-số-nhanh cho thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào. Bấm **OK** để xác nhận việc thêm vào. Lặp lại bước này cho từng thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào.
10. Khi bạn đã thực hiện xong, bấm **OK**.
11. Nếu bạn có nhiều mục quay-số-nhóm cần gán, bấm **OK**, sau đó lặp lại các bước từ 1 đến 10.

Xóa các mục quay-số-nhóm


1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete group (Xóa nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút chữ số, nhập số của mục quay-số-nhóm mà bạn muốn xóa, sau đó bấm **OK**.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

Xóa một cá thể trong mục quay-số-nhóm

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Del. # in group (Xóa # trong nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn một cá thể mà bạn muốn xóa khỏi nhóm.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.
8. Lặp lại các bước 6 và 7 để xóa các cá thể khác khỏi nhóm.

- hoặc -

Bấm **Cancel (Hủy bỏ)** khi bạn thực hiện xong.

 **GHI CHÚ:** Việc xóa một mục quay-số-nhanh đồng thời cũng xóa mục này trong bất kỳ mục quay-số-nhóm có chứa mục quay-số-nhanh đó.

Cài kiểm soát vòng fax

Nếu một người nào đó đã thiết lập kiểm soát vòng fax, bạn có thể yêu cầu gửi bản fax đó đến sản phẩm của bạn. (Điều này có thể hiểu là kiểm soát một máy fax khác).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Polling receive (Chờ nhận)**, sau đó bấm **OK**.

Thiết bị sẽ quay số đến máy fax khác và yêu cầu bản fax.

Thay đổi cài đặt fax

Cài đặt âm lượng

Điều chỉnh âm lượng fax từ bảng điều khiển. Bạn có thể thực hiện các thay đổi cho các âm thanh sau:

- Các âm thanh fax có liên quan đến các bản fax đến và đi
- Chuông cho các bản fax đến

Cài đặt mặc định gốc cho âm lượng fax là **Soft** (Êm dịu).

Đặt âm lượng chuông báo

1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Volume settings (Thông số âm lượng)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Alarm volume (Âm lượng chuông báo)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft (Êm dịu)**, **Medium (Trung)**, hoặc **Loud (To)**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Đặt âm lượng tiếng fax (đường dây điện thoại)

Hoàn tất các bước sau để thay đổi âm lượng fax.

1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Volume settings (Thông số âm lượng)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Phoneline volume (Âm lượng đường dây điện thoại)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft (Êm dịu)**, **Medium (Trung)**, hoặc **Loud (To)**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Cài âm lượng chuông

Khi sản phẩm nhận một cuộc gọi đầu tiên, bạn có thể nghe thấy âm báo chuông. Độ dài chuông tùy thuộc vào độ dài chuông mẫu của công ty điện thoại địa phương. Cài đặt mặc định gốc cho âm lượng chuông là **Soft** (Êm dịu).

1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Volume settings (Thông số âm lượng)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Ring volume (Âm lượng chuông)**, sau đó bấm **OK**.

5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft** (Êm dịu), **Medium** (Trung), hoặc **Loud** (To).
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Đặt âm lượng điện thoại cầm tay

1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Volume settings** (Thông số âm lượng), sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Handset volume** (Âm lượng điện thoại cầm tay), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft** (Êm dịu), **Medium** (Trung), hoặc **Loud** (To).
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Gửi cài đặt fax

Cài mã số đầu

Mã số đầu là một số hoặc một nhóm các số sẽ được tự động thêm vào đầu của mỗi số fax mà bạn nhập từ bảng điều khiển hoặc từ phần mềm. Số ký tự tối đa cho mã số đầu là 50.

Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Bạn có thể bật cài đặt này và nhập mã số đầu, ví dụ bạn quay một số như số 9 chẳng hạn để nhận một số điện thoại bên ngoài hệ thống điện thoại công ty của bạn. Trong khi cài đặt này được kích hoạt, bạn có thể quay một số fax mà không cần phải quay mã số đầu bằng cách quay số theo cách thủ công. Để được hướng dẫn, xem phần [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 103](#).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Dial Prefix** (Quay số Tiền tố), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.
6. Nếu bạn đã chọn **On (Bật)**, sử dụng các nút chữ số để nhập mã số đầu, sau đó bấm **OK**. Bạn có thể sử dụng các số, tạm dừng và các biểu tượng quay số.

Cài dò tìm âm quay số

Thông thường, sản phẩm sẽ bắt đầu quay một số fax ngay. Nếu bạn đang sử dụng sản phẩm trên cùng đường dây với điện thoại, bật cài đặt dò tìm âm quay số. Thao tác này sẽ ngăn sản phẩm không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.

Cài đặt mặc định gốc dò tìm âm quay số **On (Bật)** dành cho Pháp và Hungary, và **Off (Tắt)** cho tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Detect dial tone** (Dò tìm âm quay số), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Cài chế độ tự quay số lại

Nếu sản phẩm không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, sản phẩm sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời, và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu. Sử dụng các quy trình trong phần này để bật hoặc tắt các tùy chọn này.

Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi nhận được tín hiệu bận. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận là **On (Bật)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial if busy** (Quay số lại nếu máy bận), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi máy nhận không trả lời. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời là **Off (Tắt)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial-no answer** (Quay số lại nếu không trả lời), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Cài tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại nếu có lỗi truyền tín hiệu. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu là **On (Bật)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial Comm Err.** (Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Cài độ sáng/tối và độ phân giải


Cài cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản) mặc định

Độ tương phản ảnh hưởng đến độ sáng và độ tối của bản fax đi khi được gửi.

Cài đặt độ sáng/tối mặc định là độ tương phản thường được áp dụng cho các mục sẽ được fax đi. Con trượt được cài vào giữa làm cài đặt mặc định.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Light/dark** (Độ sáng/tối mặc định), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng nút **<** để di chuyển con trượt sang trái để tạo cho bản fax có độ sáng hơn bản gốc, hoặc sử dụng nút **>** để di chuyển con trượt sang phải để tạo cho bản fax có độ tối hơn bản gốc.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Cài đặt độ tương phản

 **GHI CHÚ:** Việc tăng độ phân giải sẽ làm tăng kích cỡ bản fax. Các bản fax khổ rộng hơn sẽ làm tăng thời gian gửi và có thể vượt quá dung lượng bộ nhớ hiện có trong sản phẩm.

Thông số độ phân giải mặc định gốc là **Mịn**.

Sử dụng quy trình này để thay đổi độ phân giải mặc định cho tất cả các bản fax bằng một trong các cài đặt sau:

- **Chuẩn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng thấp nhất nhưng thời gian truyền nhanh nhất.
- **Mịn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng độ phân giải cao hơn cài đặt **Chuẩn** thích hợp cho các tài liệu văn bản.
- **Siêu mịn:** Cài đặt này được sử dụng tốt nhất cho các tài liệu vừa có văn bản vừa có hình ảnh. Thời gian truyền ngắn hơn cài đặt **Mịn** nhưng nhanh hơn cài đặt **Ảnh**.
- **Ảnh:** Cài đặt này cho chất lượng hình ảnh tốt nhất nhưng sẽ làm tăng thời gian truyền.

Cài đặt độ phân giải mặc định

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Resolution** (Độ phân giải mặc định), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để thay đổi cài đặt độ phân giải.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Cài độ phân giải cho nội dung fax hiện tại

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Resolution** (Độ phân giải) để hiển thị cài đặt độ phân giải hiện tại.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn cài đặt độ phân giải thích hợp.
3. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Cài âm quay số hoặc nhịp điệu quay số

Sử dụng quy trình này để cài chế độ âm quay số hoặc nhịp điệu quay số cho sản phẩm. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Tone** (Âm). Không thay đổi cài đặt này trừ khi bạn biết rõ đường dây điện thoại không thể sử dụng âm quay số.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Dialing Mode (Chế độ Quay số)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Tone (Âm)** hoặc **Pulse (Nhịp điệu)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

 **GHI CHÚ:** Tùy chọn nhịp điệu quay số không áp dụng cho tất cả quốc gia/vùng lãnh thổ.

Nhận cài đặt fax

Cài hoặc thay đổi số lần đổ chuông trả lời

Khi chế độ trả lời được cài sang **Automatic (Tự động)**, cài đặt chuông trả lời sản phẩm sẽ xác định số lần điện thoại reo trước khi sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.

Nếu sản phẩm được kết nối với đường dây nhận cả cuộc gọi thoại lẫn fax (đường dây dùng chung) và đồng thời dùng cho máy trả lời tự động, bạn cần hiệu chỉnh số lần chuông trả lời. Số lần đổ chuông để trả lời dùng cho sản phẩm này phải lớn hơn số lần đổ chuông để trả lời của máy trả lời tự động. Việc này sẽ cho phép máy trả lời tự động trả lời các cuộc gọi đến và ghi lại tin nhắn nếu có cuộc gọi thoại. Khi máy trả lời tự động trả lời cuộc gọi, sản phẩm sẽ nghe cuộc gọi đến và tự động trả lời nếu phát hiện chuông fax.

Số lần đổ chuông để trả lời mặc định là năm đối với Mỹ và Canada, và hai đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

Chọn số lần đổ chuông để trả lời

Dùng bảng sau để xác định số lần đổ chuông để trả lời sẽ sử dụng.

Gõ vào đường dây điện thoại	Số lần đổ chuông để trả lời khuyến nghị
Đường dây chuyên dùng cho fax (chỉ nhận các cuộc gọi fax)	Chỉnh số lần đổ chuông để trả lời trong phạm vi hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. (Số lần đổ chuông tối đa và tối thiểu của mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ sẽ không giống nhau.)
Một đường dây với hai số riêng biệt và dịch vụ chuông báo	Một hoặc hai loại chuông (Nếu bạn có máy trả lời điện thoại hoặc hộp thư thoại máy tính dùng cho số điện thoại khác, hãy kiểm tra để đảm bảo sản phẩm được cài số lần đổ chuông nhiều hơn hệ thống máy trả lời. Đồng thời, dùng tính năng

Gõ vào đường dây điện thoại	Số lần đổ chuông để trả lời khuyến nghị
	chuông đặc trưng để phân biệt giữa các cuộc gọi thoại và fax. Xem Chính kiểu chuông đặc trưng thuộc trang 94.
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một điện thoại	Năm hoặc nhiều hơn năm lần đổ chuông.
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại trên máy tính	Đổ chuông nhiều hơn máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại của máy tính hai lần.

Cài số lần đổ chuông trả lời

Để cài hoặc đổi số lần đổ chuông trả lời sẽ sử dụng, hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Rings to answer (Số lần đổ chuông để trả lời)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập số lần đổ chuông trả lời, sau đó bấm **OK**.

Chỉnh chế độ trả lời

Tùy vào tình huống cụ thể, bạn chỉnh chế độ trả lời của sản phẩm sang chế độ **Automatic (Tự động)** hoặc **Manual (Thủ công)**. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Automatic (Tự động)**.

- **Automatic (Tự động):** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ trả lời các cuộc gọi đến sau một số lần đổ chuông trả lời nhất định hoặc dựa vào việc nhận dạng các kiểu chuông fax đặc biệt. Để chọn số lần đổ chuông trả lời, xem [Cài số lần đổ chuông trả lời thuộc trang 93](#).
- **Manual (Thủ công):** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi. Bạn phải tự mình khởi động tính năng nhận fax, bằng cách bấm phím **Start Fax (Bắt đầu Fax)** trên bảng điều khiển hoặc bằng cách cầm điện thoại nối vào đường dây đó và quay số 1-2-3.

Để chỉnh hoặc thay đổi chế độ trả lời, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để chọn **Answer mode (Chế độ trả lời)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn chế độ trả lời, sau đó bấm **OK**.

Màn hình bảng điều khiển sẽ hiển thị thông số cài đặt chế độ trả lời mà bạn đã chọn.

Cài chuyển tiếp fax

Bạn có thể chỉnh cho sản phẩm gửi chuyển tiếp các bản fax đến số máy fax khác. Khi các bản fax gửi đến sản phẩm của bạn, chúng sẽ được lưu trên bộ nhớ. Sản phẩm sau đó sẽ quay số fax mà bạn đã

chọn và gửi bản fax đi. Nếu sản phẩm không thể chuyển tiếp bản fax vì bị lỗi (ví dụ, số fax đó đang bận) và đã quay lại số đó nhiều lần mà không được, sản phẩm sẽ in bản fax ra.

Nếu sản phẩm hết bộ nhớ trong khi đang nhận fax, máy sẽ dừng nhận bản fax đang đến và chỉ chuyển tiếp các trang và những phần của trang đã lưu trên bộ nhớ.


Khi máy dùng tính năng gửi chuyển tiếp fax, sản phẩm (thay vì máy tính) phải nhận được fax, và chế độ trả lời phải được chỉnh sang **Automatic (Tự động)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Forward fax (Chuyển tiếp fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.
6. Nếu bạn bật tính năng gửi chuyển tiếp fax, hãy dùng các nút chữ số để chọn số máy fax mà bản fax sẽ được gửi đến, và sau đó bấm **OK** để lưu tính năng chọn lựa của bạn.

Chỉnh kiểu chuông đặc trưng

Một số công ty địa phương sẽ cung cấp dịch vụ kiểu chuông đặc biệt hoặc kiểu chuông. Dịch vụ này cho phép bạn sở hữu trên hai số điện thoại trên cùng đường dây. Mỗi số điện thoại sẽ có một kiểu chuông đặc trưng riêng, để bạn có thể trả lời các cuộc gọi thoại và sản phẩm có thể trả lời các cuộc gọi fax.

Nếu bạn đăng ký dịch vụ kiểu chuông qua công ty điện thoại, bạn phải chỉnh cho sản phẩm trả lời kiểu chuông phù hợp. Chỉ có một số quốc gia/vùng lãnh thổ có hỗ trợ kiểu chuông. Bạn hãy liên hệ với công ty điện thoại để quyết định xem dịch vụ có cung cấp tại quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không đăng ký dịch vụ kiểu chuông và bạn thay đổi thông số cài đặt kiểu chuông sang thông số khác ngoài thông số mặc định, **All Rings (Tất cả Kiểu chuông)**, sản phẩm sẽ không thể nhận được fax.

Thông số cài đặt như sau:


- **All Rings (Tất cả Kiểu chuông):** Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại.
- **Single (Đơn):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn.
- **Double (Hai tiếng):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng.
- **Triple (Ba tiếng):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng.
- **Double&Triple (Hai&Ba):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.

Để thay đổi kiểu chuông dùng để trả lời cuộc gọi, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Answer Ring Type (Loại chuông Trả lời)**, sau đó bấm **OK**.

5. Dùng các nút mũi tên để chọn kiểu chuông mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
6. Sau khi đã hoàn tất quá trình cài đặt, bạn hãy nhờ người khác gửi một bản fax đến cho bạn để xác minh dịch vụ kiểu chuông có hoạt động tốt không.

Sử dụng tính năng nhận riêng

 **GHI CHÚ:** Tính năng nhận riêng không gây ảnh hưởng đến tính năng in lại bản fax mới nhất. Để giới hạn việc truy nhập vào tất cả các bản fax đã nhận, hãy bảo đảm rằng thiết lập **Reprint faxes** (In lại fax) đã được đặt là **Off (Tắt)**.

Bật tính năng nhận riêng

Khi kích hoạt tính năng nhận riêng, các bản fax đã nhận sẽ được lưu trong bộ nhớ. Bạn phải có mã số nhận dạng cá nhân (PIN) để in các bản fax đã được lưu.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Private Receive (Nhận Riêng)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút chữ số để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
7. Để xác nhận mật khẩu bảo mật sản phẩm, sử dụng các nút chữ số để nhập lại mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.

Tắt tính năng nhận riêng

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút chữ số để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Private Receive (Nhận Riêng)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Nếu tồn tại bất kỳ bản fax chưa được in nào trong bộ nhớ fax, sản phẩm sẽ in các bản fax, sau đó xóa các bản fax đó khỏi bộ nhớ.

Chỉnh thông số cài đặt để máy tính có thể nhận fax được

 **GHI CHÚ:** Máy Macintosh không hỗ trợ nhận fax qua máy tính.

Máy tính chỉ có khả năng nhận fax nếu bạn đã cài đặt đầy đủ bộ phần mềm trong quá trình cài đặt sản phẩm lúc đầu.

Để có thể nhận fax đến máy tính của bạn, bạn hãy bật thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính trong phần mềm.

1. Mở HP Toolbox (Hộp Công cụ HP).
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.
4. Nhấp vào **Fax Tasks** (Tác vụ Fax).
5. Trong **Fax Receive Mode** (Chế độ Nhận Fax), chọn **Receive faxes to this computer** (Nhận fax gửi đến máy tính này).

Tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển

Bạn chỉ có thể kích hoạt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ máy tính này. Nếu vì lý do nào đó mà máy tính này không thể sử dụng được nữa, bạn có thể dùng quy trình sau đây để tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển.


1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Stop Recv to PC (Dừng Nhận vào Máy tính)**, sau đó bấm **OK**.

Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến

Nếu tùy chọn vừa-trang-in được bật, sản phẩm sẽ tự động giảm khổ giấy fax xuống 75% để vừa với thông tin theo khổ giấy mặc định (ví dụ, trang fax sẽ giảm từ khổ giấy legal sang khổ letter).

Nếu tùy chọn vừa-trang-in đã tắt, các bản fax in ra với khổ giấy toàn trang trên nhiều trang. Cài đặt mặc định gốc dành cho fax tự động giảm là **On (Bật)**.

Nếu bạn đã bật tùy chọn fax nhận kèm tem, bạn có thể cũng muốn bật tính năng tự động giảm. Việc này sẽ giảm khổ giấy fax gửi đến đôi chút, và ngăn chặn nhấn-trang khiến fax một trang thành hai trang.

 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng thông số khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fit to page (Vừa trang in)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Chỉnh chế độ dò-tính

Thông số cài đặt này sẽ kiểm soát việc bạn có thể hoặc không thể nhận fax từ máy fax đời cũ, loại không phát tín hiệu trong quá trình gửi fax. Vào thời điểm xuất bản tài liệu này, các máy fax loại-tính chiếm một số lượng rất ít các loại máy fax hiện đang sử dụng. Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Bạn chỉ

có thể thay đổi thông số chế độ dò-tĩnh này nếu bạn thường xuyên nhận fax của người dùng máy fax đời-cũ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Silence Detect (Dò Tĩnh)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.


Chỉnh thông số in lại fax mặc định

Thông số in lại fax mặc định là **On (Bật)**. Để thay đổi thông số này trong bảng điều khiển, hãy làm theo các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reprint faxes (In lại fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

Tạo bản fax nhận-kèm-tem

Sản phẩm sẽ in các thông tin nhận dạng người gửi ở phần đầu của mỗi bản fax. Bạn cũng có thể chọn "đóng dấu" thông tin tiêu đề của riêng bạn vào từng bản fax nhận được để xác nhận ngày và giờ bản fax được nhận. Cài đặt mặc định gốc dành cho các bản fax nhận kèm tem là **Off (Tắt)**.

 **GHI CHÚ:** Việc bật thiết lập đóng dấu đã nhận có thể làm tăng kích thước giấy và khiến sản phẩm phải in trang thứ hai.

GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ áp dụng cho các bản fax nhận được mà sản phẩm in ra.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Stamp faxes (Tem fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Chặn hoặc bỏ chặn số fax

Nếu bạn không muốn nhận fax từ doanh nghiệp hoặc người gửi cụ thể nào đó, bạn có thể chặn đến 30 số fax bằng bảng điều khiển. Khi bạn chặn số fax và người gửi từ số gửi fax đến cho bạn, bảng điều khiển sẽ cho thấy số đó đã bị chặn, bản fax sẽ không được in ra, và bản fax không được lưu trên bộ nhớ. Các bản fax gửi đi từ số fax bị chặn sẽ được hiển thị trong nhật ký hoạt động fax dưới dạng "đã bị hủy". Bạn có thể bỏ chặn số fax đã bị chặn một cách riêng lẻ hoặc tất cả cùng lúc.

 **GHI CHÚ:** Người gửi dùng số fax bị chặn sẽ không được thông báo là bản fax không gửi được.

Để in danh sách số bạn đã chặn hoặc nhật ký hoạt động fax, xem [In các báo cáo fax riêng thuộc trang 116](#).

Thực hiện các bước sau đây để chặn hoặc bỏ chặn số fax bằng bảng điều khiển:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Block faxes (Chặn fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Để chặn số fax, dùng nút mũi tên để chọn **Add entry (Thêm số)**, sau đó bấm **OK**. Điền đúng số fax như bạn đã thấy trên phần tiêu đề đầu trang (bao gồm khoảng cách), sau đó bấm **OK**. Điền tên dùng cho số fax bị chặn, sau đó bấm **OK**.

Để bỏ chặn một số fax riêng lẻ, dùng nút mũi tên để chọn **Delete entry (Xóa số)**, sau đó bấm **OK**. Dùng các nút mũi tên để chọn số fax mà bạn muốn xóa, và sau đó bấm **OK** để xác nhận tác vụ xóa này.

- hoặc -

Để bỏ chặn tất cả các số fax, dùng nút mũi tên để chọn **Clear all (Xóa tất cả)**, sau đó bấm **OK**. Bấm **OK** lần nữa để xác nhận việc xóa.

Chuẩn bị một điện thoại nhánh để nhận fax

Khi bật tính năng này, bạn có thể báo cho sản phẩm biết để nhận cuộc gọi fax gọi đến bằng cách bấm 1-2-3 liên tục trên bàn phím điện thoại. Cài đặt mặc định là **On (Bật)**. Bạn chỉ bật tính năng này nếu bạn dùng chức năng quay số theo nhịp điệu hoặc bạn có đăng ký dịch vụ qua công ty điện thoại có dùng chuỗi số 1-2-3. Dịch vụ của công ty điện thoại sẽ không hoạt động nếu dịch vụ này không tương thích với sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Extension Phone (Điện thoại Nhánh)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Dùng fax


Phần mềm gửi nhận fax

Các chương trình fax hỗ trợ

Chương trình fax qua máy tính cung cấp kèm theo sản phẩm là chương trình fax qua máy tính duy nhất có thể kết hợp dùng chung với sản phẩm. Để tiếp tục dùng chương trình fax qua máy tính đã cài sẵn trên máy tính, chương trình này phải dùng chung với modem đã được kết nối vào máy tính đó; chương trình sẽ không thể dùng chung với modem của sản phẩm.

Các mẫu trang-bìa hiện có

Chương trình phần mềm PC Send Fax (Gửi Fax PC) có sẵn nhiều mẫu trang bìa fax dành cho các cá nhân và doanh nghiệp.

 **GHI CHÚ:** Các mẫu trang-bìa không thể thay đổi được. Mặc dù bạn có thể chỉnh sửa các vùng bên trong các mẫu, bản thân các mẫu này là những mẫu đơn cố định.

Hiệu chỉnh tờ bìa fax

1. Mở chương trình phần mềm PC Fax Send (Gửi Fax PC).
2. Trong phần **Fax To** (Gửi Fax Đến), điền công ty, tên và số fax của người nhận.
3. Trong phần **Resolution** (Độ phân giải), chọn chỉ số độ phân giải.
4. Trong phần **Include With Fax** (Đính Kèm Fax), chọn **Cover Page** (Trang Bìa).
5. Bạn điền thêm thông tin trong hộp thoại **Notes** (Ghi chú) và **Subject** (Chủ đề).
6. Trong hộp menu con **Cover Page Template (Mẫu Trang Bìa)**, chọn một mẫu, và sau đó chọn **Pages in Document Tray** (Trang trên Khay Tài liệu).
7. Thực hiện một trong các bước sau:
 - Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay) để gửi bản fax mà không cần xem lại trang bìa.
 - Nhấp vào **Preview** (Xem lại) để xem lại trang bìa trước khi gửi bản fax.

Hủy bản fax

Dùng các hướng dẫn này để hủy bản fax riêng lẻ hiện đang quay số hoặc bản fax đang được nhận hoặc gửi.

Hủy bản fax hiện tại

Bấm **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển. Các trang chưa được truyền tải sẽ bị hủy. Việc bấm **Cancel (Hủy bỏ)** cũng sẽ dừng các tác vụ quay-số-nhóm.

Hủy tác vụ fax đang chờ

Dùng quy trình này để hủy tác vụ fax trong các trường hợp sau:

- Sản phẩm đang chờ quay số lại sau khi gặp tín hiệu bận máy, cuộc gọi không trả lời, hoặc lỗi kết nối.
- Bản fax sẽ được lên kế hoạch gửi lại vào một thời điểm khác trong tương lai.

Dùng các bước sau đây để hủy tác vụ fax bằng cách dùng menu **Fax Job status** (trạng thái Tác Vụ Fax):

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Bấm **OK** để chọn **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)**.
3. Dùng các nút mũi tên để di chuyển qua các tác vụ đang chờ cho đến khi bạn đến tác vụ mà bạn muốn xóa.
4. Bấm **OK** để chọn tác vụ mà bạn muốn hủy.
5. Bấm **OK** để xác nhận bạn muốn hủy tác vụ đó.

Xóa bản fax khỏi bộ nhớ

Dùng quy trình này chỉ khi bạn lo ngại rằng người nào khác đã truy cập vào sản phẩm của bạn và có tìm cách in lại các bản fax từ bộ nhớ.

△ **THẬN TRỌNG:** Ngoài việc xóa bộ nhớ in lại, quy trình này sẽ xóa bất kỳ bản fax nào hiện đang được gửi đi, các bản fax chưa gửi đang chờ quay số lại, các bản fax được lên kế hoạch gửi vào thời điểm khác trong tương lai, và các bản fax chưa in hoặc chưa được gửi chuyển tiếp.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Clear saved faxes (Xóa các bản fax đã lưu)**, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP

Các sản phẩm HP được đặc biệt thiết kế để dùng với các dịch vụ điện thoại analog thông thường. Chúng không được thiết kế để dùng với các đường dây DSL, PBX, ISDN, hoặc các dịch vụ VoIP, nhưng chúng có thể kết hợp sử dụng với các thiết bị và thông số cài đặt thích hợp.


📄 **GHI CHÚ:** HP khuyến nghị bạn thảo luận với nhà cung cấp dịch vụ về các tùy chọn cài đặt DSL, PBX, ISDN, và VoIP.

Sản phẩm HP LaserJet là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số (trừ khi bạn đang sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog). HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.


DSL

Đường dây thuê bao kỹ thuật số (DSL) dùng công nghệ kỹ thuật số trên hệ thống dây điện thoại bằng đồng tiêu chuẩn. Sản phẩm này không tương thích trực tiếp với các tín hiệu kỹ thuật số. Tuy nhiên, nếu

bạn chọn cấu hình này trong quá trình cài đặt DSL, tín hiệu có thể tách rời để một số loại băng thông được dùng để truyền tín hiệu analog (cho điện thoại và fax) trong khi các băng thông còn lại sẽ được dùng để truyền dữ liệu kỹ thuật số.

 **GHI CHÚ:** Các dịch vụ DSL sẽ không tương thích với tất cả các loại fax. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích hoàn toàn với tất cả các nhà cung cấp hoặc đường dây dịch vụ DSL.

Bạn phải dùng modem DSL với bộ lọc tốc-độ-cao. Nhà cung cấp dịch vụ thường sẽ cung cấp bộ lọc tốc-độ-thấp, dùng cho loại cáp điện thoại thông thường.

 **GHI CHÚ:** Liên hệ nhà cung cấp DSL để biết thêm thông tin hoặc để được giúp đỡ.

PBX

Sản phẩm là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số. Bạn cần phải sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu hoặc bộ lọc kỹ-thuật-số-sang-analog để dùng được các chức năng fax. Nếu các chức năng fax phát sinh sự cố trong hệ thống PBX, bạn sẽ phải liên hệ với nhà cung cấp PBX để được giúp đỡ. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

Liên hệ nhà cung cấp PBX để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

ISDN

Liên hệ nhà cung cấp ISDN để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

VoIP


Dịch vụ giao thức truyền âm qua internet (VoIP) thường không tương thích với các loại máy fax, trừ trường hợp nhà cung cấp công bố chính thức rằng máy hỗ trợ fax qua các dịch vụ IP.


Nếu sản phẩm gặp sự cố trong khi gửi fax qua mạng VoIP, hãy kiểm tra xem tất cả các cáp đã được kết nối đúng cách và thông số cài đặt có thiết lập phù hợp hay chưa. Việc giảm thông số tốc-độ-fax có thể sẽ cho phép sản phẩm gửi fax qua mạng VoIP.

Nếu máy tiếp tục gặp sự cố khi fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ VoIP.

Gửi fax

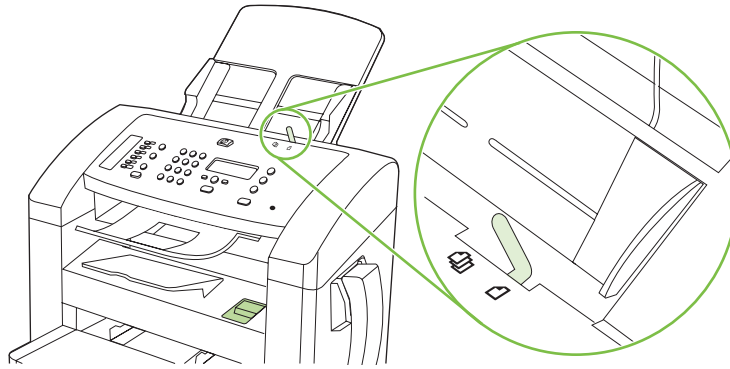
Gửi fax từ khay tự động nạp tài liệu (ADF)

 **GHI CHÚ:** Dung lượng khay ADF tối đa là 30 trang loại giấy 80 g/m² hoặc 20 lb.

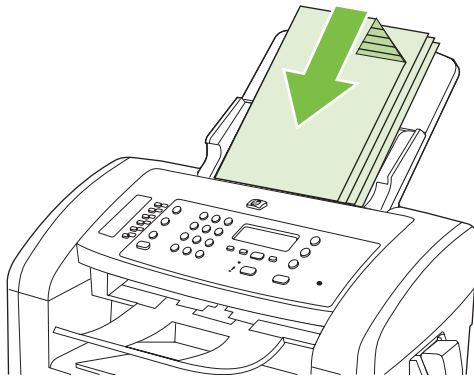
 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

1. Đặt đầu trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy ADF, với bề mặt chồng giấy hướng xuống dưới và trang đầu tiên sẽ được sao chép nằm ở phía dưới cùng của chồng giấy.

2. Bảo đảm rằng cần gạt giấy của khay ADF đã được đặt đúng cho tài liệu một trang hoặc nhiều trang.

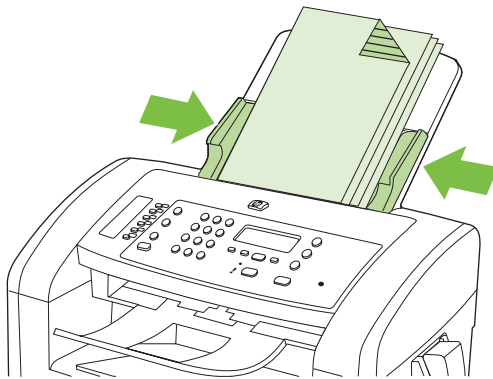


3. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.



Document loaded (Đã nạp tài liệu) sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

4. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



5. Dùng các nút chữ số trên bảng điều khiển để quay số.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi đã được gán cho phím công-tắc, bấm phím đó.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi thuộc mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để chọn mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, sau đó bấm **OK**.

6. Trên bảng điều khiển, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Sản phẩm sẽ bắt đầu tác vụ fax.

Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công

Thông thường, sản phẩm sẽ quay số sau khi bạn bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bạn có thể muốn sản phẩm quay từng số khi bạn bấm chúng. Ví dụ, nếu bạn đang tính gộp phí cuộc gọi fax vào thẻ gọi điện, bạn cần phải quay số fax, đợi tín hiệu chấp thuận từ công ty điện thoại của bạn, và sau đó quay số của thẻ gọi điện. Khi bạn quay số gọi quốc tế, bạn sẽ cần phải quay một số chữ số trong số này và lắng nghe âm quay số trước khi tiếp tục quay số.

Dùng tay quay số từ điện thoại cầm tay

1. Nạp tài liệu vào khay ADF.
2. Gọi cho máy nhận bằng điện thoại cầm tay.
3. Khi máy nhận đã sẵn sàng, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)** trên bảng điều khiển của sản phẩm.

Gửi fax đến nhóm người nhận bằng cách thủ công (gửi fax ad hoc)

Dùng các hướng dẫn sau đây để gửi fax đến nhóm người nhận chưa được gán vào mục quay-số-nhóm:

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Dùng các nút chữ số.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi thuộc số quay nhóm hoặc phím quay-số-nhanh, bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để chọn số quay nhóm hoặc phím quay-số-nhanh, sau đó bấm **OK**.

3. Bấm **OK**.
4. Để tiếp tục quay số, lặp lại bước 2 và 3.

- hoặc -

Nếu bạn đã quay số xong, bạn hãy làm bước kế tiếp.

5. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.
6. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 5 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến từng số fax. Nếu số trong nhóm đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả các lần quay lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm vào nội dung báo lỗi, và sau đó máy sẽ tiếp tục quay số kế tiếp trong nhóm.

Quay số lại bằng cách thủ công

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Redial** (Quay số lại).
3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.
4. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến số được quay lại. Nếu số này đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả những lần quay số lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm nội dung báo lỗi.

Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm

Gửi fax bằng phím quay số nhanh

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Bấm phím công-tác dùng cho phím quay số nhanh.

- hoặc -

Bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để xác định mục phím-quay-số-nhanh, và sau đó bấm **OK**.

3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.
4. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Khi sản phẩm đã cho ra trang fax cuối cùng, bạn có thể bắt đầu gửi trang fax khác, sao chép, hoặc quét tài liệu.

Bạn có thể gán phím quay số nhanh cho những số bạn thường sử dụng. Xem [Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh thuộc trang 85](#). Nếu bạn có danh bạ điện tử, bạn có thể dùng chúng để chọn người nhận. Danh bạ điện tử thường được tạo bằng cách dùng các chương trình phần mềm của hãng thứ ba.

Gửi fax bằng mục quay-số-nhóm

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Bấm phím công-tác dùng cho nhóm này.

- hoặc -

Bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để xác định mục quay-số-nhóm, và sau đó bấm **OK**.

3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.

4. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ quét tài liệu này vào bộ nhớ và gửi fax đến từng số đã chọn. Nếu số trong nhóm đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại của số đó. Nếu tất cả các lần quay lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm nội dung báo lỗi, và sẽ tiếp tục quay số kế tiếp trong nhóm.

Gửi fax bằng phần mềm

Phần này chứa các hướng dẫn căn bản về cách gửi fax bằng phần mềm được cung cấp kèm theo sản phẩm. Tất cả các vấn đề khác liên quan đến phần mềm đều được trình bày trong mục Trợ giúp của phần mềm, trong menu **Help (Trợ giúp)** của chương trình phần mềm.

Bạn có thể fax các tài liệu điện tử từ máy tính nếu bạn đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm đã được kết nối trực tiếp với máy tính.
- Phần mềm sản phẩm được cài trên máy tính.
- Hệ điều hành của máy tính là Microsoft Windows XP, Windows Vista, Mac OS X v10.3, hoặc Mac OS X v10.4.

Gửi fax bằng phần mềm (Windows XP hoặc Vista)

Quy trình gửi fax có thể thay đổi tùy theo các thông số kỹ thuật của bạn. Các bước cơ bản nhất bao gồm.

1. Nhấp vào **Start (Bắt đầu)**, nhấp vào **Programs (Chương trình)** (hoặc **All Programs (Tất cả Chương trình)** trong Windows XP), sau đó nhấp vào **Hewlett-Packard**.
2. Nhấp vào tên sản phẩm, sau đó nhấp vào **Send fax (Gửi fax)**. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
4. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
5. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)
6. Nhấp vào **Send Now (Gửi Ngay)**.

Gửi fax bằng phần mềm (Mac OS X v10.3)

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Mở HP Director (Trình Chủ Đạo HP) và nhấp vào **Fax**. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Chọn **Fax** trong hộp thoại **Print (In)**.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
5. Nạp trang bìa (đây là bước tùy chọn).
6. Nhấp vào **Fax**.

Gửi fax bằng phần mềm (Mac OS X v10.4)

Khi dùng Mac OS X v10.4, bạn có thể chọn một trong hai phương thức gửi fax bằng phần mềm sản phẩm.

Để gửi fax bằng HP Director (Trình Chủ Đạo HP), bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Mở HP Director (Trình Chủ Đạo HP) bằng cách nhấp vào bộ đỡ, và sau đó nhấp vào **Fax**. Hộp thoại in Apple sẽ hiện ra.
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.

Để gửi fax bằng cách in bằng trình điều khiển fax, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Mở tài liệu mà bạn muốn fax đi.
2. Nhấp vào **File** (Tập tin) và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.

Gửi fax bằng chương trình phần mềm của hãng thứ ba, như Microsoft Word (dùng trên mọi hệ điều hành)


1. Mở tài liệu trong chương trình của hãng thứ ba.
2. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển in fax trong danh sách các trình điều khiển máy in vừa xuất hiện. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
4. Hoàn tất một trong các quy trình sau:
 - **Windows**
 - a. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
 - b. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)

- c. Bao gồm bất kỳ trang nào đã nạp vào sản phẩm. (Đây là bước tùy chọn.)
- d. Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).
- **Macintosh**
 - a. **Mac OS X v10.3:** Chọn **Fax** trong hộp thoại **Print** (In).
-hoặc-
Mac OS X v10.4: Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
 - b. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
 - c. **Mac OS X v10.3:** Nạp trang bìa (đây là bước tùy chọn).
-hoặc-
Mac OS X v10.4: Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
 - d. Nhấp vào **Fax**.

Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tải về

Đôi khi bạn muốn quay số fax từ điện thoại được kết nối cùng một đường dây với sản phẩm. Ví dụ, nếu bạn đang gửi fax đến người có thiết bị đang ở chế độ nhận theo cách thủ công, bạn sẽ thực hiện cuộc gọi thoại trước khi gửi fax để cho người đó biết rằng có fax đang gửi đến.



GHI CHÚ: Điện thoại phải kết nối với cổng “điện thoại” của sản phẩm ().

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Cầm lấy điện thoại cầm tay được kết nối chung đường dây với sản phẩm. Quay số fax bằng cách dùng bàn phím điện thoại.
3. Khi người nhận trả lời, hãy hướng dẫn người đó cách khởi động máy fax.
4. Khi bạn nghe âm thanh máy fax, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**, đợi đến khi thông báo **Connecting** (Đang kết nối) hiện trên màn hình bảng điều khiển, và sau đó gác điện thoại.

Gửi fax đang tạm hoãn

Dùng bảng điều khiển sản phẩm để lên kế hoạch gửi fax tự động đến một hoặc nhiều người vào thời điểm khác trong tương lai. Sau khi đã hoàn tất quy trình này, sản phẩm sẽ quét tài liệu vào bộ nhớ và sau đó quay trở lại trạng thái Ready (Sẵn sàng).



GHI CHÚ: Nếu sản phẩm không gửi fax đi vào thời điểm đã lên kế hoạch, thông tin đó sẽ được thể hiện trên báo cáo lỗi fax (nếu bạn đã bật tùy chọn đó) hoặc được ghi trên nhật ký hoạt động fax. Việc truyền tải tín hiệu sẽ không được tiến hành vì cuộc gọi gửi fax không trả lời, hoặc vì tín hiệu bạn máy làm dừng việc quay số lại.

Nếu bản fax đã được lên kế hoạch để gửi trong tương lai, nhưng cần được cập nhật, hãy gửi thêm thông tin bổ sung dưới dạng tác vụ khác. Tất cả các bản fax được lên kế hoạch gửi đến cùng một số fax cùng lúc sẽ được gửi dưới dạng các bản fax riêng lẻ.

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.

3. Bấm các nút mũi tên cho đến khi biểu tượng **Fax functions (Các chức năng fax)** xuất hiện, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm các nút mũi tên cho đến khi biểu tượng **Send fax later** (Gửi lại fax sau) xuất hiện, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập thời gian.
6. Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 12-giờ, hãy dùng các nút mũi tên để di chuyển con trỏ qua ký tự thứ tư để chỉnh sang A.M. hoặc P.M. Chọn **1** cho A.M. hoặc chọn **2** cho P.M., và sau đó bấm **OK**.

- hoặc -

Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 24-giờ, bấm **OK**.

7. Sử dụng các nút chữ số để nhập ngày tháng, sau đó bấm **OK**.

- hoặc -

Chấp nhận ngày tháng mặc định bằng cách bấm **OK**.

8. Điền số fax, điền phím quay số nhanh, hoặc bấm phím công-tắc.



GHI CHÚ: Tính năng này không hỗ trợ nhóm chưa xác định (ad hoc).

9. Bấm **OK** hoặc **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Sản phẩm sẽ quét tài liệu này vào bộ nhớ và gửi chúng đi vào thời điểm bạn đã chọn.

Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện

Để dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số và khoảng dừng. Xem [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 103](#).

Gửi fax đi quốc tế

Để gửi fax đến số máy quốc tế, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số quốc tế và khoảng dừng. Xem [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 103](#).

Nhận fax

Khi sản phẩm nhận được dữ liệu fax, máy sẽ in ra bản fax (trừ khi bạn đã bật tính năng nhận-riêng) và đồng thời tự động lưu chúng vào bộ nhớ flash.

In bản fax đã lưu (khi tính năng nhận riêng đã bật)

Để in các bản fax đã lưu, bạn phải nhập mã PIN nhận-riêng. Sau khi sản phẩm đã in bản fax đã lưu, các bản fax này sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút chữ số để nhập mã PIN bảo mật của sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.


5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Private receive** (Nhận riêng), sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print faxes** (In fax), sau đó bấm **OK**.


In lại bản fax

Nếu bạn muốn in lại một bản fax do hộp mực in đã cạn hoặc nếu bản fax đã in trên loại giấy không đúng, bạn có thể in lại chúng. Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại. Bản fax mới nhất sẽ được in đầu tiên; bản fax cũ nhất trong bộ nhớ lưu trữ sẽ được in sau cùng.

Các bản fax này được lưu liên tiếp nhau. Việc in lại chúng sẽ không làm máy xóa chúng khỏi bộ nhớ. Để xóa những bản fax này khỏi bộ nhớ, xem [Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 100](#).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup** (Cài đặt).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions** (Các chức năng fax), sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reprint last** (In lại bản cuối), sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ bắt đầu in lại bản fax mới được in ra.

 **GHI CHÚ:** Để dừng tác vụ in ấn này lại, bấm **Cancel** (Hủy bỏ).

 **THẬN TRỌNG:** Nếu chế độ **Reprint faxes** (In lại fax) được cài sang **Off** (Tắt), các bản fax cũ hoặc in sai sẽ không được in lại.


Nhận fax khi điện thoại cầm tay đổ chuông

1. Trả lời điện thoại.
2. Nếu bạn nghe có chuông fax, hãy chờ đến khi sản phẩm khởi động tính năng nhận fax.
3. Sau khi đường dây không còn đổ chuông, hãy gác máy điện thoại cầm tay.

Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại

Nếu bạn dùng một đường dây điện thoại để nhận cả fax và cuộc gọi thoại, và nghe kiểu chuông fax khi bạn trả lời điện thoại, bạn có thể bắt đầu quá trình nhận fax bằng một trong hai cách sau:

- Nếu bạn ở gần sản phẩm, hãy bấm **Start Fax** (Bắt đầu Fax) trên bảng điều khiển.
- Nếu không, hãy bấm chuỗi phím 1-2-3 trên bàn phím điện thoại, lắng nghe âm truyền tín hiệu fax, và sau đó hãy gác máy.

 **GHI CHÚ:** Để dùng cách thứ hai để nhận, bạn phải cài tính năng điện thoại nhánh sang trạng thái **Yes** (Có). Xem [Chuẩn bị một điện thoại nhánh để nhận fax thuộc trang 98](#) để kiểm tra hoặc thay đổi thông số này.

Xem bản fax đã được gửi đến máy tính bạn

Để xem các bản fax trên máy tính, bạn phải cấu hình sản phẩm để máy có thể nhận fax đến máy tính. Xem [Chỉnh thông số cài đặt để máy tính có thể nhận fax được thuộc trang 95](#).

1. Mở HP Toolbox (Hộp Công cụ HP).
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.

4. Nhấp vào **Fax Receive Log** (Nhật ký Nhận Fax).
5. Trên cột **Fax Image** (Hình ảnh Fax), nhấp vào liên kết “view” (“xem”) của bản fax mà bạn muốn xem.

 **GHI CHÚ:** Máy Macintosh không hỗ trợ nhận fax qua máy tính.

Giải quyết sự cố khi fax

Thông báo lỗi fax

Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận thông báo này bằng cách bấm **OK** để tiếp tục làm việc hoặc bấm **Cancel** (Hủy) để hủy tác vụ này. Đối với một số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

Bảng thông báo cảnh báo và cảnh giác

Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Bộ nhớ fax đã đầy Đang hủy tác vụ nhận.	Trong quá trình truyền tín hiệu fax, sản phẩm đã cạn bộ nhớ. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được in ra.	In tất cả các bản fax, và sau đó nhờ người gửi gửi lại bản fax đó. Bạn hãy nhờ người gửi chia tác vụ fax ra làm nhiều tác vụ nhỏ trước khi gửi. Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ. Xem Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 100 .
Bộ nhớ fax đã đầy Đang hủy tác vụ gửi	Trong khi thực hiện tác vụ fax, bộ nhớ đã bị đầy. Tất cả các trang của bản fax phải được lưu vào bộ nhớ để tác vụ fax có thể tiến hành bình thường. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được gửi đi.	In tất cả các bản fax đã nhận hoặc đợi đến khi các bản fax đang chờ được gửi đi. Nhờ người gửi gửi lại bản fax. Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ. Xem Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 100 .
Fax đang bận Đã hủy việc gửi	Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm đã hủy tác vụ gửi fax đi.	Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax. Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không. Kiểm tra xem tùy chọn Redial if busy (Quay số lại nếu máy bận) có được bật hay không. Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm Start Fax (Bắt đầu Fax). Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó. Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và sau đó thử gửi fax lại lần nữa. Thử dùng dây điện thoại khác. Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bươm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
Fax bị tạm hoãn – Bộ nhớ gửi bị đầy	Bộ nhớ fax đã bị đầy.	Hủy bản fax bằng cách bấm OK hoặc Cancel (Hủy bỏ). Gửi lại bản fax. Bạn sẽ cần gửi lại

Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		bản fax làm nhiều lần nếu lỗi này xuất hiện trở lại.
Không có Âm Quay số	Sản phẩm không thể xác định âm quay số.	<p>Kiểm tra xem kiểu chuông quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm Start Fax (Bắt đầu Fax).</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ở cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Kiểm tra chắc chắn rằng dây điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng ra (□).</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác. Xem Kết nối với một đường dây điện thoại thuộc trang 79.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Không dò được máy fax nào	Sản phẩm đã trả lời cuộc gọi đến nhưng không xác định được máy fax nào đang gọi.	<p>Cho phép sản phẩm thử nhận lại bản fax.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi truyền tín hiệu	Lỗi truyền tín hiệu fax xuất hiện giữa sản phẩm và người gửi hoặc người nhận.	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax. Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Gửi Fax	Lỗi xuất hiện khi đang thử gửi fax.	<p>Thử gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax đến số máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm Start Fax (Bắt đầu Fax).</p>

Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác.</p> <p>Chỉnh độ phân giải fax sang Standard (Tiêu chuẩn) thay vì giá trị mặc định là Fine (Mịn). Xem Cài đặt độ tương phản thuộc trang 91.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Máy chưa gửi tài liệu	Sản phẩm chưa quét trang tài liệu nào, hoặc máy chưa nhận trang nào từ máy tính để truyền fax đi.	Thử gửi lại bản fax lần nữa.
Máy fax đang bận Tạm hoãn quay số lại	Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm sẽ tự động quay lại số điện thoại bận. Xem Cài chế độ tự quay số lại thuộc trang 90 .	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm Start Fax (Bắt đầu Fax).</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và thử gửi fax lại lần nữa.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Máy fax không trả lời. Đã hủy tác vụ gửi	Máy đã thử quay lại số fax nhưng không được, hoặc bạn đã tắt tùy chọn "Redial-no answer" ("Quay số lại nếu không có tín hiệu trả lời").	<p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem tùy chọn quay số lại có được bật hay không.</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ở cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p>

Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Kiểm tra chắc chắn rằng dây điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng ra (□).</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Máy fax không trả lời Đang chờ quay số lại	Đường dây nhận fax không có tín hiệu trả lời. Sản phẩm sẽ thử quay số lại sau một vài phút.	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Nếu sản phẩm tiếp tục quay số lại, hãy tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Kiểm tra chắc chắn rằng dây điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng ra (□).</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Mục không hợp lệ	Câu trả lời hoặc dữ liệu không hợp lệ.	Sửa lại mục nhập này.
Nhận fax lỗi	Lỗi xuất hiện khi đang thử nhận fax.	<p>Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax ngược lại cho người gửi hoặc gửi đến máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm Start Fax (Bắt đầu Fax).</p> <p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p>

Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		Giảm tốc độ fax. Xem Giảm tốc độ fax thuộc trang 118 . Nhờ người gửi gửi lại bản fax. Tắt chế độ sửa-lỗi. Xem Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax thuộc trang 118 . Nhờ người gửi gửi lại bản fax. Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác. Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bươm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
Tính năng quay số nhóm không được phép dùng cho nhóm.	Mã quay-số-nhanh mà bạn vừa gõ vào được gán cho một nhóm. Máy không cho phép thêm mục quay-số-nhóm vào một mục quay-số-nhóm khác.	Thêm các nút công-tắc (được cài dưới dạng phím quay số nhanh riêng lẻ) hoặc mã quay-số-nhanh vào mục quay-số-nhóm.

Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện

Bộ nhớ flash HP LaserJet M1319 MFP sẽ bảo vệ chống mất dữ liệu khi bị mất điện. Các thiết bị fax khác lưu các trang fax trong RAM thường hoặc RAM tạm thời. RAM thường sẽ lập tức bị mất dữ liệu khi mất điện, trong khi RAM tạm thời sẽ mất dữ liệu khoảng 60 phút sau khi mất điện. Bộ nhớ flash có thể lưu trữ tài liệu trong nhiều năm mà không cần có điện.

Các báo cáo và nhật ký fax

Dùng những hướng dẫn sau đây để in các báo cáo và nhật ký fax:

In tất cả các báo cáo fax

Dùng quy trình này để in tất cả các báo cáo sau đây cùng lúc:

- Nhật ký hoạt động fax
 - Báo cáo danh bạ
 - Báo cáo cấu hình
 - Danh sách chặn-fax
1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
 2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
 3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
 4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All fax reports (Tất cả báo cáo fax)**, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in các báo cáo.

In các báo cáo fax riêng

Dùng bảng điều khiển để in các báo cáo và nhật ký fax sau:

- **Báo cáo cuộc gọi mới nhất:** Cung cấp các thông tin về bản fax mới nhất được gửi hoặc nhận bằng sản phẩm.
- **Nhật ký hoạt động fax:** Cung cấp nội dung hoạt động theo trình tự thời gian của 40 bản fax mới nhất vừa nhận được, gửi đi, hoặc xóa, và bất kỳ lỗi nào đã xuất hiện.
- **Báo cáo danh bạ:** Liệt kê các số fax đã được gán vào các mục trong danh bạ, bao gồm các phím quay số nhanh và mục quay-số-nhóm.
- **Danh sách chặn-fax:** Liệt kê các số fax đã bị chặn không cho gửi fax đến sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn báo cáo bạn sẽ in, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in bản báo cáo.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đã chọn **Fax Activity log (Nhật ký Hoạt động Fax)** và bấm **OK**, bấm **OK** lần nữa để chọn **Print log now (In nhật ký ngay)**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in nhật ký.

Chỉnh máy để tự động in nhật ký hoạt động fax


Bạn có thể quyết định có muốn in nhật ký fax một cách tự động sau khi máy lưu được 40 mục hay không. Thông số cài đặt mặc định gốc là **On (Bật)**. Dùng các bước sau đây để chỉnh máy tự động in nhật ký hoạt động fax:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Activity log (Nhật ký hoạt động fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Auto Log Print (Tự động In Nhật ký)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, sau đó bấm **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax

Báo cáo lỗi fax là báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã gặp lỗi tác vụ fax. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi loại lỗi fax (cài đặt mặc định gốc)
- Lỗi gửi fax
- Lỗi nhận fax
- Không bao giờ

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Never** (Không bao giờ), bạn sẽ không nhận được thông báo không gửi được fax, trừ khi bạn in nhật ký hoạt động fax.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Error report (báo cáo Lỗi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Chỉnh máy in báo cáo xác nhận fax

Báo cáo xác nhận là loại báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã được gửi hoặc nhận thành công. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi tác vụ fax
- Gửi fax
- Nhận fax
- Không (cài đặt mặc định gốc)

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Confirmation (Xác nhận Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Bao gồm trang đầu tiên của từng bản fax trong phần xác nhận fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất

Nếu tùy chọn này đã được bật và ảnh trang này vẫn còn trong bộ nhớ sản phẩm, cấu hình fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất sẽ được bao gồm trong ảnh thu nhỏ (giảm 50%) của trang đầu tiên của bản fax mới nhất vừa nhận được hoặc gửi đi. Thông số cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn này là **On (Bật)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Include 1st page (Bao gồm trang thứ 1)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, và sau đó bấm **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax

Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax

Thông thường, sản phẩm sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu sản phẩm phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và thông số sửa-lỗi là **On (Bật)**, sản phẩm sẽ yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **On (Bật)**.

Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All faxes (Tất cả fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Error correction (Sửa lỗi)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

Giảm tốc độ fax

Thông số tốc-độ-fax chính là giao thức của modem mà sản phẩm dùng để gửi fax. Đó chính là tiêu chuẩn toàn cầu cho các modem hai-đường-truyền dùng để gửi và nhận dữ liệu qua đường dây điện thoại với tốc độ đạt 33.600 bit mỗi giây (bps). Cài đặt mặc định gốc cho thông số tốc-độ-fax là **High (V.34)** (Cao (V.34)).

Bạn chỉ nên thay đổi thông số này nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi fax hoặc nhận fax qua thiết bị cụ thể nào đó. Việc giảm tốc độ fax có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài, hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All faxes (Tất cả fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Speed (Tốc độ Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn thông số tốc độ, sau đó bấm **OK**.

Các sự cố khi gửi fax

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Tài liệu sẽ dừng nạp tín hiệu trong quá trình fax.	Độ dài tối đa của trang mà bạn có thể nạp là 381 mm. Máy sẽ dừng fax trang dài đến mức 381 mm (15 inch).	In tài liệu trên giấy loại ngắn hơn. Nếu máy không bị kẹt giấy và bạn đã đợi hơn một phút, hãy đợi thêm một chút trước khi bấm Cancel (Hủy bỏ) . Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này.
	Tài liệu này quá nhỏ, tài liệu có thể bị kẹt trong khay tự động nạp tài liệu (ADF).	Khổ giấy nhỏ nhất dành cho khay ADF là 148 x 105 mm. Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này.
Fax bị dừng trong khi đang gửi.	Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng.	Thử gửi đến máy fax khác.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> Bật âm lượng trên sản phẩm, và sau đó bấm Start Fax (Bắt đầu Fax) trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, đường dây điện thoại hiện vẫn hoạt động. Ngắt sản phẩm khỏi khe cắm trên tường, và sau đó kết nối điện thoại vào khe cắm đó. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.
	Lỗi truyền tín hiệu có thể làm ngắt tác vụ fax.	Thay đổi thông số gọi-lại-do-lỗi-truyền-thông sang On (Bật) .
Sản phẩm nhận fax nhưng không gửi đi được.	Nếu sản phẩm đang kết nối vào hệ thống kỹ thuật số, hệ thống này có thể tạo ra âm quay số mà sản phẩm không thể nhận dạng được.	Tắt thông số dò-tìm-âm-quay-số. Nếu máy vẫn còn báo lỗi, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hệ thống.
	Máy gặp tình trạng kết nối điện thoại kém.	Thử lại sau.
	Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng.	Thử gửi đến máy fax khác.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> Bật âm lượng trên sản phẩm, và bấm trên bảng điều khiển Start Fax (Bắt đầu Fax). Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động. Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại và nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Các cuộc gọi fax đi vẫn tiếp tục được quay.	Sản phẩm tự động quay lại số fax nếu bạn đã chỉnh tùy chọn quay số lại sang On (Bật) .	Để làm sản phẩm ngừng quay lại số fax, bấm Cancel (Hủy bỏ) . Hoặc thay đổi thông số quay số lại.
Các bản fax gửi đi không đến được máy nhận fax.	Máy nhận fax có thể đang tắt hoặc ở trong tình trạng lỗi, ví dụ như đang bị hết giấy.	Bạn hãy gọi cho người nhận để xác minh xem máy fax có bật và sẵn sàng để nhận fax hay không.
	Các tài liệu gốc có thể đã được nạp không đúng cách.	Kiểm tra xem các tài liệu gốc có được nạp đúng cách vào khay nạp giấy ADF không.
	Bộ nhớ có thể hiện đang lưu bản fax vì máy đang đợi để quay lại số đang bận, các tác vụ khác đang chờ được gửi đi, hoặc bản fax đã được cài để tạm hoãn gửi đi.	Nếu tác vụ fax vẫn còn trong bộ nhớ vì lý do nào đó, một mục tác vụ sẽ xuất hiện trên nhật ký fax. In nhật ký hoạt động fax và kiểm tra trong cột Status (Trạng thái) để xem có tác vụ nào được gán là Pending (Đang chờ) hay không.
Bảng điều khiển hiện thông báo lỗi hết-bộ-nhớ.	Bản fax có thể quá lớn, hoặc độ phân giải quá cao.	Thử một trong các cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Chia bản fax ra làm nhiều phần nhỏ, và sau đó fax chúng đi từng phần. • Xóa các bản fax đã lưu để giải phóng bớt bộ nhớ dùng cho các bản fax gửi đi. • Chỉnh cấu hình fax gửi đi thành fax tạm hoãn, và sau đó xác minh lại xem chúng có được gửi đi không. • Kiểm tra để đảm bảo sản phẩm đang sử dụng thông số độ phân giải thấp nhất (Standard (Tiêu chuẩn)).

Các sự cố khi nhận fax

Dùng bảng trong phần này để giải quyết sự cố có thể xảy ra khi nhận fax.

 **GHI CHÚ:** Dùng dây fax bán kèm theo sản phẩm để đảm bảo rằng sản phẩm hoạt động bình thường.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Sản phẩm sẽ không thể nhận fax từ điện thoại nhánh.	Bạn phải tắt tính năng điện-thoại-nhánh.	Thay đổi thông số điện-thoại-nhánh.
	Dây fax có thể được nối một cách không an toàn.	Xác minh xem dây fax có nối giữa khe cắm điện thoại và sản phẩm (hoặc thiết bị khác được nối vào sản phẩm) hay không. Bấm chuỗi số 1-2-3, đợi khoảng ba giây, và sau đó hãy gác máy.
	Chế độ quay số của sản phẩm có thể bị chỉnh không đúng, hoặc điện thoại nhánh có thể được chỉnh chưa đúng.	Kiểm tra xem chế độ quay số của sản phẩm có được chỉnh sang Tone (Âm) hay không. Đồng thời kiểm tra để xác minh xem điện thoại nhánh có được cài chế độ quay số qua âm thanh hay không.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Sản phẩm không trả lời các cuộc gọi fax gọi đến.	Chế độ trả lời có thể đã được chỉnh sang Manual (Thủ công) .	Nếu chế độ trả lời được cài sang Manual (Thủ công) , sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi. Bắt đầu quá trình nhận-fax theo cách thủ công.
	Thông số đồ-chuông-trả-lời chưa được chỉnh đúng.	Kiểm tra thông số đồ-chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng.
	Tính năng kiểu chuông-trả-lời có thể đã bật, nhưng bạn không có dùng dịch vụ này, hoặc bạn đã cài dịch vụ và tính năng không chính xác.	Kiểm tra tính năng kiểu chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng.
	Đường dây fax có thể được kết nối không đúng cách, hoặc đường dây fax không hoạt động.	Xem phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng để kiểm tra quá trình cài đặt. Xác minh rằng bạn đang sử dụng đường dây fax bán kèm theo sản phẩm.
	Sản phẩm sẽ không thể dò được âm fax gửi đến vì máy trả lời đang phát thông điệp bằng lời nói.	Ghi lại thông báo của máy trả lời, để máy im lặng trong ít nhất hai giây vào khi bắt đầu thông điệp.
	Đường dây điện thoại có thể hiện kết nối với quá nhiều thiết bị.	Không được kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây. Tháo thiết bị cuối cùng được kết nối và xem thử xem sản phẩm có hoạt động hay không. Nếu không, tiếp tục tháo lần lượt từng thiết bị và thử lại sau khi tháo từng cái.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> Tăng âm lượng trên sản phẩm, và sau đó bấm Start Fax (Bắt đầu Fax) trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động. Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại, và sau đó nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Sản phẩm không trả lời các cuộc gọi fax gọi đến.	Dịch vụ thông-báo-lời-thoại có thể ảnh hưởng đến sản phẩm khi máy thử trả lời các cuộc gọi.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> Tắt dịch vụ thông báo. Dùng đường dây điện thoại chuyên dùng cho các cuộc gọi fax. Chỉnh chế độ trả lời của sản phẩm sang Manual (Thủ công). Trong chế độ thủ công, bạn phải tự mình bắt đầu tiến hành quy trình nhận-fax. Bạn để cho sản phẩm chỉnh sang chế độ tự động và giảm số lần đổ-chuông-trả-lời của sản phẩm xuống mức nhỏ hơn số lần đổ-chuông-trả-lời dành cho hộp thư thoại. Sản phẩm sẽ trả lời tất cả các cuộc gọi đến.
	Sản phẩm có thể bị hết giấy và bộ nhớ bị đầy.	Nạp thêm giấy vào khay nạp giấy. Bấm OK . Sản phẩm sẽ in tất cả các bản fax lưu trữ trong bộ nhớ và sau đó sẽ tiếp tục trả lời các cuộc gọi fax.
Máy không in các bản fax.	Khay nạp giấy đã cạn.	Nạp giấy. Bất kỳ bản fax nào máy nhận trong khi khay nạp giấy đang cạn sẽ được lưu vào bộ nhớ và sẽ được in ra sau khi bạn đã nạp đầy khay.
	Tùy chọn nhận nhận-vào-máy-tính có thể đã được chọn, và các bản fax sẽ được nhận qua máy tính.	Kiểm tra để xác định xem máy tính có nhận được fax hay không.
	Sản phẩm đã gặp lỗi.	Xem bảng điều khiển để biết thông báo lỗi, và sau đó xem Thông báo lỗi fax thuộc trang 111 .
Các bản fax được in trên hai trang thay vì một.	Thông số tự động giảm chưa được chỉnh đúng.	Bật thông số tự động giảm.
	Các bản fax gửi đến có thể được gửi đi dưới dạng giấy khổ lớn.	Hiệu chỉnh thông số tự động giảm để cho phép máy in trang khổ lớn trên cùng một trang.
Các bản fax quá mờ, chứa giấy trắng, hoặc có chất lượng in kém.	Sản phẩm có thể bị hết mực trong khi in fax.	Sản phẩm sẽ lưu lại các bản fax mới được in ra. (Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại.) Bạn hãy thay hộp mực in ngay lập tức, và sau đó hãy in lại bản fax.
	Bản fax được gửi đến quá mờ.	Hãy liên hệ với người gửi và nhờ người gửi gửi lại bản fax đó sau khi đã hiệu chỉnh thông số độ tương phản trên máy họ.

Các sự cố về hoạt động của máy


Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Các bản fax gửi đi hoặc nhận về quá chậm.	Bản fax có thể rất phức tạp, ví dụ như chứa nhiều hình ảnh.	Các bản fax phức tạp sẽ khiến mất nhiều thời gian để gửi hoặc nhận. Việc chia nhỏ các bản fax dài ra nhiều tác vụ nhỏ và giảm độ phân giải có thể làm tăng tốc độ truyền tín hiệu.
	Máy nhận fax có thể đang cài tốc độ modem chậm.	Sản phẩm chỉ gửi fax với tốc độ modem nhanh nhất mà máy nhận fax có thể chấp nhận được.
	Bản fax được gửi đi hoặc nhận được có thể có độ phân giải quá cao.	Để nhận fax, hãy gọi điện và yêu cầu người gửi hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó. Để gửi fax, hãy hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó.
	Đường dây điện thoại có thể đang bị nhiễu.	Gác máy và gửi lại bản fax. Nhờ công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại. Nếu bản fax được gửi qua đường dây điện thoại kỹ thuật số, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.
	Bản fax đang được gửi qua cuộc gọi quốc tế.	Cho phép dành nhiều thời gian để thực hiện tác vụ fax đi quốc tế.
	Tài liệu gốc có trang nền màu.	In lại tài liệu gốc trên nền giấy trắng, và sau đó fax lại trang đó.
Nhật ký hoạt động fax hoặc các báo cáo cuộc gọi fax đang in vào thời điểm không thích hợp.	Các thông số cài đặt cuộc gọi fax hoặc nhật ký hoạt động fax không đúng.	In trang cấu hình và kiểm tra xem khi in các báo cáo.
Sản phẩm phát ra âm thanh quá lớn hoặc quá nhỏ.	Thông số âm lượng đã không được hiệu chỉnh đúng.	Bạn hãy hiệu chỉnh thông số âm lượng của sản phẩm.

11 Quản lý và bảo trì sản phẩm

- [Trang thông tin](#)
- [Sử dụng phần mềm HP Toolbox \(Hộp Công cụ HP\)](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)

Trang thông tin

Trang thông tin nằm trong bộ nhớ sản phẩm. Những trang này sẽ giúp kiểm tra và giải quyết các sự cố của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu ngôn ngữ sản phẩm không được cài đúng cách trong quá trình cài đặt, bạn có thể cài ngôn ngữ theo cách thủ công để máy có thể in các trang thông tin dưới dạng một trong các ngôn ngữ được hỗ trợ. Thay đổi ngôn ngữ bằng cách sử dụng menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** trên bảng điều khiển. Xem [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Mô tả nội dung trang	Cách in trang
Trang cấu hình Hiển thị các thuộc tính sản phẩm và thông số cài đặt hiện hành.	<ol style="list-style-type: none">1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm Setup (Cài đặt).2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Reports (Báo cáo), sau đó bấm OK.3. Dùng các phím mũi tên để chọn Config report (Báo cáo cấu hình), và sau đó bấm OK. <p>Máy cũng sẽ in trang thứ hai. Trên trang đó, phần Fax Settings (Thông số cài đặt Fax) sẽ cho biết các thông tin chi tiết về thông số cài đặt fax của sản phẩm.</p>
Trang thử nghiệm Chứa các hình ảnh và đoạn văn mẫu.	<ol style="list-style-type: none">1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm Setup (Cài đặt).2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Reports (Báo cáo), sau đó bấm OK.3. Dùng nút mũi tên để chọn Demo page (Trang thử nghiệm), và sau đó bấm OK.
Bản đồ menu Hiển thị các menu của bảng điều khiển cùng các thông số cài đặt hiện tại.	<ol style="list-style-type: none">1. Trên bảng điều khiển, bấm Setup (Cài đặt).2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Reports (Báo cáo), sau đó bấm OK.3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Menu structure, và sau đó bấm OK.
Báo cáo fax	Để biết thêm thông tin về các báo cáo và nhật ký fax, xem Các báo cáo và nhật ký fax thuộc trang 115 .

Sử dụng phần mềm HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)

Cài đặt phần mềm đầy đủ để sử dụng HP Toolbox (Hộp Công cụ HP).

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Cấu hình các thông báo pop-up.
- Xem thông tin gỡ sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Xem HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)

Mở HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) theo một trong các cách sau:

- Trong khay hệ thống của Windows, nhấp đúp vào biểu tượng sản phẩm (🖨️).
- Trong menu **Start** của Windows, nhấp vào **Programs** (hoặc **All Programs** trong Windows XP), nhấp vào **HP**, nhấp **HP LaserJet M1319**, và sau đó nhấp **HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)**.

Phần mềm HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) bao gồm các mục sau đây cho mỗi sản phẩm trong cửa sổ Devices (Thiết bị):

- **Tình trạng**
- **Fax**

Ngoài các mục này, mỗi trang còn có các thành phần thông thường sau:

- **Shop for Supplies** (Mua Nguồn Cung cấp).
- **Other links** (Các liên kết khác).

Tình trạng

Thư mục **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Status** (Tình trạng Thiết bị). Xem thông tin về tình trạng của sản phẩm. Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục một vấn đề của sản phẩm, nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.

Fax

Dùng tab **Fax** (Fax) của HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) để thực hiện các tác vụ fax từ máy tính của bạn. Tab **Fax** (Fax) có các liên kết đến các trang chính sau:


- **Các tác vụ Fax**. Thực hiện các tác vụ như gửi fax hoặc xóa bộ nhớ fax, hoặc cài chế độ nhận fax.
- **Danh Bạ Fax**. Thêm, sửa hoặc xóa các mục trong danh bạ sản phẩm tất cả trong một.
- **Nhật ký Gửi Fax**. Xem tất cả các bản fax vừa được gửi đi từ sản phẩm tất cả trong một.

- **Nhật ký Nhận Fax.** Xem tất cả các bản fax vừa nhận được bởi sản phẩm tất cả trong một.
- **Đặc tính Dữ liệu Fax.** Quản lý dung lượng lưu trữ dùng để lưu các bản fax trên máy tính. Các thông số cài đặt này chỉ áp dụng khi bạn đã chọn gửi hoặc nhận fax từ xa qua máy tính.

Các tác vụ fax

Máy sẽ có ba tùy chọn sau đây khi nhận fax:

- In bản fax. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết máy đã in bản fax.
- Nhận fax qua máy tính. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết khi bản fax đã đến. Nếu máy fax được kết nối với nhiều máy tính, bạn chỉ có thể chỉ định một máy tính nhận fax.
- Chuyển tiếp fax đến một máy fax khác.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Danh bạ fax

Dùng danh bạ HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) Fax để thêm và xóa từng mục hoặc nhóm mục thông tin trong danh sách số quay nhanh của bạn, nhập danh bạ từ các nguồn khác nhau, và cập nhật và duy trì danh sách liên lạc của bạn.


- Để thêm một số liên lạc vào danh sách số quay nhanh của bạn, chọn hộp kiểm nằm kế bên số quay nhanh mà bạn muốn dùng. Gõ tên liên lạc vào cửa sổ **Contact name** (Tên liên lạc). Gõ số fax vào cửa sổ **Fax number** (Số fax). Nhấp **Add/Edit** (Thêm/Sửa).
- Để thêm một nhóm liên lạc vào danh sách số quay nhanh của bạn, chọn hộp kiểm nằm kế bên số quay nhanh mà bạn muốn dùng. Nhấp **New/Edit Group** (Thêm/Sửa nhóm). Nhấp đúp vào tên liên lạc trong danh sách ở bên trái để chuyển tên này vào danh sách nhóm ở bên phải, hoặc chọn tên ở bên trái và sau đó nhấp vào mũi tên tương ứng để chuyển tên sang danh sách nhóm ở bên phải. Bạn cũng có thể dùng hai phương pháp này để chuyển tên từ phải sang trái. Sau khi bạn đã tạo nhóm, gõ tên nhóm vào cửa sổ **Group name** (Tên nhóm), và sau đó nhấp **OK**.
- Để sửa một mục số quay nhanh hiện có, nhấp vào hàng chứa tên liên lạc để chọn mục đó, gõ những thay đổi trong các cửa sổ thích hợp và sau đó nhấp vào **Add/Edit** (Thêm/Sửa). Bạn cũng có thể thay đổi trực tiếp trong danh sách thư mục danh bạ bằng cách nhấp vào mục liên lạc và gõ vào các thay đổi của bạn. Hãy kiểm tra chắc chắn rằng bạn không đánh dấu kiểm trong cột **Select** (Chọn).
- Để sửa mục nhóm số quay nhanh nhóm hiện có, nhấp vào hàng chứa tên liên lạc để chọn mục đó, và sau đó nhấp vào **New/Edit Group** (Mới/Sửa nhóm). Thực hiện việc thay đổi cần thiết, sau đó nhấp vào **OK**. Bạn cũng có thể thay đổi trực tiếp tên nhóm trong danh sách thư mục danh bạ bằng cách nhấp vào một mục và gõ vào các thay đổi của bạn. Hãy kiểm tra chắc chắn rằng bạn không đánh dấu kiểm trong cột **Select** (Chọn).
- Để xóa một mục khỏi danh sách số quay nhanh, chọn số đó, sau đó nhấp vào **Delete** (Xóa).
- Để chuyển các mục số quay nhanh, bạn có thể chọn mục đó và nhấp vào **Move** (Chuyển), hoặc bạn có thể chọn **Move** (Chuyển) và sau đó xác định mục cần chuyển trong hộp thoại. Chọn **Next empty row** (Hàng trống kế tiếp) hoặc xác định số hàng có mục mà bạn muốn chuyển.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn hàng đã có dữ liệu, mục số mới này sẽ ghi đè lên mục hiện có.

- Để nhập các số liên lạc từ trong danh bạ hiện có của Lotus Notes, Outlook, hoặc Outlook Express, nhấp **Import Phone Book** (Nhập Danh Bạ). Chọn chương trình phần mềm thích hợp, di chuyển đến tập tin tương ứng, và sau đó nhấp vào **OK**. Bạn cũng có thể chọn nhập các mục số riêng lẻ trong danh bạ thay vì nhập toàn bộ danh bạ.
- Để chọn tất cả các mục trong danh sách số quay nhanh của bạn, nhấp vào đầu đề cột **Select** (Chọn).

Ngoài các ký tự số, số fax cũng có thể dùng các ký tự hợp lệ sau:

- (
-)
- +
- -
- *
- #
- R
- W
- .
- ,
- <khoảng cách>

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


Nhật ký gửi fax

Nhật ký gửi fax của HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) sẽ liệt kê toàn bộ các bản fax vừa được gửi cùng các thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ gửi, mã số tác vụ, số fax, số trang gửi, và kết quả tác vụ gửi.

Khi bạn gửi fax từ một máy tính được kết nối với máy tất cả trong một, bản fax sẽ bao gồm liên kết **View** (Xem). Khi bạn nhấp vào liên kết này, máy sẽ mở trang mới chung cung cấp các thông tin về bản fax này.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong Fax send log (Nhật ký gửi fax) để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột Results (Kết quả) cho biết tình trạng của bản fax. Nếu máy đã gửi fax đi nhưng không được, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được gửi.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


Nhật ký nhận fax

Nhật ký nhận fax của HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) cung cấp danh sách toàn bộ các bản fax vừa nhận được cùng thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ nhận, mã số tác vụ, số fax, số trang nhận, kết quả, và hình ảnh thu nhỏ của bản fax.

Khi bạn nhận fax trên một máy tính được kết nối với máy tất cả trong một, bản fax sẽ bao gồm liên kết **View** (Xem). Khi bạn nhấp vào liên kết này, máy sẽ mở trang mới chung cung cấp các thông tin về bản fax này.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong Fax receive log (Nhật ký nhận fax) để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột Results (Kết quả) cho biết tình trạng của bản fax. Nếu máy không nhận được fax, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được nhận.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)

Nút này, ở phía trên cùng của mỗi trang, liên kết đến một trang Web, nơi bạn có thể đặt hàng các nguồn cung cấp thay thế. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng tính năng này.

Other links (Các liên kết khác)

Mục này bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối dạng quay số và không kết nối khi lần đầu tiên mở HP Toolbox (Hộp Công cụ HP), bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu đóng HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) và mở lại nó.


- **HP Instant Support.** Kết nối vào trang Web HP Instant Support.
- **Product Support** (Hỗ trợ Sản phẩm). Kết nối vào trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm, nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về một vấn đề cụ thể.
- **Shop for Supplies** (Mua Nguồn Cung cấp). Đặt hàng nguồn cung cấp tại trang Web của HP.
- **Product Registration** (Đăng ký Sản phẩm). Kết nối vào trang Web đăng ký sản phẩm của HP.

Quản lý nguồn cung cấp

Kiểm tra và đặt mua mực in

Bạn có thể kiểm tra tình trạng mực in bằng cách dùng bảng điều khiển của sản phẩm, in trang tình trạng mực in, hoặc xem HP Toolbox (Hộp Công cụ HP). Hewlett-Packard khuyến nghị bạn đặt mua hộp mực in thay thế khi thông báo Gần hết mực của hộp mực in thứ nhất xuất hiện. Dùng hộp mực in HP mới chính hiệu để nhận được các loại thông tin về mực in sau đây:

- Thời hạn sử dụng hiện tại của hộp mực
- Lượng trang in ước tính còn lại
- Số các trang được in
- Thông tin khác về mực in

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cài đặt HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) thông báo cho bạn khi mực in gần hết.

Kiểm tra tình trạng mực in bằng bảng điều khiển

Kiểm tra bảng điều khiển sản phẩm, trên đó thể hiện khi nào hộp mực in gần cạn hoặc đã cạn. Bảng điều khiển cũng đồng thời cho biết khi bạn lắp hộp mực in không phải của HP lần đầu tiên.

Nếu mức mực in đang gần cạn, bạn có thể đặt mua mực in qua đại lý HP tại địa phương, qua điện thoại, hoặc qua mạng. Xem [Thông tin đặt hàng và phụ kiện thuộc trang 171](#) để biết số hiệu. Truy cập trang www.hp.com/go/ljsupplies để đặt hàng qua mạng.

Lưu trữ mực in

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để lưu hộp mực in:

- Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh hư hỏng, đừng để hộp mực in ngoài ánh sáng quá vài phút.

- Xem [Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường thuộc trang 185](#) để biết giới hạn nhiệt độ lưu trữ và vận hành.
- Lưu trữ mực in ở vị trí nằm ngang.
- Lưu trữ mực in ở nơi mát, khô ráo, tránh xa các vật thể nóng và phát từ tính.

Chính sách của HP về các loại mực in không do HP sản xuất

Công ty Hewlett-Packard không thể khuyến bạn sử dụng các loại mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế. Vì những hộp mực in này không phải là sản phẩm của HP, HP không thể tác động gì đến thiết kế hay kiểm soát chất lượng. Chế độ bảo hành sẽ *không* bao gồm các dịch vụ hoặc yêu cầu sửa chữa bắt nguồn từ việc sử dụng mực in không phải của HP.

Đường dây nóng về gian lận của HP

Gọi vào đường dây nóng về gian lận của HP nếu sản phẩm hoặc HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) cho thấy hộp mực in không phải là hộp mực in HP và bạn nghĩ đó sản phẩm chính hãng. HP sẽ giúp xác định xem sản phẩm này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục sự cố.

Hộp mực của bạn có thể không phải là sản phẩm chính hãng của HP nếu bạn thấy những dấu hiệu sau:

- Bạn gặp phải nhiều sự cố với hộp mực này.
- Hộp mực này không trông giống như hộp mực mọi khi (ví dụ như, tấm khui hoặc hộp ngoài khác lạ).

Tại Hoa Kỳ, gọi số miễn phí: 1-877-219-3183.

Ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, bạn có thể dùng dịch vụ gọi người nghe trả. Quay số tổng đài, và yêu cầu liên hệ dịch vụ gọi người nghe trả qua số điện thoại này: 1-770-263-4745. Nếu bạn không nói được tiếng Anh, một nhân viên đại diện tại đường dây nóng về gian lận của HP biết ngôn ngữ của bạn sẽ giúp bạn. Hoặc, nếu chúng tôi không có nhân viên biết ngôn ngữ của bạn, một thông dịch viên qua điện thoại sẽ được mời hỗ trợ khoảng một phút sau khi bắt đầu cuộc gọi. Thông dịch viên qua điện thoại này sẽ phục vụ việc biên dịch cuộc trò chuyện giữa bạn và nhân viên đại diện đường dây nóng về gian lận của HP.

Tái chế mực in

Khi lắp đặt hộp mực in HP mới, hãy làm theo các hướng dẫn ghi trên vỏ hộp chứa mực in mới, hoặc xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Để tái chế mực in, đặt mực in đã qua sử dụng vào hộp dùng để chứa mực in mới. Dùng nhãn trả về kèm theo hộp để gửi mực đã sử dụng về HP để tái chế. Để biết thông tin đầy đủ hơn, xem hướng dẫn tái chế cung cấp kèm theo mỗi hộp mực in HP mới. Xem [Nguồn cung cấp thuộc trang 189](#) để biết thêm thông tin về chương trình tái chế của HP.

Phân phối lại bột mực

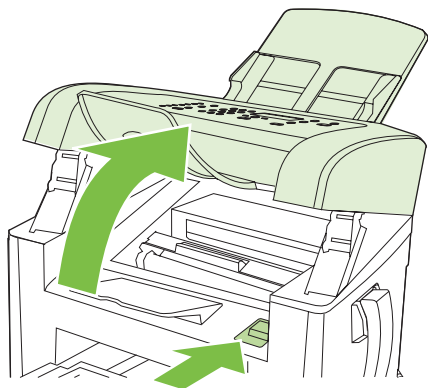
Nếu xuất hiện các vùng bị mờ hoặc nhạt trên trang được in ra, bạn có thể tạm thời cải thiện chất lượng in bằng cách phân phối lại bột mực.

1. Tháo hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Để phân phối lại bột mực, hãy lắc nhẹ hộp mực in từ trước ra sau.
 - △ **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần của bạn, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*
3. Lắp lại hộp mực vào máy in và đóng nắp hộp mực in. Nếu bản in ra vẫn bị nhạt hoặc không chấp nhận được, hãy lắp một hộp mực in mới.

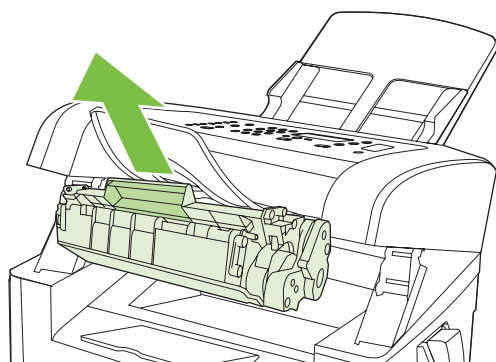
Thay mực in

Hộp mực in

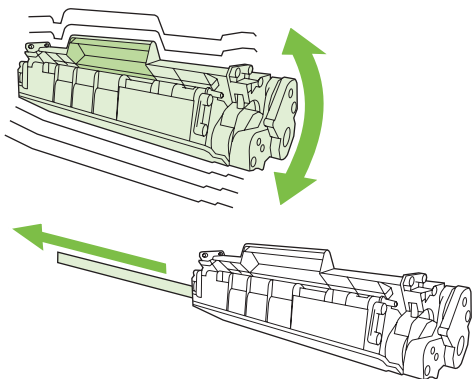
1. Mở nắp hộp mực in.



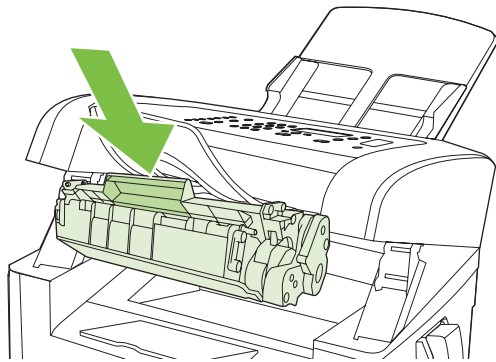
2. Nắm vào tay cầm trên hộp mực sau đó kéo hộp mực thẳng ra để tháo. Xem thông tin về việc tái chế bên trong hộp chứa hộp mực in.



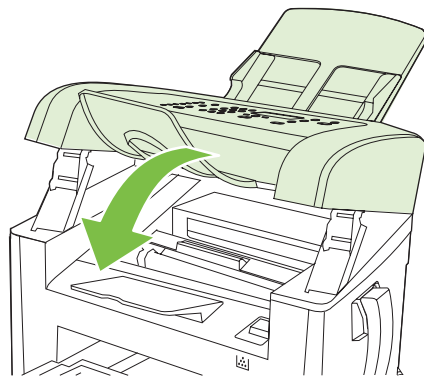
3. Tháo hộp mực in mới khỏi vỏ hộp bên ngoài, lắc hộp mực, tháo lớp bao màu cam, sau đó kéo tấm màu cam khỏi hộp mực theo phương thẳng để tháo băng dán.



4. Lắp hộp mực in vào sản phẩm cho đến khi hộp mực khớp *chặt* vào đúng vị trí.



5. Đóng nắp hộp mực in.



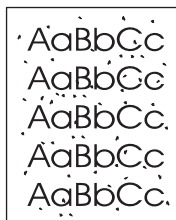
△ **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*

Lau dọn sản phẩm

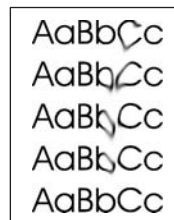
Hãy làm sạch đường dẫn giấy

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lốm đốm bột mực. Sản phẩm này có một chế độ lau dọn có thể khắc phục và ngăn chặn các loại vấn đề này.

Vết



Vết nhòe



1. Bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Dùng các nút mũi tên để tìm menu **Service (Dịch vụ)**, và sau đó bấm **OK**.

3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Cleaning mode** (Chế độ lau dọn), và sau đó bấm **OK**.
4. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn.
5. Bấm **OK** lần nữa để xác định và bắt đầu quá trình làm sạch.

Trang sẽ được nạp vào sản phẩm thật chậm rãi. Lấy trang này ra khi quá trình này hoàn tất.

Làm sạch bộ phận bên ngoài

Dùng vải mềm ẩm, không xơ, để lau sạch bụi bẩn, vết dơ và vết bẩn khỏi bề mặt bên ngoài của sản phẩm

Cập nhật chương trình cơ sở

Các hướng dẫn cài đặt và cập nhật chương trình cơ sở của sản phẩm này hiện có tại www.hp.com/support/ljm1319. Nhấp vào **Downloads and drivers** (Trình điều khiển và ứng dụng tải về), nhấp vào hệ điều hành, và sau đó chọn tải về chương trình cơ sở dành cho sản phẩm này.

12 Khắc phục sự cố

- [Danh sách khắc phục sự cố](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Các thông báo ở bảng điều khiển](#)
- [Sự cố hiển thị của bảng điều khiển](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh](#)
- [Giải quyết sự cố kết nối](#)
- [Giải quyết sự cố phần mềm](#)

Danh sách khắc phục sự cố

Thực hiện theo ba bước khi cố gắng khắc phục sự cố của sản phẩm.

Bước một	Bước xác minh	Các sự cố có khả năng xảy ra	Giải pháp
1	Máy có mở điện chưa? Bảng điều khiển cần phải hoạt động mà không có thông báo lỗi nào.	Không có điện do cầu chì, công tắc, cáp hoặc nguồn không có điện.	<ol style="list-style-type: none">1. Kiểm tra xem sản phẩm có cắm dây điện chưa.2. Kiểm tra xem dây cắm điện có hoạt động và công tắc điện có bật lên chưa.3. Kiểm tra nguồn điện bằng cách cắm dây điện sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm trên tường hoặc vào ổ cắm khác.
2	Thông báo Ready (Sẵn sàng) có xuất hiện trên bảng điều khiển hay không? Bảng điều khiển cần phải hoạt động mà không có thông báo lỗi nào.	Bảng điều khiển hiển thị lỗi.	Xem Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 141 để biết danh sách thông báo lỗi phổ biến để giúp bạn sửa lỗi.
3	Bạn có in được các trang thông tin hay không? In một trang cấu hình. Xem Trang thông tin thuộc trang 126 .	Thông báo lỗi sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển. Giấy bị kẹt khi in.	Xem Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 141 để biết danh sách thông báo lỗi phổ biến để giúp bạn sửa lỗi. Hãy kiểm tra để đảm bảo vật liệu in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134 .
4	Sản phẩm có sao chép được không? Đặt trang cấu hình vào khay ADF và sao ra một bản. Bản báo cáo này phải đi vào máy êm xuôi qua khay ADF, và các bản sao phải được in ra mà không gặp sự cố nào về chất lượng in.	Bản sao chất lượng kém qua khay ADF. Giấy bị kẹt khi in.	Lau sạch dải quét khay ADF. Xem Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét thuộc trang 74 . Hãy kiểm tra để đảm bảo vật liệu in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134 .
5	Sản phẩm có gửi fax được không? Bấm Start Fax (Bắt đầu Fax) để xác nhận rằng âm quay số tồn tại (dùng điện thoại cầm tay, nếu cần). Thử gửi một bản fax.	Đường dây điện thoại không hoạt động hoặc đường dây điện thoại chưa cắm vào sản phẩm. Dây điện thoại bị lỗi hoặc cắm vào sai khe cắm.	Kiểm tra để đảm bảo sản phẩm đã cắm vào đường dây điện thoại mà bạn biết chắc rằng có hoạt động. <ol style="list-style-type: none">1. Thử cắm dây điện thoại vào ổ cắm khác.2. Thử dùng dây điện thoại mới.
6	Sản phẩm có nhận fax được không? Dùng một máy fax khác để gửi fax đến sản phẩm, nếu có.	Bạn đã cắm quá nhiều máy điện thoại, hoặc các máy điện thoại không kết nối đúng trình tự. Các thông số fax của sản phẩm bị cài không đúng.	Kiểm tra để đảm bảo rằng HP LaserJet M1319 MFP là thiết bị duy nhất dùng đường dây điện thoại này và thử nhận lại bản fax một lần nữa. Xem lại và cài lại các thông số cài đặt fax của sản phẩm. Xem Thay đổi cài đặt fax thuộc trang 88

Bước một	Bước xác minh	Các sự cố có khả năng xảy ra	Giải pháp
7	Sản phẩm có in từ máy tính hay không? Dùng chương trình xử lý văn bản để in bằng sản phẩm.	Phần mềm cài chưa đúng hoặc máy gặp lỗi trong quá trình cài đặt phần mềm.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
		Bạn chưa cắm cáp đúng cách.	Nối lại cáp.
		Bạn đã chọn trình điều khiển không đúng.	Chọn trình điều khiển thích hợp.
		Máy gặp sự cố ở trình điều khiển cổng trong Microsoft Windows.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
8	Máy có quét tài liệu sang máy tính được không? Kích hoạt bản quét từ phần mềm giao diện cơ bản trên máy tính của bạn.	Bạn chưa cắm cáp đúng cách.	Nối lại cáp.
		Phần mềm cài chưa đúng hoặc máy gặp lỗi trong quá trình cài đặt phần mềm.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
		Nếu lỗi vẫn còn, hãy tắt sản phẩm và sau đó mở sản phẩm trở lại.	

Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Việc khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ chỉnh tất cả các thông số cài đặt về giá trị mặc định gốc, và việc này cũng sẽ xóa tên đầu đề fax, số điện thoại, số quay nhanh, và bất kỳ bản fax nào lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

△ **THẬN TRỌNG:** Quy trình này cũng sẽ xóa tất cả các tên và số fax liên quan với phím công tắc và mã số quay nhanh, và xóa bất kỳ trang nào được lưu trong bộ nhớ. Quy trình này sẽ tự động khởi động lại sản phẩm sau đó.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Service (Dịch vụ)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Restore defaults** (Khôi phục mặc định), và sau đó bấm **OK**.

Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại.

Các thông báo ở bảng điều khiển

Phần lớn các thông báo ở bảng điều khiển dùng để hướng dẫn người sử dụng trong các thao tác điển hình. Thông báo ở bảng điều khiển cho biết tình trạng của thao tác hiện tại, và bao gồm số lượng trang trên hàng thứ hai của màn hình, nếu phù hợp. Khi sản phẩm nhận dữ liệu in hoặc lệnh quét tài liệu, các thông báo ở bảng điều khiển sẽ thể hiện tình trạng này. Ngoài ra, các cảnh báo, thông báo cảnh giác, và các thông báo lỗi nghiêm trọng sẽ cho thấy tình huống cần người dùng can thiệp bằng thao tác.

Thông báo cảnh báo và cảnh giác

Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận thông báo này bằng cách bấm **OK** để tiếp tục làm việc hoặc bấm **Cancel (Hủy bỏ)** để hủy tác vụ này. Đối với một số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

Bảng thông báo cảnh báo và cảnh giác

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đã xóa các thông số cài đặt	Sản phẩm đã xóa các thông số tác vụ.	Nhập lại các thông số tác vụ phù hợp.
Giấy bị kẹt trong đường tiếp giấy thay thế bằng Mở nắp và lấy giấy kẹt ra	Sản phẩm đã phát hiện thấy hiện tượng kẹt giấy trong đường tiếp giấy.	Xử lý giấy kẹt khỏi khu vực nêu trên bảng điều khiển sản phẩm, và sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. Xem Xử lý kẹt giấy thuộc trang 145 .
Lỗi thiết bị Bấm [OK]	Sản phẩm gặp phải một lỗi giao tiếp nội bộ.	Đây chỉ là thông báo cảnh giác. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng
Máy in bị kẹt giấy lau dọn đường tiếp giấy	Sản phẩm đã phát hiện thấy hiện tượng kẹt giấy trong khay nạp giấy.	Xử lý giấy kẹt khỏi khu vực nêu trên bảng điều khiển sản phẩm, và sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. Xem Xử lý kẹt giấy thuộc trang 145 .
Trang quá phức tạp Bấm [OK]	Sản phẩm không thể in trang hiện thời vì trang quá phức tạp.	Bấm OK để xóa thông báo. Cho phép sản phẩm hoàn tất tác vụ, hoặc bấm Cancel (Hủy bỏ) để hủy tác vụ này.

Thông báo lỗi nghiêm trọng

Thông báo lỗi nghiêm trọng có thể cho thấy một số loại lỗi chức năng. Bạn có thể khắc phục sự cố bằng cách tắt và bật máy trở lại. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.

Bảng thông báo lỗi nghiêm trọng

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi 54.1C Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cấm sản phẩm

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi truyền Tín hiệu qua Động cơ in	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, và sau đó đợi ít nhất 30 giây. 2. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. 3. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy. <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.1 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, và sau đó đợi ít nhất 30 giây. 2. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. 3. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy. <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.2 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.3 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.8 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p>

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.9 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Máy Quét 52 Tắt máy sau đó mở lại	Sản phẩm bị lỗi tính năng máy quét.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>

Sự cố hiển thị của bảng điều khiển

△ **THẬN TRỌNG:** Tĩnh điện có thể tạo ra những lần đen hoặc đốm đen xuất hiện trên màn hình hiển thị của bảng điều khiển. Không được chạm vào màn hình bảng điều khiển nếu bạn có thể đã tích điện (ví dụ như, khi bước trên thảm trong phòng có độ ẩm thấp).

Những lần đen hoặc đốm đen có thể xuất hiện trên màn hình hiển thị của bảng điều khiển sản phẩm, hoặc màn hình có thể chuyển sang màu trắng nếu sản phẩm tiếp xúc với trường từ tính hoặc điện từ. Để giải quyết sự cố này, hãy thực hiện quy trình sau:

1. Tắt sản phẩm.
2. Mang sản phẩm khỏi nơi có trường từ tính hoặc điện từ.
3. Bật lại sản phẩm.

Xử lý kẹt giấy

Nguyên nhân kẹt giấy

Thỉnh thoảng, giấy hoặc các loại vật liệu in bị kẹt trong quá trình in ấn. Một số nguyên nhân của hiện tượng nói trên bao gồm:

- Khay nạp giấy được nạp không đúng cách hoặc quá nhiều, hoặc thanh dẫn vật liệu in không được cài đúng cách.
- Vật liệu in được thêm hoặc lấy khỏi khay nạp giấy trong quá trình in hoặc khay nạp giấy đã bị tháo khỏi sản phẩm trong quá trình in.
- Nắp hộp mực bị hở trong quá trình in.
- Quá nhiều trang giấy chồng lại trong khay xuất giấy, hoặc các trang giấy làm nghẽn nơi xuất giấy.
- Vật liệu in đang sử dụng không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35](#).
- Vật liệu in bị hỏng hoặc có vật lạ dính vào, ví như kẹp giấy hoặc kim cài giấy.
- Môi trường nơi cất giữ vật liệu in quá khô hoặc quá ẩm ướt. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35](#).

Nơi cần xem xét khi kẹt giấy

Giấy có thể bị kẹt ở những bộ phận sau:

- Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF)
- Trong nơi nạp giấy
- Trong nơi xuất giấy
- Bên trong sản phẩm

Tìm và lấy giấy kẹt bằng cách dùng các hướng dẫn trong trang sau. Nếu bạn không thấy rõ nơi kẹt giấy, đầu tiên hãy nhìn vào bên trong sản phẩm.

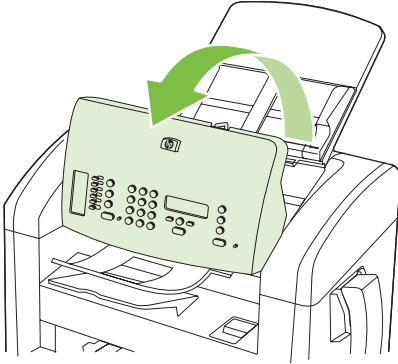
Bột mực không bám dính chặt có thể vẫn còn sót lại sau khi bị kẹt giấy. Sự cố này thường sẽ tự biến mất sau khi bạn in một vài trang.

Xử lý giấy kẹt trong khay ADF

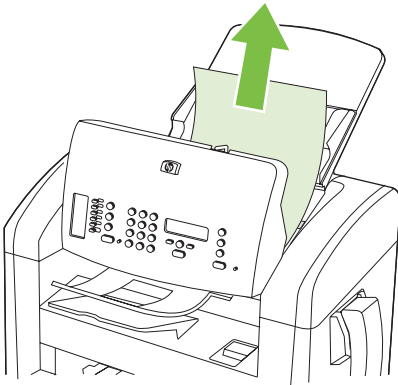
Thỉnh thoảng, vật liệu in bị kẹt quá trình fax, sao chép, hoặc quét tài liệu.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

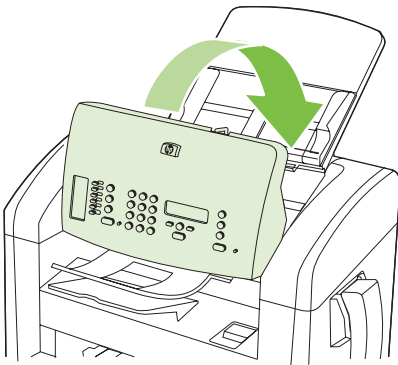
1. Mở nắp đậy khay ADF.



2. Cẩn thận tháo giấy bị kẹt ra. Nhẹ nhàng lấy giấy ra mà không làm rách giấy.




3. Đóng nắp đậy ADF.



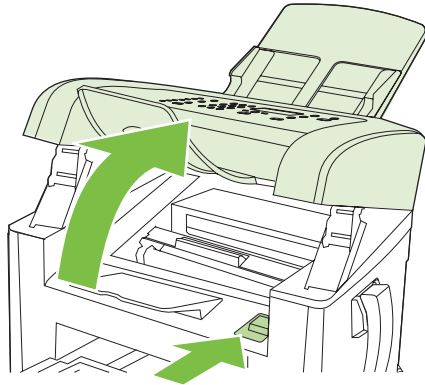
Xử lý giấy kẹt trong khay nạp giấy

△ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để xử lý kẹt vật liệu in. Hỏng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

Khi tháo vật liệu in bị kẹt, kéo vật liệu in thẳng ra khỏi sản phẩm. Việc kéo vật liệu in ra khỏi sản phẩm theo hướng tạo thành góc sẽ gây hư hỏng cho sản phẩm.

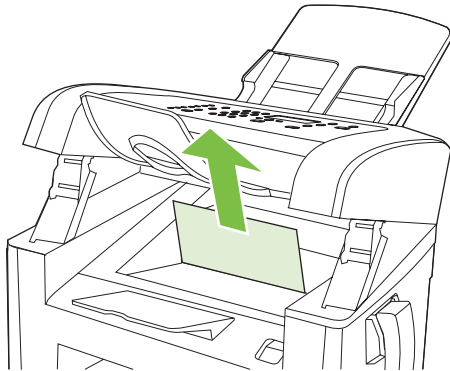
 **GHI CHÚ:** Tùy vào vị trí kẹt giấy, một số bước thao tác có thể được bỏ qua.

1. Mở nắp hộp mực in.

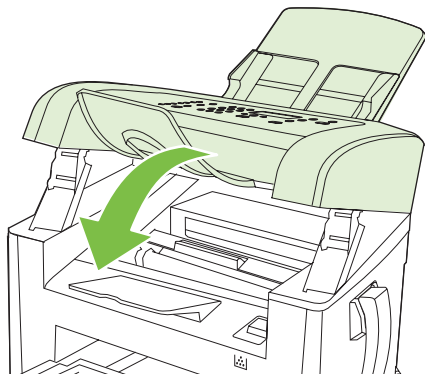


2. Thực hiện một trong các bước sau:

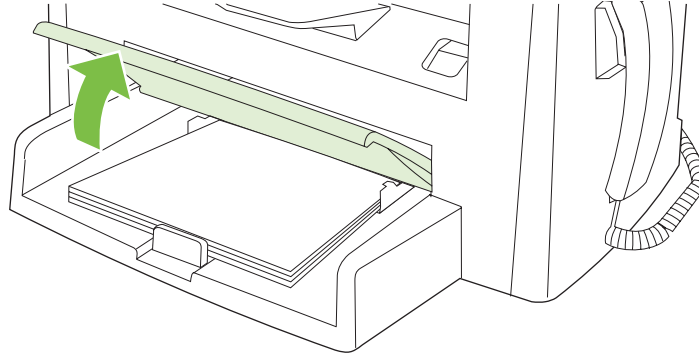
- Nếu có thể nhìn thấy giấy, sử dụng cả hai tay nắm lấy một phía của giấy in mà bạn nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.
- Nếu không nhìn thấy giấy, hãy tháo hộp mực ra và xoay thanh dẫn giấy ở phía trên. Cẩn thận kéo vật liệu in lên và lấy ra khỏi sản phẩm.



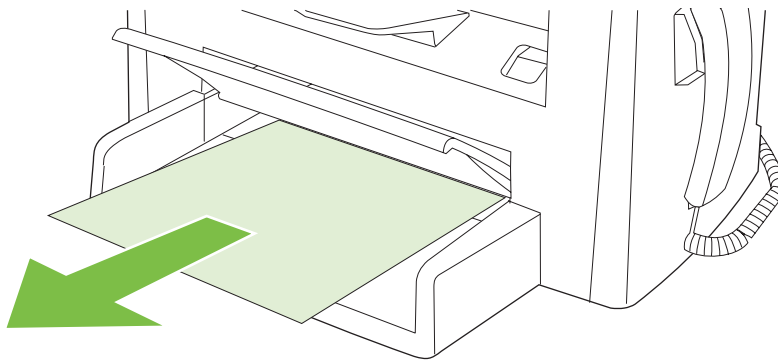
3. Đóng nắp hộp mực in.



4. Mở khay 1.



5. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của vật liệu in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.

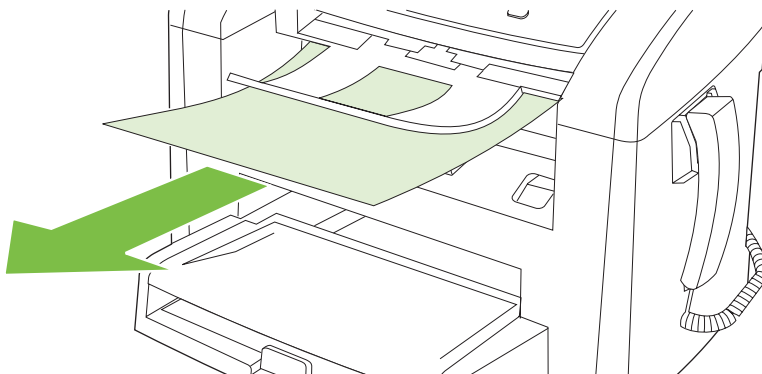


6. Đóng khay 1.

Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy ra

- △ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để tháo giấy kẹt. Hỏng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của giấy in bị kẹt mà bạn nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.

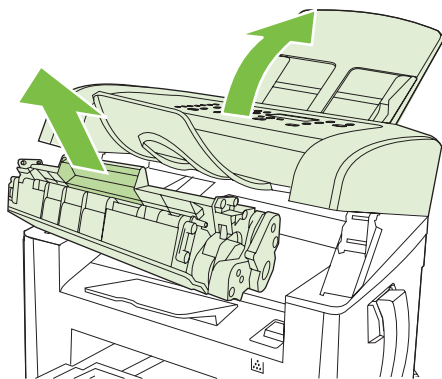


Xử lý giấy kẹt ở khu vực hộp mực in

△ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để tháo giấy kẹt. Hồng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

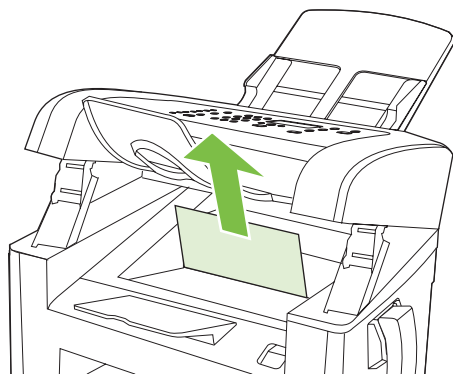
Khi tháo vật liệu in bị kẹt, kéo vật liệu in thẳng ra khỏi sản phẩm. Việc kéo vật liệu in ra khỏi sản phẩm theo hướng tạo thành góc sẽ gây hư hỏng cho sản phẩm.

1. Mở nắp hộp mực in, và lấy hộp mực in ra.

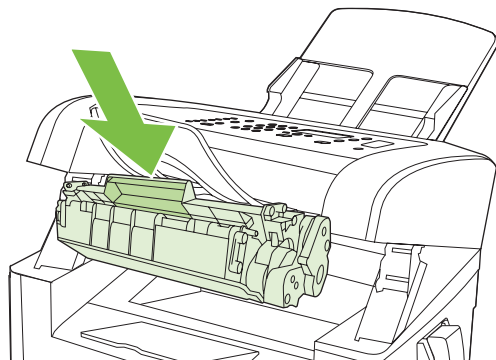


△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh hỏng hộp mực, hạn chế tối đa tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng.

2. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của giấy in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.



3. Thay hộp mực in và sau đó, đóng nắp hộp mực in lại.



Tránh tình trạng kẹt giấy tái diễn


- Kiểm tra xem khay nạp giấy có quá đầy hay không. Dung tích khay nạp giấy thay đổi tùy theo loại giấy in mà bạn đang sử dụng.
- Kiểm tra xem các đường dẫn giấy đã được chỉnh đúng vị trí chưa.
- Kiểm tra xem khay nạp giấy đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trí chưa.
- Không nạp giấy in vào khay nạp giấy khi sản phẩm đang in.
- Chỉ dùng loại và khổ giấy in HP khuyến nghị sử dụng. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35](#) để biết thêm thông tin về các loại giấy in.
- Không được xòe giấy ra trước khi nạp giấy vào khay. Khi mở ram giấy, nắm chặt giấy bằng cả hai tay và xoắn giấy bằng cách xoay hai tay bạn theo chiều ngược nhau.
- Không được để giấy in dính chồng trong khay đựng giấy ra. Loại vật liệu in và lượng mực in sử dụng sẽ ảnh hưởng đến dung tích khay giấy ra.
- Kiểm tra đầu nối nguồn điện. Kiểm tra để đảm bảo dây cắm điện được gắn cố định vào sản phẩm và bộ nguồn cấp điện. Cắm dây cắm điện vào ổ cắm điện tiếp đất.
- Bảo đảm rằng cần gạt giấy của khay ADF đã được đặt đúng cho tài liệu một trang hoặc nhiều trang.
- Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF.

Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh

Các sự cố khi in ấn




Vấn đề với chất lượng in

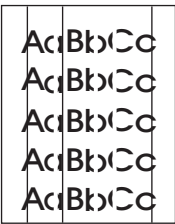

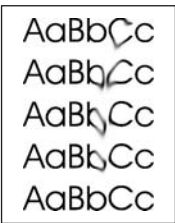
Thỉnh thoảng bạn có thể gặp phải vấn đề với chất lượng in. Thông tin trong các mục sau đây sẽ giúp bạn nhận dạng và khắc phục các vấn đề này.

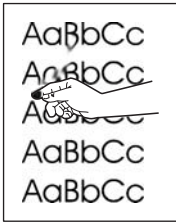
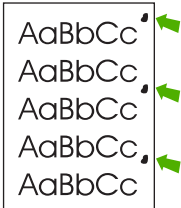
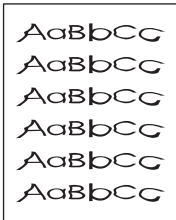
 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang gặp vấn đề về sao chép, xem [Các vấn đề sao chép thuộc trang 158](#).

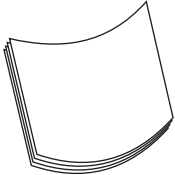

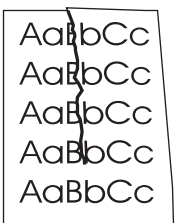
Các vấn đề chung về chất lượng in

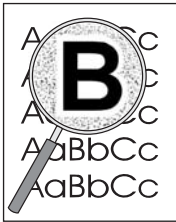

Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngắn trước. Các ví dụ này sẽ minh họa vấn đề có thể ảnh hưởng đến tất cả các trang mà bạn in. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Bản in mờ hoặc không rõ. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
	Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển sản phẩm.	Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 . Nếu hộp mực chưa gần cạn hoặc chưa hết, hãy kiểm tra thanh trực mực xem thanh này có bị hư hỏng hay không. Nếu có, hãy thay hộp mực in.
	Nếu toàn bộ trang bị nhạt thì mức điều chỉnh mật độ mực in quá ít hoặc đã bật Chế Độ Tiết Kiệm.	Điều chỉnh mật độ mực và không chọn Chế Độ Tiết Kiệm ở phần Đặc Tính của sản phẩm.
Vết bột mực xuất hiện. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134 .
Có hiện tượng mất ký tự. 	Một tờ vật liệu in có thể bị lỗi.	Thử in lại.
	Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
	Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực.	
	Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn.	Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 . Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang.</p> 	<p>Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển sản phẩm.</p>	<p>Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133.</p>
<p>Lượng bóng bột màu nền trở nên không chấp nhận được.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Dùng trang khác có trọng lượng nhẹ hơn. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35.</p>
	<p>Khay nạp giấy ưu tiên giấy đơn có thể đã được lắp đặt không đúng cách.</p>	<p>Hãy đảm bảo rằng khay nạp giấy ưu tiên giấy đơn đã lắp vào đúng vị trí.</p>
	<p>Thông số mật độ in quá cao.</p>	<p>Giảm thông số cài đặt của mật độ in. Thao tác này sẽ làm giảm hiệu ứng tô bóng nền.</p>
	<p>Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền.</p>	<p>Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm.</p>
	<p>Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển sản phẩm.</p>	<p>Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133.</p>
<p>Vết bẩn bột mực xuất hiện trên phương tiện.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35.</p>
	<p>Nếu vết bẩn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn phương tiện bị bẩn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in.</p>	<p>Lau chùi đường dẫn giấy và thanh dẫn giấy in. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134.</p>
	<p>Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển sản phẩm.</p>	<p>Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133.</p>
	<p>Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp.</p>	<p>Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Dùng tính năng in lưu trữ để cải thiện tính năng sấy nóng mực in. Xem In lưu trữ thuộc trang 56.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper/Quality (Giấy/Chất lượng) và chỉnh Paper Type (Loại Giấy) sao cho tương ứng với loại giấy mà bạn đang in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Lau dọn sản phẩm. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134.</p>
	<p>Nguồn điện có thể bị lỗi.</p>	<p>Cắm phích sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm điện xoay chiều thay vì cắm vào bảng điện.</p>
	<p>Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp.</p>	<p>Dùng tính năng in lưu trữ để cải thiện tính năng sấy nóng mực in. Xem In lưu trữ thuộc trang 56.</p>
<p>Các vết mực thường xuyên tái xuất hiện cách khoảng trên trang.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p>	<p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Lau dọn sản phẩm. Xem Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 134.</p>
	<p>Hộp mực in có thể bị hỏng.</p>	<p>Nếu vết lặp đi lặp lại xuất hiện ở vị trí tương tự trên một trang, hãy lắp hộp mực in HP mới. Xem Hộp mực in thuộc trang 133.</p>
<p>Trang in có những ký tự bị lỗi.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35.</p>
	<p>Nếu các ký tự bị lỗi và chúng tạo ra một hiệu ứng sóng, máy quét laser có thể cần sửa chữa.</p>	<p>Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên cả trang cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Trang in bị cong hoặc lượn sóng. 	Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó. Giấy in có thể đã được để trong khay nạp giấy quá lâu. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy. Nhiệt độ của bộ nhiệt áp cũng có thể làm cong giấy.	Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in. Nếu sự cố vẫn còn, chọn loại vật liệu in sử dụng nhiệt độ thấp hơn, như loại vật liệu in nhẹ hoặc giấy trong. Lật chồng vật liệu in trong khay đựng. Ngoài ra, thử xoay 180° giấy có trong khay. Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 . Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm. Tại bảng điều khiển của sản phẩm, bật thiết lập Less paper curl (Giấy ít cong hơn) trong menu Service (Dịch vụ) .
Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in. 	Có thể bạn đã nạp vật liệu in không đúng cách hoặc khay nạp giấy đã quá đầy. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chồng giấy không. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 . Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp. 	Có thể bạn đã nạp vật liệu in không đúng cách hoặc khay nạp giấy đã quá đầy. Có thể có kẹt giấy trong đường dẫn giấy. Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Các túi khí bên trong phong bì có thể làm chúng bị nhăn.	Lật ngược chồng giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy. Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chồng giấy không. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 . Xử lý bất kỳ tình trạng kẹt giấy nào xảy ra trong sản phẩm. Xem Xử lý kẹt giấy thuộc trang 145 . Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 . Nhấc phong bì ra, làm phẳng nó, rồi thử in lại.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in.</p> 	<p>Có thể đã nạp phương tiện sai.</p> <p>Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.</p>	<p>Lật chồng giấy trong khay.</p> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35.</p>
<p>Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liền khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường màu xám).</p> 	<p>Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in.</p> <p>Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.</p> <p>Hiện tượng đột biến điện có thể đã ảnh hưởng đến sản phẩm.</p>	<p>Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trong mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.</p> <p>Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.</p> <p>Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.</p> <p>Nếu lỗi xuất hiện sau khi tiến hành tác vụ in, hãy tắt sản phẩm trong thời gian 10 phút, và sau đó bật sản phẩm để khởi động lại tác vụ in.</p>

Các vấn đề quản lý vật liệu in

Dùng các thông tin trong phần này khi sản phẩm gặp các vấn đề trong quản lý vật liệu in.

Cảm nang hướng dẫn vật liệu in

- Để đảm bảo chất lượng tốt nhất, hãy dùng loại giấy chất lượng tốt, không bị răng cưa, cắt, khắc, lốm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Để đạt chất lượng in cao nhất, hãy dùng loại giấy nhẵn. Các loại vật liệu in mịn hơn thường cho kết quả tốt hơn.
- Nếu bạn không biết chắc về loại giấy bạn đã nạp (ví dụ như giấy thô ráp hoặc tái chế), hãy kiểm tra nhãn trên bao bì gói giấy.
- Đừng dùng vật liệu in được thiết kế riêng cho máy in phun. Sử dụng vật liệu in dành riêng cho máy in la-de.
- Không dùng loại giấy tiêu đề thư được in bằng mực nhiệt độ thấp, ví dụ như những loại giấy dùng một số ứng dụng nhiệt học.
- Không dùng loại giấy tiêu đề thư dập nổi hoặc gò ghề.
- Sản phẩm dùng nhiệt và áp suất để sấy nóng mực in lên giấy. Kiểm tra để đảm bảo rằng giấy màu hoặc các mẫu in sẵn dùng các loại mực tương thích với nhiệt độ sấy nóng này (200°C hoặc 392°F mỗi 0,1 giây).

△ **THẬN TRỌNG:** Việc không tuân thủ theo các hướng dẫn này sẽ gây ra kẹt giấy hoặc hư hỏng đối với sản phẩm.

Giải quyết các vấn đề vật liệu in

Các sự cố vật liệu in sau đây gây ra các sai lệch về chất lượng in, kẹt giấy hoặc thậm chí gây hỏng hóc cho sản phẩm.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Chất lượng in hoặc độ bám của bột mực kém	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc giấy được đập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	In thử trên loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%.
Mất ký tự, kẹt giấy hoặc bị nhẵn	Cắt giữ giấy không đúng cách.	Cắt giữ thép giấy trong vật liệu phủ chống ẩm của nó.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Quá nhẵn	Giấy quá ẩm, hướng thớ giấy sai hoặc cấu trúc thớ ngắn.	Sử dụng giấy có thớ dài.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Nhiệt độ sấy nóng cao sẽ làm cong giấy.	Bật thông số cài đặt Less paper curl (Giấy ít cong hơn). Trên bảng điều khiển, bấm Setup (Cài đặt) , dùng các nút mũi tên để chọn Service (Dịch vụ) , và sau đó bấm OK . Dùng các nút mũi tên để chọn Less paper curl (Giấy ít cong hơn), bấm OK , dùng các nút mũi tên để chọn On (Bật) , và sau đó bấm OK .
Kẹt giấy, gây hỏng sản phẩm	Giấy bị rách hoặc có răng cưa.	Sử dụng giấy không bị rách hoặc răng cưa.
Sự cố khi tiếp giấy	Giấy có các góc không đều.	Sử dụng loại giấy chất lượng cao dành cho máy in la-de.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc có hướng thớ giấy sai, hoặc có cấu trúc thớ ngắn hoặc được đập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%. Sử dụng giấy có thớ dài.
Phần in bị lệch (không thẳng).	Bộ dẫn hướng giấy có thể được chỉnh không đúng cách.	Bỏ tất cả giấy ra khỏi khay, chỉnh lại bộ dẫn hướng giấy và sau đó để giấy trở lại khay. Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy mà bạn đang sử dụng và thử in lại.
Hơn một tờ giấy cùng nạp một lúc.	Khay giấy có thể đã bị quá tải.	Lấy tất cả vật liệu in ra khỏi khay, và sau đó bỏ lại một số trang vật liệu in vào khay. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 .
	Giấy có thể đã bị nhăn, gấp hoặc bị rách.	Kiểm tra xem giấy có bị nhăn, gấp hoặc bị rách không. Thử in trên giấy được lấy từ thép giấy khác hoặc thép giấy mới.
	Vật liệu in có thể bị xô ra trước khi nạp vào máy.	Nạp vật liệu in không bị xô. Làm rời ram giấy bằng cách xoay chông giấy.
	Vật liệu in có thể bị quá khô.	Nạp giấy mới đã được lưu trữ đúng cách.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm không đẩy vật liệu in từ khay tiếp giấy.	Sản phẩm có thể đang ở chế độ tiếp giấy thủ công.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu thông báo Manual feed (Tiếp giấy thủ công) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm OK để tiến hành tác vụ in. Kiểm tra xem sản phẩm có ở chế độ tiếp giấy thủ công không và thử in lại.
	Trục nạp giấy có thể bị hỏng hoặc bẩn.	Liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
	Bộ dẫn hướng giấy ở khay 1 được cài chiều dài lớn hơn khổ giấy.	Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

Các vấn đề về hiệu suất

Thử thực hiện theo các chỉ dẫn trong phần này nếu các trang ra khỏi sản phẩm, nhưng máy không in gì trên chúng, hoặc sản phẩm không ra trang nào.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Các trang được in ra nhưng hoàn toàn trắng.	Băng dán có thể vẫn còn trong hộp mực.	Kiểm tra xem băng dán đã được lấy hết ra khỏi hộp mực chưa.
	Tài liệu có thể có các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu được in xem có nội dung trên tất cả các trang không.
	Máy in có thể bị lỗi.	Để kiểm tra máy in, hãy in một trang cấu hình. Xem Trang thông tin thuộc trang 126 .
	Một số loại vật liệu in có thể làm chậm tác vụ in.	In trên một loại phương tiện khác.


Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Các trang không được in.	Máy in có thể không kéo phương tiện đúng.	Xem Các vấn đề quản lý vật liệu in thuộc trang 155 .
	Vật liệu in có thể đang bị kẹt trong sản phẩm.	Xử lý kẹt giấy. Xem Xử lý kẹt giấy thuộc trang 145 .
	Cáp USB có thể bị hư hoặc kết nối không đúng.	<ul style="list-style-type: none"> Ngắt cáp ở cả hai đầu và cắm lại. Thử in một nhiệm vụ đã in được trước đó. Thử sử dụng một cáp USB khác.
	Sản phẩm có thể chưa được cài làm máy in mặc định.	Mở hộp thoại Printers (Máy in) hoặc Printers and Faxes (Máy in và Fax), nhấp chuột phải vào sản phẩm, và sau đó chọn Set as Default Printer (Cài làm Máy in Mặc định).
	Sản phẩm có thể đã bị lỗi.	Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi. Xem Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 141 .
	Sản phẩm có thể đã tạm dừng hoặc ở trạng thái ngoại tuyến.	Mở hộp thoại Printers hoặc Printers and Faxes (Máy in và Fax), và xác minh xem tình trạng của sản phẩm có phải là Sẵn sàng hay không. Nếu máy đang Tạm dừng, nhấp phải vào sản phẩm và nhấp Resume Printing (Tiếp tục In).
	Sản phẩm có thể chưa có điện.	Kiểm tra dây điện và kiểm tra xem sản phẩm có được bật hay không.
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này không thể chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hoặc thiết bị khác sử dụng chung một cổng với sản phẩm này, thiết bị kia có thể gây ảnh hưởng. Để nối và sử dụng sản phẩm này, hãy ngắt thiết bị kia hoặc sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

Các vấn đề sao chép

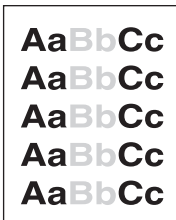
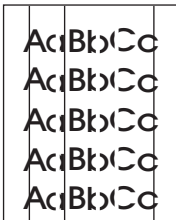
Ngăn chặn các vấn đề sao chép

Sau đây là một số bước đơn giản mà bạn có thể làm để cải thiện chất lượng sao chép:

- Dùng các bản gốc đạt chất lượng.
- Nạp vật liệu in đúng cách. Nếu vật liệu in không được nạp đúng cách, chúng có thể bị lệch, tạo ra các ảnh sao không rõ ràng và nhiều vấn đề khi dùng chương trình OCR. Xem hướng dẫn tại [Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40](#).
- Dùng hoặc tạo giấy đỡ để bảo vệ bản gốc của bạn.

 **GHI CHÚ:** Kiểm tra xem vật liệu in có đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của HP hay không. Nếu vật liệu in đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của HP, việc tái diễn các vấn đề khi tiếp giấy cho thấy trục nạp và đệm tách đã bị mòn. Liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

Các vấn đề về hình ảnh

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Hình ảnh bị thiếu hoặc mờ.	Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn.	Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 .
	Bản gốc có thể bị kém chất lượng.	Nếu bản gốc quá mờ hoặc bị hư hỏng, bản sao có thể sẽ bị ảnh hưởng, ngay cả khi bạn đã hiệu chỉnh độ tương phản. Nếu được, hãy tìm tài liệu gốc có chất lượng tốt hơn.
	Có thể bạn đã cài thông số độ tương phản không đúng.	Dùng nút Lighter/Darker (Sáng/Tối) trên bảng điều khiển để thay đổi các thông số về độ tương phản.
	Bản gốc có thể dùng nền màu.	Các nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền, hoặc nền có thể hiện ra dưới dạng bóng khác. Nếu được, hãy dùng tài liệu gốc không có nền màu.
Bản sao xuất hiện các sọc đứng màu trắng hoặc màu nhạt.	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
	Hộp mực in có thể bị lỗi.	Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 .
Các đường kẻ lạ xuất hiện trên bản sao.	Dải quét khay ADF có thể bị bẩn.	Lau sạch dải quét khay ADF. Xem Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét thuộc trang 74 .
	Trống cảm quang trong hộp mực có thể bị xước.	Lắp hộp mực in HP mới. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 .
Các vệt hoặc nốt đen xuất hiện trên bản sao.	Mực, keo dán, mực bút xóa, hoặc các chất lạ có thể dính trên khay tự động nạp tài liệu (ADF).	Lau dọn sản phẩm. Xem Lau dọn sản phẩm thuộc trang 134 .
	Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định.	Thực hiện lại tác vụ in.
Các bản sao quá mờ hoặc quá đậm.	Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác.	Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không. Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này.
Nội dung văn bản không rõ ràng.	Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác.	Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không. Kiểm tra xem EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) đã tắt chưa.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
		Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này.

Các vấn đề quản lý vật liệu in

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Chất lượng in hoặc độ bám của bột mực kém	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc giấy được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%.
Mất ký tự, kẹt giấy hoặc bị nhăn	Cắt giữ giấy không đúng cách.	Cắt giữ tệp giấy trong vật liệu phủ chống ẩm của nó.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Quá nhẵn	Giấy quá ẩm, hương thơm giấy sai hoặc cấu trúc thô ngắn.	Sử dụng giấy có thô dài.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Kẹt giấy, gây hỏng giấy	Giấy bị rách hoặc có răng cưa.	Sử dụng giấy không bị rách hoặc răng cưa.
Sự cố khi tiếp giấy	Giấy có các góc không đều.	Sử dụng loại giấy chất lượng cao dành cho máy in la-de.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc có hương thơm giấy sai, hoặc có cấu trúc thô ngắn hoặc được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%. Sử dụng giấy có thô dài.
Phần in bị lệch (không thẳng).	Bộ dẫn hướng giấy có thể được chỉnh không đúng cách.	Bỏ tất cả giấy ra khỏi khay, chỉnh lại bộ dẫn hướng giấy và sau đó để giấy trở lại khay. Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy mà bạn đang sử dụng và thử in lại.
Hơn một tờ giấy cùng nạp một lúc.	Khay giấy có thể đã bị quá tải.	Bỏ bớt một lượng giấy ra khỏi khay. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 .
	Giấy có thể đã bị nhăn, gập hoặc bị rách.	Kiểm tra xem giấy có bị nhăn, gập hoặc bị rách không. Thử in trên giấy được lấy từ tệp giấy khác hoặc tệp giấy mới.
Sản phẩm không đẩy vật liệu in từ khay tiếp giấy.	Sản phẩm có thể đang ở chế độ tiếp giấy thủ công.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu Manual (Thủ công) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm OK để tiến hành tác vụ in. Kiểm tra xem sản phẩm có ở chế độ tiếp giấy thủ công không và thử in lại.
	Trục nạp giấy có thể bị hỏng hoặc bẩn.	Liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
	Bộ dẫn hướng giấy ở khay 1 được cài chiều dài lớn hơn khổ giấy.	Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

Các vấn đề về hiệu suất

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Máy không cho ra bản sao nào.	Khay nạp giấy có thể đã hết giấy.	Nạp vật liệu in vào sản phẩm. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 để biết thêm thông tin.
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF), nạp bản gốc với cạnh hẹp hướng ra phía trước và mặt sẽ quét hướng xuống.
Các bản sao trống.	Lớp băng dán có thể vẫn chưa được tháo khỏi hộp mực.	Tháo hộp mực khỏi sản phẩm, tháo lớp băng dán ra, và lắp hộp mực trở lại vào máy.
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Trong khay ADF, nạp bản gốc với cạnh hẹp hướng vào trong khay ADF và mặt sẽ quét hướng xuống.
	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35 .
	Hộp mực in có thể bị lỗi.	Thay hộp mực. Xem Hộp mực in thuộc trang 133 .
Các bản sao bị thu nhỏ kích thước.	Có thể bạn đã cài sản phẩm thu nhỏ kích thước ảnh quét.	Trên bảng điều khiển, bấm Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) và kiểm tra xem tính năng có được cài sang Original=100% (Gốc=100%) hay không.

Các vấn đề khi quét

Giải quyết các vấn đề ảnh quét

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Ảnh quét có chất lượng kém.	Bản gốc có thể là hình ảnh hoặc ảnh chụp thể hệ thứ hai.	<ul style="list-style-type: none">• Để xóa các mẫu ảnh, thử thu nhỏ kích thước ảnh sau khi quét.• In ảnh quét để xem chất lượng chúng có cải thiện hay không.• Kiểm tra lại các thông số độ phân giải có phù hợp với loại tác vụ quét mà bạn đang tiến hành. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73.
	Hình ảnh xuất hiện trên màn hình có thể không thể hiện chính xác chất lượng bản quét.	<ul style="list-style-type: none">• Thử hiệu chỉnh các thông số màn hình máy tính của bạn để xem nhiều màu hơn (hoặc các gam màu xám). Thông thường, bạn sẽ hiệu chỉnh thông số này bằng cách mở Display (Màn hình) trong Bảng Điều Khiển của Windows.• Thử hiệu chỉnh thông số độ phân giải trong phần mềm máy quét. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73.
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Dùng thanh dẫn vật liệu in khi bạn nạp bản gốc vào khay ADF. Xem Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40 .
	Máy quét có thể bị dơ.	Lau chùi máy quét. Xem Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét thuộc trang 74 .
	Các thông số cài đặt đồ họa có thể không phù hợp với loại tác vụ quét mà bạn đang thực hiện.	Thử thay đổi các thông số đồ họa. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73 .
	Nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền.	Thử hiệu chỉnh các thông số này trước khi bạn quét bản gốc hoặc xử lý nâng cao chất lượng ảnh sau khi bạn đã quét bản gốc.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Máy không quét được toàn bộ ảnh.	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Dùng thanh dẫn vật liệu in khi bạn nạp bản gốc vào khay ADF. Xem Nạp tài liệu gốc để quét thuộc trang 70 .
	Nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền.	Thử hiệu chỉnh các thông số này trước khi bạn quét bản gốc hoặc xử lý nâng cao chất lượng ảnh sau khi bạn đã quét bản gốc.
	Bản gốc dài hơn 381 mm.	Chiều dài tối đa có thể quét là 381 mm khi bạn dùng khay nạp giấy tự động nạp tài liệu (ADF). Nếu trang vượt quá chiều dài này, máy quét sẽ ngừng lại. (Các bản sao có thể dài hơn.) THẬN TRỌNG: Không được kéo bản gốc khỏi khay ADF; bạn có thể sẽ làm hư máy quét hoặc hỏng bản gốc của bạn. Xem Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 145 .
	Bản gốc quá nhỏ.	Khỏ nhỏ nhất mà khay ADF hỗ trợ là 148 x 105 mm. Bản gốc có thể bị kẹt vào máy. Xem Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 145 .
	Kích thước vật liệu in không đúng.	Trong thông số Scan (Quét), hãy đảm bảo kích thước vật liệu in nhập vào đủ lớn tương ứng với tài liệu bạn đang quét.
Quá trình quét kéo dài quá lâu	Mức độ màu hoặc độ phân giải hiện cài quá cao.	Thay đổi thông số màu sắc và độ phân giải sang thông số phù hợp với tác vụ bạn đang thực hiện. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73 .
	Phần mềm được cài để quét tài liệu/ảnh màu.	Giá trị hệ thống mặc định là màu, khiến máy mất nhiều thời gian để quét, ngay cả khi quét bản gốc đơn sắc. Nếu bạn xử lý ảnh qua TWAIN hoặc WIA, bạn có thể thay đổi các thông số để bản gốc dùng để quét có màu xám hoặc trắng đen. Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm chi tiết.
	Một tác vụ sao chép hoặc in đã được gửi trước khi bạn cố gắng tiến hành việc quét.	Nếu một người khác đã gửi tác vụ sao chép hoặc in trước khi bạn cố gắng tiến hành việc quét, tác vụ quét sẽ bắt đầu nếu máy quét không bận. Tuy nhiên, do sản phẩm và máy quét dùng chung bộ nhớ, nên tác vụ quét có thể sẽ chậm hơn.

Các vấn đề về chất lượng quét

Ngăn chặn các vấn đề về chất lượng quét

Sau đây là một số bước đơn giản mà bạn có thể làm để cải thiện chất lượng sao chép và quét:

- Dùng các bản gốc chất lượng cao.
- Nạp vật liệu in đúng cách. Nếu vật liệu in không được nạp đúng cách, chúng có thể bị lệch, và tạo ra các ảnh quét không rõ ràng. Xem hướng dẫn tại [Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 40](#).

- Hiệu chỉnh các thông số phần mềm theo ý định của bạn khi sử dụng các trang quét. Xem [Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73](#) để biết thêm thông tin.
- Nếu sản phẩm của bạn thường tiếp nhiều giấy mỗi lần nạp, miếng đệm tách cần được thay thế. Liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
- Dùng hoặc tạo giấy đỡ để bảo vệ bản gốc của bạn.

Giải quyết các vấn đề về chất lượng bản quét

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy trống	Có thể bạn đã nạp bản gốc lật ngược.	Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF), lắp đầu trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy ADF, với mặt của chồng giấy hướng xuống dưới và trang đầu tiên sẽ quét nằm ở dưới cùng của chồng giấy.
Quá mờ hoặc quá đậm	Giá trị độ phân giải và màu sắc có thể đã cài không đúng.	Kiểm tra lại để đảm bảo bạn đã cài đúng các thông số màu sắc và độ phân giải. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73 .
Các đường kẻ lạ	Có thể kiếng ADF bị dơ.	Lau chùi dài máy quét. Xem Lau sạch dài kính và tấm ép giấy của máy quét thuộc trang 74 .
Các vết hoặc nốt đen	Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định.	Thực hiện lại tác vụ in.
Văn bản không rõ	Có thể độ phân giải được cài chưa đúng.	Kiểm tra để đảm bảo các thông số độ phân giải đều đúng. Xem Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 73 .

Các sự cố về fax

Để giải quyết các sự cố về fax, xem [Giải quyết sự cố khi fax thuộc trang 111](#).

Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh

Dữ liệu kiểm tra chất lượng in

Các vấn đề về chất lượng in có thể được khắc phục bằng cách sử dụng danh sách kiểm tra sau đây:

1. Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 35](#). Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.
2. Nếu bạn sử dụng phương tiện in đặc biệt như là nhãn, phim trong suốt, giấy bóng, hoặc tiêu đề thư, hãy đảm bảo bạn đã in theo loại. Xem [Chọn loại giấy thuộc trang 52](#).
3. In trang cấu hình và tình trạng mực in qua bảng điều khiển của sản phẩm. Xem [Trang thông tin thuộc trang 126](#).
 - Hãy kiểm tra trang tình trạng mực in để xem có nguồn mực in nào sắp hết hoặc đã hết không. Không có thông tin nào được cung cấp cho các hộp mực không phải của HP.
 - Nếu các trang không in đúng, vấn đề sẽ liên quan đến phần cứng. Liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1319 hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.


4. Hãy thử in từ một chương trình khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình bạn sử dụng để in.
5. Hãy khởi động lại máy tính và máy in, và thử in lại. Nếu sự cố vẫn còn, xem [Các vấn đề chung về chất lượng in thuộc trang 151](#).

Quản lý và cấu hình trình điều khiển máy in

Các thông số cài đặt chất lượng in sẽ ảnh hưởng độ mờ hoặc đậm của bản in và phong cách đồ họa khi in. Bạn cũng có thể dùng thông số cài đặt chất lượng in để tối ưu hóa chất lượng in ấn trên loại vật liệu in nhất định.

Bạn cũng có thể thay đổi các thông số cài đặt trong phần đặc tính sản phẩm cho phù hợp với loại tác vụ in mà bạn đang tiến hành. Các thông số cài đặt sau hiện có trong máy, tùy thuộc vào loại trình điều khiển máy in mà bạn đang dùng.


- **600 dpi**
- **Tùy chỉnh:** Thông số này cho ra độ phân giải như thông số mặc định, nhưng bạn có thể thay đổi cấu trúc thang độ.

 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi độ phân giải có thể làm thay đổi dạng văn bản của bạn.

Tạm thời thay đổi thông số chất lượng in

Để thay đổi thông số chất lượng in dành riêng cho chương trình phần mềm hiện tại, mở đặc tính trong menu **Print Setup** (Cài đặt In) trong chương trình mà bạn đang dùng để in.

Thay đổi thông số chất lượng in cho tất cả tác vụ in ấn trong tương lai

 **GHI CHÚ:** Để xem hướng dẫn cho hệ thống Macintosh, xem [Thay đổi các thông số cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh thuộc trang 27](#).

Đối với Windows 2000:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start** (Bắt đầu), chọn **Settings** (Thông số cài đặt), và sau đó nhấp vào **Printers** (Máy in).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

Đối với Windows XP:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start** (Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó nhấp vào **Printers and Faxes** (Máy in và Fax).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính), hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

Đối với Windows Vista:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start**(Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó, trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), nhấp vào **Printer** (Máy in).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính), hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

Giải quyết sự cố kết nối

Giải quyết sự cố kết nối trực tiếp

Nếu sản phẩm gặp sự cố kết nối trong khi kết nối trực tiếp vào máy tính, hãy thực hiện các bước sau:

1. Đảm bảo dây cáp USB không dài quá 2 mét (6 feet).
2. Đảm bảo cả hai đầu dây cáp USB đều được kết nối.
3. Đảm bảo dây cáp USB là loại cáp Tốc độ Cao 2.0 đã qua kiểm định.
4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy dùng một cáp USB khác.

Giải quyết sự cố phần mềm

Các sự cố thông thường của Windows

Thông báo lỗi:

"General Protection FaultException OE" (Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE)

"Spool32"

"Illegal Operation" (Thao tác Không hợp lệ)

Nguyên nhân	Giải pháp
	Đóng tất cả các chương trình phần mềm, khởi động lại Windows, và thử lại.
	Xóa tất cả các tập tin tạm thời khỏi thư mục con Temp (Tạm thời). Xác định tên thư mục này bằng cách mở tập tin AUTOEXEC.BAT và tìm hàng lệnh "Set Temp =". Tên đứng cuối hàng lệnh này chính là thư mục Temp (Tạm thời). Thư mục mặc định là C:\TEMP, nhưng bạn có thể chọn thư mục khác.
	Xem các tài liệu Microsoft Windows kèm theo máy tính để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.

Các sự cố thông thường của Macintosh

Bảng 12-1 Sự cố với hệ thống Mac OS X v10.3, Mac OS X v10.4 và các phiên bản mới hơn

Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong **Tiện Ích Cài Đặt Máy In**.

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.	Đảm bảo là PPD nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj</code> , trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài lại phần mềm nếu cần. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.
Tập tin Mô Tả Máy In Bằng Ngôn Ngữ Postscript (PPD) bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj</code> , trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.

Tên sản phẩm không xuất hiện trong hộp danh sách máy in ở phần **Printer Setup Utility (Tiện Ích Cài đặt Máy in)**.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo Sẵn sàng đã sáng. Sử dụng cổng máy tính khác cho cáp USB.

Bảng 12-1 Sự cố với hệ thống Mac OS X v10.3, Mac OS X v10,4 và các phiên bản mới hơn (còn tiếp)

Tên sản phẩm không xuất hiện trong hộp danh sách máy in ở phần Printer Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Máy in).

Nguyên nhân	Giải pháp
Đang sử dụng sai tên sản phẩm.	Kiểm tra tên sản phẩm bằng cách in một trang cấu hình. Xem Trang thông tin thuộc trang 126 . Kiểm tra xem tên trên trang cấu hình có đúng như tên sản phẩm trong Printer Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Máy in) không.
Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc chất lượng kém.	Thay thế cáp ghép nối. Đảm bảo cáp sử dụng có chất lượng cao.

Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

Nguyên nhân	Giải pháp
Chuỗi in này có thể đã bị ngừng.	Mở chuỗi tác vụ in, và sau đó nhấp vào Start Jobs (Bắt đầu In).
Đang sử dụng sai tên sản phẩm. Sản phẩm khác có tên giống hoặc tương tự thế có thể đã nhận tác vụ in của bạn.	Kiểm tra tên sản phẩm bằng cách in một trang cấu hình. Xem Trang thông tin thuộc trang 126 . Kiểm tra xem tên trên trang cấu hình có đúng như tên sản phẩm trong Printer Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Máy in) không.

Tập tin PostScript (EPS) không in được bằng các kiểu chữ đúng.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này đang xuất hiện trong một số chương trình.	<ul style="list-style-type: none">Thử tải về các kiểu chữ chứa trong tập tin EPS vào sản phẩm trước khi bắt đầu in.Gửi tập tin dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.

Bạn không thể in từ thẻ USB thứ ba.

Nguyên nhân	Giải pháp
Lỗi này xảy ra khi phần mềm cho máy in dùng cổng USB chưa được cài đặt.	Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn có thể cần phần mềm Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB chính hiệu Apple. Hầu hết phiên bản hiện nay của phần mềm này có thể mua qua trang Web của Hãng Apple.

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In của hệ thống Macintosh sau khi đã lựa chọn trình điều khiển.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này do hoặc phần mềm hoặc một bộ phận phần cứng.	Xử lý sự cố phần mềm <ul style="list-style-type: none">Kiểm tra xem Macintosh của bạn có hỗ trợ USB không.Kiểm tra lại hệ điều hành Macintosh của bạn có phải là Mac OS X v10.3, Mac OS X v10,4 hoặc các phiên bản mới hơn hay không.Chắc chắn là Macintosh của bạn có phần mềm USB thích hợp của hãng Apple.

Bảng 12-1 Sự cố với hệ thống Mac OS X v10.3, Mac OS X v10,4 và các phiên bản mới hơn (còn tiếp)

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In của hệ thống Macintosh sau khi đã lựa chọn trình điều khiển.

Nguyên nhân	Giải pháp
	<p data-bbox="794 302 1029 331">Xử lý sự cố phần cứng</p> <ul data-bbox="794 352 1444 745" style="list-style-type: none"><li data-bbox="794 352 1252 382">● Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.<li data-bbox="794 403 1396 432">● Kiểm tra xem cáp USB đã được tiếp xúc đúng cách chưa.<li data-bbox="794 453 1444 512">● Kiểm tra xem bạn đang sử dụng cáp USB tốc độ cao thích hợp chưa.<li data-bbox="794 533 1444 617">● Hãy chắc chắn là bạn không có quá nhiều thiết bị USB cùng nối vào một nguồn từ nguồn điện. Ngắt các thiết bị này ra khỏi nguồn và cho cáp trực tiếp tiếp xúc với cổng USB trên máy chủ.<li data-bbox="794 638 1444 745">● Kiểm tra xem có quá hai hub USB không cắm điện cùng kết nối trên một hàng của nguồn cắm. Ngắt tất cả các thiết bị ra khỏi nguồn đó và cho dây cáp tiếp xúc trực tiếp với cổng USB trên máy chủ. <p data-bbox="842 766 1444 829">GHI CHÚ: Bàn phím iMac là một hub USB không được cắm điện.</p>

A Thông tin đặt hàng và phụ kiện

- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Mỹ, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/sbso/product/supplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp trên toàn thế giới, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/ghp/buyonline.html.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Canada, hãy truy cập vào trang web www.hp.ca/catalog/supplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Âu, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/ljsupplies.
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Á Thái Bình Dương, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/paper/.
- Để đặt hàng phụ kiện, hãy truy cập vào trang web www.hp.com/go/accessories.

Nguồn cung cấp

Tên sản phẩm	Mô tả	Số bộ phận
Hộp mực in thay thế	Công suất in trung bình của hộp mực in là khoảng 2.000 trang.	Q2612A

Cáp và các phụ kiện giao diện

Tên sản phẩm	Mô tả	Số bộ phận
Cáp USB	đầu kết nối thiết bị dùng cổng USB chuẩn 2 mét	C6518A
	đầu kết nối thiết bị dùng cổng USB chuẩn 3 mét	C6520A
Dây fax	Dây fax của sản phẩm	8121-0811

B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard

SẢN PHẨM HP

HP LaserJet M1319f

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

Bảo hành có giới hạn một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền lựa chọn, sửa chữa hoặc thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh. Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MẮT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Dịch vụ bảo hành trường hợp khách hàng tự sửa chữa

Các sản phẩm HP được thiết kế và chế tạo cùng nhiều bộ phận cho phép Khách Hàng Tự Sửa (CSR) để giảm thiểu tối đa thời gian sửa chữa và tạo điều kiện linh hoạt hơn cho việc thay thế các bộ phận bị khiếm khuyết. Nếu trong quá trình kiểm tra, HP phát hiện có thể sửa chữa bằng cách dùng bộ phận CSR, HP sẽ trực tiếp gửi bộ phận đó đến cho bạn để bạn tiến hành thay thế. Hiện nay có hai loại bộ phận CSR: 1) Những bộ phận bắt buộc phải do khách hàng tự sửa chữa. Nếu bạn yêu cầu HP thay thế những bộ phận này, bạn sẽ bị tính tiền vận chuyển và thuê nhân công cho dịch vụ này. 2) Những bộ phận không bắt buộc khách hàng phải tự sửa chữa. Những bộ phận này cũng được thiết kế để Khách hàng Tự Sửa. Tuy nhiên, nếu bạn yêu cầu HP thay thế chúng cho bạn, việc thay thế này có thể sẽ không tốn tiền theo quy định dịch vụ bảo hành dành cho sản phẩm của bạn.

Tùy theo khả năng cung cấp và điều kiện địa lý, các bộ phận CSR sẽ được gửi đến vào ngày làm việc kế tiếp. Dịch vụ chuyển hàng trong ngày hoặc trong bốn giờ có thể sẽ tính thêm tiền nếu điều kiện địa lý cho phép. Nếu bạn cần giúp đỡ, hãy gọi điện cho Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật HP và nhân viên kỹ thuật sẽ giúp hướng dẫn bạn qua điện thoại. HP sẽ thông báo trong tài liệu gửi kèm bộ phận CSR thay thế rằng bạn có phải gửi bộ phận bị lỗi về lại cho HP hay không. Trong trường hợp bắt buộc phải gửi bộ phận bị lỗi về cho HP, bạn phải gửi bộ phận bị lỗi về lại cho HP trong khoản thời gian hạn định, thường là năm (5) ngày làm việc. Bộ phận bị lỗi phải được gửi về kèm theo các tài liệu cấp kèm theo khi gửi hàng. Nếu bạn không gửi trả lại bộ phận bị lỗi, HP sẽ tính phí thay thế cho bạn. Trong chương trình khách hàng tự sửa, HP sẽ thanh toán tất cả các chi phí vận chuyển và hoàn trả bộ phận và quyết định dịch vụ vận chuyển/vận tải sẽ dùng.

Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm thiết bị về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Hỗ trợ khách hàng

Hỗ trợ qua điện thoại, miễn phí khi vẫn trong thời hạn bảo hành, dành cho quốc gia/vùng lãnh thổ bạn sinh sống

Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại www.hp.com/support/.

Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố.

Hỗ trợ Internet thường trực 24 giờ

www.hp.com/support/ljm1319

Hỗ trợ cho các sản phẩm được sử dụng với máy tính Macintosh

www.hp.com/go/macosex

Tải xuống thông tin về các phần mềm tiện ích, trình điều khiển thiết bị, và các thông tin điện tử

www.hp.com/go/ljm1319_software

Đặt mua mực và giấy in

www.hp.com/go/suresupply

Đặt mua các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng

www.hp.com/buy/parts

Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì

www.hp.com/go/carepack

Đóng gói lại thiết bị.

Nếu dịch vụ Chăm sóc Khách hàng HP xác định thiết bị của bạn cần phải hoàn trả về HP để sửa chữa, hãy thực hiện theo các bước bên dưới để đóng gói lại thiết bị trước khi gửi trả lại.

△ **THẬN TRỌNG:** Hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển do bao gói không đúng khách hàng phải chịu trách nhiệm.

1. Tháo ra và giữ lại hộp mực in.

△ **THẬN TRỌNG:** Cần *đặc biệt lưu ý* nhớ tháo hộp mực ra trước khi vận chuyển thiết bị. Hộp mực in để lại trong thiết bị sẽ bị rò rỉ trong quá trình gửi hàng và làm đổ mực ra động cơ thiết bị và các bộ phận khác.

Để tránh là hư hỏng hộp mực in, hãy tránh chạm vào trục trên hộp, và cất hộp mực in vào trong hộp giấy ban đầu khi mua hoặc để ở nơi không có ánh sáng trực tiếp.

2. Tháo và giữ lại dây điện nguồn, cáp nối mạng, và các phụ kiện tùy chọn.

3. Nếu có thể được, xin kèm theo cả các bản in mẫu và 50 đến 100 trang giấy in hoặc vật liệu in khác đã bị lỗi khi in.

4. Tại Hoa Kỳ, hãy gọi dịch vụ Chăm sóc Khách hàng HP để xin hộp đóng gói mới. Tại các khu vực khác, hãy dùng hộp đóng gói cũ khi mua thiết bị, nếu có thể. Hewlett-Packard khuyên bạn mua bảo hiểm cho thiết bị khi vận chuyển.

C Thông số kỹ thuật

Phần này chứa các thông tin sau về sản phẩm:

- [Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể](#)
- [Các đặc điểm kỹ thuật về điện](#)
- [Điện năng tiêu thụ](#)
- [Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường](#)
- [Độ ồn](#)

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Bảng C-1 Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Sản phẩm	Cao	Sâu	Rộng	Nặng
HP LaserJet M2727	459 mm	443 mm	429 mm	10 kg

Các đặc điểm kỹ thuật về điện

- △ **THẬN TRỌNG:** Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/vùng lãnh thổ bán sản phẩm. Xin bạn không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ làm hỏng sản phẩm và vô hiệu hóa chế độ bảo hành.

Bảng C-2 Các đặc điểm kỹ thuật về điện

Mục	Kiểu 110-vôn	Kiểu 230-vôn
Các yêu cầu về điện	110 đến 127 V (+/- 10%)	220 đến 240 V (+/- 10%)
	50 / 60 Hz (+/- 2 Hz)	50 / 60 Hz (+/- 2 Hz)
Dòng định mức	4,5 A	2,6 A

Điện năng tiêu thụ

Bảng C-3 Lượng điện tiêu thụ (trung bình, tính theo óát)¹

Model sản phẩm	Đang in ²	Đang sao chép ²	Sẵn Sàng/Ngủ ³	Tắt
HP LaserJet M2727	290 W	225 W	5 W	<0,1 W

¹ Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem www.hp.com/support/ljm1319 để biết thông tin mới nhất.

² Mức điện năng báo cáo có giá trị cao nhất khi đo bằng tất cả các chỉ số vôn kế chuẩn.

³ Công nghệ sấy nóng nhanh

⁴ Thời gian phục hồi từ trạng thái Sẵn sàng/Ngủ sang bắt đầu in = 8,5 giây.

⁵ Tốc độ tản nhiệt nhanh nhất của mọi kiểu máy trong chế độ Sẵn Sàng = 45 BTU/giờ

Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường

Bảng C-4 Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường¹

	Khuyến dùng	Vận hành	Lưu trữ
Nhiệt độ	15° đến 32.5° C (59° đến 90.5° F)	15° đến 32.5° C (59° đến 90.5° F)	–20° đến 40° C (–4° đến 104° F)
Độ ẩm tương đối	10% đến 80%	10% đến 80%	95% hoặc thấp hơn

¹ Các trị số có thể thay đổi.

Độ ồn

Bảng C-5 Độ ồn

Cường Độ Âm	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296¹
In (18 ppm)	$L_{wAd} = 6.3$ Bels (A) [65 dB (A)]
Sẵn sàng	Không nghe thấy
Mức áp suất âm - Ở vị trí đứng xem	Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296¹
In (18 ppm)	$L_{pAm} = 49$ dB(A)
Sẵn sàng	Không nghe thấy

¹ Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem www.hp.com/support/ljm1319 để biết thông tin mới nhất.

² Cấu hình đã kiểm tra: HP LaserJet M2727 in giấy một mặt dùng giấy A4 với tốc độ 18 ppm.

D Thông tin về Tuân thủ Quy định


Phần này chứa các thông tin về việc tuân thủ quy định sau đây:

- [Quy chuẩn FCC](#)
- [Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường](#)
- [Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại \(Hoa Kỳ\)](#)
- [Các yêu cầu IC CS-03](#)
- [Quy định của EU về hoạt động viễn thông](#)
- [Các công bố về viễn thông của New Zealand](#)
- [Tuyên bố về tính thích hợp](#)
- [Tuyên bố về an toàn](#)

Quy chuẩn FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Qui định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.


 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi Hewlett-Packard có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Qui định FCC.

Thiết bị này tuân thủ Phần 68 của các quy định FCC. Ở mặt sau thiết bị, có nhãn ghi số đăng ký FCC và số lượng máy con tương ứng (REN) cho thiết bị này bên cạnh những thông tin khác. Thông tin này phải được cung cấp cho công ty điện thoại nếu được yêu cầu. REN được dùng để xác định số lượng máy có thể được nối vào đường dây điện thoại. Lạm dụng REN quá mức trên đường dây điện thoại có thể dẫn đến tình trạng máy không reo khi có cuộc gọi đến. Tại hầu hết các vùng, nhưng không phải tất cả, tổng số REN không được vượt quá năm (5.0). Để biết chắc số máy có thể nối vào đường dây điện thoại, theo tổng số REN quy định, hãy liên lạc với công ty điện thoại để biết số REN tối đa cho vùng đó.

Thiết bị này sử dụng các loại đầu cắm USOC sau đây: RJ11C.

Một dây điện thoại và phích cắm theo đúng tiêu chuẩn FCC được cung cấp kèm theo thiết bị này. Thiết bị này được thiết kế để nối vào mạng điện thoại hoặc hệ thống dây điện trong nhà bằng cách sử dụng một đầu cắm tương thích theo đúng quy định ở Phần 68. Thiết bị này không được sử dụng cho dịch vụ gọi bằng tiền xu của công ty điện thoại. Việc nối với Party Line Service (dịch vụ dùng hai hay nhiều điện thoại trong cùng một đường dây) sẽ chịu cước phí của tiểu bang. Nếu thiết bị này gây thiệt hại cho mạng điện thoại, công ty điện thoại sẽ thông báo cho quý vị biết trước là dịch vụ có thể tạm thời bị gián đoạn. Nếu không thể thông báo trước, công ty điện thoại sẽ thông báo cho khách hàng càng sớm càng tốt. Quý vị cũng có quyền nộp đơn khiếu nại với FCC nếu thấy cần thiết. Công ty điện thoại có thể thực hiện những thay đổi về phương tiện, thiết bị, vận hành hoặc quy trình mà có thể tác động đến hoạt động của thiết bị. Nếu việc này xảy ra, công ty điện thoại sẽ thông báo trước để quý vị thực hiện những điều chỉnh cần thiết nhằm duy trì dịch vụ liên tục. Nếu có sự cố xảy ra với thiết bị, vui lòng xem các số điện thoại phía trước của cẩm nang này để biết thông tin về sửa chữa và (hoặc) bảo hành. Nếu sự cố này gây thiệt hại cho mạng điện thoại, công ty điện thoại có thể yêu cầu quý vị tháo gỡ thiết bị khỏi mạng cho đến khi sự cố được khắc phục. Khách hàng có thể thực hiện những sửa chữa sau đây: Thay bất kỳ thiết bị gốc nào đi kèm với thiết bị. Bao gồm hộp mực in, giá đỡ khay và học đựng giấy, dây điện và dây điện thoại. Khách hàng nên lắp đặt một bộ chống đột biến điện AC tại ổ cắm AC nối với thiết bị. Việc này nhằm tránh gây thiệt hại cho thiết bị do sấm sét trong khu vực và các đột biến điện khác.

 **GHI CHÚ:** Đối với các kiểu sản phẩm HP LaserJet M1319 MFP có điện thoại cầm tay, thiết bị này là thiết bị tương thích với tính năng hỗ trợ thính giác.

Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường

Bảo vệ môi trường

Công ty Hewlett-Packard cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng theo cách bền vững với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số tính năng làm giảm thiểu tác động tới môi trường.

Sản sinh ra khí ozone

Sản phẩm này không sản sinh một lượng khí ozone đáng kể nào (O₃).

Điện năng tiêu thụ

Năng lượng sử dụng giảm đáng kể khi ở chế độ Sẵn sàng/Ngủ, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền bạc mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của máy. Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật. Các sản phẩm đủ tiêu chuẩn cũng được liệt kê tại:

www.hp.com/go/energystar

Tiêu hao mực in

Chế độ Tiết kiệm sử dụng lượng mực ít hơn, vì vậy có thể kéo dài tuổi thọ của hộp mực.

Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt thủ công và in N-up (in nhiều trang trên cùng một mặt giấy) của thiết bị này giúp giảm lượng giấy sử dụng và do vậy, giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.


Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

Nguồn cung cấp

Thật dễ dàng để hoàn trả và tái chế các hộp mực đã dùng hết của máy in HP LaserJet – hoàn toàn miễn phí với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ được giao cùng với mỗi máy in HP LaserJet và hộp mực mới. Bạn sẽ giúp giảm bớt tác động tới môi trường hơn nữa bằng cách hoàn trả nhiều hộp mực một lúc thay vì các hộp riêng lẻ.

HP cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, chất lượng cao, bền vững với môi trường, từ việc thiết kế và phân phối sản phẩm đến việc sử dụng và tái chế. Khi bạn tham gia vào chương trình Đối tác Toàn cầu của HP, chúng tôi bảo đảm rằng các hộp mực in HP LaserJet của bạn được tái chế đúng cách, được xử lý để thu lại chất dẻo và kim loại dùng cho sản phẩm mới, và tránh được việc phải chôn lấp hàng triệu tấn rác thải. Vì các hộp mực này được tái chế và sử dụng làm nguyên liệu, nó sẽ không quay trở lại với bạn. Cảm ơn bạn đã có trách nhiệm với môi trường!

 **GHI CHÚ:** Vui lòng chỉ sử dụng các nhãn hoàn trả khi hoàn trả các hộp mực in HP LaserJet. Không sử dụng nhãn này đối với các hộp mực HP inkjet, các hộp mực không phải của HP, các hộp mực đổ lại hoặc tái sản xuất, hoặc để bảo hành. Để có thêm thông tin về việc tái chế hộp mực HP inkjet, xin vui lòng xem trang <http://www.hp.com/recycle>.

Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế

Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico

Nhãn đính kèm trên hộp mực in HP LaserJet dùng để hoàn trả và tái chế nhiều hơn một hộp mực in HP LaserJet sau khi sử dụng. Xin vui lòng làm theo hướng dẫn thích hợp dưới đây.

Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp)

1. Đóng gói mỗi hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của chúng.
2. Buộc tối đa tám hộp với nhau bằng dây da hoặc dây buộc hàng (tối đa 70 lbs).
3. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

HOẶC

1. Sử dụng hộp đựng phù hợp của bạn, hoặc yêu cầu cung cấp hộp miễn phí qua địa chỉ <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445 (đựng được tối đa là tám hộp mực in HP LaserJet).
2. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

Hoàn trả đơn lẻ

1. Đóng gói hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của nó.
2. Dán nhãn vận chuyển vào mặt trước hộp.

Vận chuyển

Đối với việc hoàn trả để tái chế tất cả các hộp mực in HP LaserJet, hãy giao gói hàng cho hãng vận chuyển UPS trong lần nhận hàng kế tiếp, hoặc mang tới điểm nhận hàng chính thức của UPS. Để biết địa điểm nhận hàng của UPS tại địa phương, hãy gọi số 1-800-PICKUPS hoặc thăm trang <http://www.ups.com>. Nếu bạn hoàn trả bằng nhãn vận chuyển của Dịch vụ Bưu chính Hoa Kỳ (USPS), hãy giao gói hàng cho nhân viên USPS hoặc mang tới văn phòng USPS. Để biết thêm thông tin, hoặc để yêu cầu thêm nhãn vận chuyển hoặc hộp để đựng nhiều hộp mực, hãy thăm trang <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445. Yêu cầu UPS tới gom hàng sẽ phải trả phí gom hàng thông thường. Các thông tin có thể thay đổi mà không báo trước.

Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ

Để tham dự vào Chương trình Đối tác Toàn cầu của HP trong việc hoàn trả và tái chế, bạn chỉ cần thực hiện theo các chỉ dẫn đơn giản trong tờ hướng dẫn về tái chế (có trong gói đựng thiết bị máy in mới của bạn), hoặc tới thăm trang <http://www.hp.com/recycle>. Hãy chọn quốc gia/khu vực của bạn để có thông tin về cách hoàn trả các thiết bị máy in HP LaserJet

Giấy in

Sản phẩm này có thể sử dụng giấy tái chế nếu như giấy đó đáp ứng được các quy định trong sách hướng dẫn *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide*. Sản phẩm này phù hợp để sử dụng giấy tái chế theo tiêu chuẩn EN12281:2002.

Giới hạn về vật liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thêm thủy ngân.

Sản phẩm này của HP chứa một bộ pin có thể cần phải được xử lý đặc biệt khi hết thời hạn sử dụng. Bộ pin đi kèm hoặc được Hewlett-Packard cung cấp cho sản phẩm này có các thông tin sau:

HP LaserJet M1319	
Dạng	Carbon monofluoride lithium
Trọng lượng	1,5 g
Vị trí	Trên bảng bộ định dạng
Cho phép người sử dụng có thể di dời sản phẩm	No (Không)



廢電池請回收

Để biết thông tin tái chế, hãy đến trang web www.hp.com/recycle, hoặc liên hệ các nhà chức trách địa phương hay Hiệp hội Công nghiệp Điện tử: www.eiae.org.

Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu



Biểu tượng này trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm chỉ định rằng sản phẩm không được phép vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt khác. Thay vào đó, bạn có trách nhiệm vứt bỏ thiết bị không sử dụng bằng cách giao nó tại một điểm thu gom được chỉ định cho mục đích tái chế thiết bị điện và điện tử không sử dụng. Việc thu gom và tái chế riêng các loại thiết bị không sử dụng của bạn mỗi khi vứt bỏ sẽ giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo rằng thiết bị đó được tái chế theo cách giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về nơi vứt bỏ thiết bị không sử dụng để tái chế, xin hãy liên hệ với phòng hành chính địa phương, dịch vụ vứt bỏ rác thải gia đình hoặc cửa hàng nơi bạn đã mua sản phẩm đó.

Hóa chất

HP cam kết cung cấp cho khách hàng của chúng tôi thông tin về những hóa chất có trong sản phẩm của chúng tôi khi cần để tuân thủ với các yêu cầu pháp lý chẳng hạn như REACH (Quy Định EC số 1907/2006 của Quốc Hội và Hội Đồng Châu Âu). Một báo cáo thông tin về hóa chất cho sản phẩm này có thể được tìm thấy trên trang web: www.hp.com/go/reach.

Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)

Bạn có thể nhận Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) áp dụng cho các thiết bị có chứa hóa chất (ví dụ như mực in) bằng cách liên hệ với trang web của HP tại địa chỉ www.hp.com/go/msds hoặc www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment.

Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Hãy truy cập vào www.hp.com/go/environment hoặc www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/index.html.

Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại (Hoa Kỳ)

Luật Bảo Vệ Người Tiêu Dùng Điện Thoại năm 1991 quy định rằng bất kỳ người nào dùng máy tính hoặc thiết bị điện tử khác, bao gồm cả máy fax, để gửi các thông điệp là bất hợp pháp, trừ những thông điệp có nội dung rõ ràng, chứa trên lề trên hoặc dưới của từng trang gửi đi hoặc trong trang đầu tiên khi gửi, bao gồm ngày giờ gửi và thông tin nhận dạng doanh nghiệp, tổ chức, hoặc cá nhân gửi thông điệp và số điện thoại của máy gửi đi hoặc của doanh nghiệp, tổ chức khác, hoặc cá nhân khác. (Số điện thoại cho không thể là số 900 hoặc bất kỳ số nào khác có cước phí vượt quá mức cước phí truyền dữ liệu đường dài hoặc địa phương)

Các yêu cầu IC CS-03

Lưu ý: Nhãn của Bộ công nghiệp Canada sẽ xác nhận các thiết bị đạt yêu cầu. Sự xác nhận này có nghĩa là thiết bị này đáp ứng một số các yêu cầu về độ an toàn, chế độ vận hành, tính năng bảo mật mạng viễn thông như được mô tả trong (các) tài liệu Yêu Cầu Kỹ Thuật của Các Thiết Bị Đầu Cuối tương ứng. Bộ không đảm bảo thiết sẽ vận hành và thỏa mãn yêu cầu của người sử dụng. Trước khi cài đặt thiết bị này, người sử dụng nên đảm bảo rằng thiết bị được phép kết nối vào các cơ sở hạ tầng viễn thông của các công ty viễn thông địa phương. Thiết cũng phải được cài đặt phương thức kết nối hợp lý. Người tiêu dùng nên nhận thức được rằng sự tuân thủ các điều kiện nói trên không ngăn ngừa được sự sụt giảm chất lượng dịch vụ trong một số trường hợp. Việc sửa chữa thiết bị được xác nhận phải được phối hợp thực hiện qua bên đại diện do nhà cung cấp chỉ định. Bất kỳ hoạt động sửa chữa hoặc thay đổi nào do người sử dụng thực hiện đối với thiết bị này, hoặc thiết bị bị lỗi hoạt động, đều sẽ tạo điều kiện cho công ty viễn thông yêu cầu người sử dụng ngắt kết nối thiết bị. Người sử dụng, vì sự an toàn của chính mình, phải đảm bảo rằng các dụng cụ điện tiếp đất của hệ thống điện, đường dây điện thoại, và hệ thống đường ống kim loại dẫn nước nội bộ, nếu có, phải được kết nối với nhau. Thông báo cảnh giác này đặc biệt quan trọng ở những khu vực nông thôn.

△ **THẬN TRỌNG:** Người sử dụng không nên tự mình tìm cách kết nối mà nên liên hệ với chuyên gia thanh tra phù hợp hoặc thợ điện, nếu cần. Số Tương Đương Chuông Báo (REN) của thiết bị này là 0.2.

Lưu ý: Mã Số Đối Ứng Thiết Bị (REN) được gán cho từng thiết bị kết nối cung cấp số cổng kết nối tối đa mà thiết bị có thể dùng để kết nối vào ổ cắm điện thoại. Các cổng kết nối trên ổ cắm điện thoại có thể dùng cho nhiều thiết bị, và chỉ phụ thuộc vào yêu cầu tổng số REN của tất cả các thiết bị không vượt quá năm (5.0). Mã bố trí kết nối tiêu chuẩn (loại khe cắm điện thoại) dành cho thiết bị kết nối trực tiếp vào mạng điện thoại là CA11A.

Quy định của EU về hoạt động viễn thông

Sản phẩm này được chế tạo để kết nối vào Mạng Điện Thoại Công Truyền Thống (PSTN) analog của các quốc gia/khu vực thuộc Khu Vực Kinh Tế Châu Âu (EEA). Sản phẩm này đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị 1999/5/EC (Phụ lục II) EU R&TTE và mang nhãn đáp ứng tiêu chuẩn CE tương ứng. Để biết thêm chi tiết, xem phần Tuyên bố về Tính thích hợp do nhà sản xuất cung cấp trong mục khác của cẩm nang này. Tuy nhiên, do sự khác biệt của các hệ thống PSTN của từng quốc gia, sản phẩm không thể đảm bảo khả năng vận hành hoàn toàn tốt tại tất cả các điểm kết nối vào mạng PSTN. Khả năng tương thích với hệ thống mạng tùy thuộc vào các thông số cài đặt phù hợp do người tiêu dùng chọn để chuẩn bị kết nối máy vào hệ thống PSTN. Vui lòng thực hiện theo các hướng dẫn nêu trong cẩm nang hướng dẫn sử dụng này. Nếu bạn gặp vấn đề về khả năng tương thích với hệ thống mạng, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp thiết bị hoặc bộ phận hỗ trợ của Hewlett-Packard tại quốc gia/khu vực sở tại. Khả năng kết nối vào điểm kết nối PSTN có thể tùy thuộc vào các yêu cầu bổ sung do nhà quản lý mạng PSTN địa phương đề ra.

Các công bố về viễn thông của New Zealand

Sự hỗ trợ của Telepermit cho bất kỳ thiết bị kết nối nào chỉ đồng nghĩa với việc Telecom đồng ý rằng thiết bị đó đáp ứng các điều kiện tối thiểu để kết nối vào mạng của Telecom. Điều này không đồng nghĩa với việc Telecom chứng nhận cho sản phẩm này, cũng như khả năng cung cấp bất kỳ hình thức bảo hành nào. Trên hết, công ty không đảm bảo rằng mọi chức năng thiết bị đều phối hợp hoạt động tốt với thiết bị khác của Telepermit có nguồn gốc hoặc kiểu dáng khác, cũng như không ngụ ý rằng mọi sản phẩm đều tương thích với tất cả các dịch vụ mạng của Telecom.

Thiết bị này không được đảm bảo chia sẻ cuộc gọi một cách hiệu quả với thiết bị khác kết nối vào cùng đường dây.

Thiết bị này cũng không cài tính năng tự động gọi đến Dịch Vụ Khẩn Cấp “111” của Telecom.

Sản phẩm này chưa được kiểm nghiệm về tính tương thích với dịch vụ kiểu chuông đặc trưng FaxAbility của New Zealand.

⚠ CẢNH BÁO! Điện thoại cầm tay được sử dụng trong sản phẩm này có thể hút các vật thể nguy hiểm như đinh ghim, dập ghim hoặc kim. Khi sử dụng điện thoại cầm tay, hãy cẩn thận tránh xa nguy hiểm do những vật nguy hiểm trên ống nghe của điện thoại cầm tay gây ra.

📄 GHI CHÚ: Thiết bị này có thể không hoạt động khi nguồn điện chính bị hỏng.

Tuyên bố về tính thích hợp

Tuyên bố về tính Thích hợp

Theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1

Tên Nhà Sản xuất: Hewlett-Packard Company DoC#: BOISB-0405-06-rel.1.0
Địa chỉ Nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard,
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Bộ sản phẩm HP LaserJet M1319f MFP
Model theo Quy định Số²⁾ BOISB-0405-06
Các tùy chọn của sản phẩm: TẤT CẢ
Hộp mực in: Q2612A

phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

AN TOÀN: IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 +A11
IEC 60825-1:1993 +A1 +A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Loại 1 Laser/Sản phẩm LED)
GB4943-2001

EMC: CISPR22:2005 / EN55022:2006 – Loại B¹⁾
EN 61000-3-2:2000 +A2
EN 61000-3-3:1995 +A1
EN 55024:1998 +A1 +A2
FCC Phần 47 CFR, Phần 15 Loại B¹⁾ / ICES-003, Mục 4
GB9254-1998, GB17625.1-2003

TELECOM: ES 203 021; FCC Phần 47 CFR, Phần 68³⁾
TBR38:1998

Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EEC và Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn 1999/5/EC (Phụ lục II) R&TTE, và có dấu CE tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ theo Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

- 1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.
- 2) Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán một con số Model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc số của sản phẩm.
- 3) Các tiêu chuẩn và quy định viễn thông được phê duyệt phù hợp cho các quốc gia/vùng lãnh thổ đích đã được áp dụng cho sản phẩm này, ngoài các mục liệt kê ở trên.

Boise, Idaho , Mỹ

Ngày 1 tháng Tư năm 2008

Chỉ riêng đối với vấn đề quy định:

Địa chỉ Liên hệ tại Châu Âu: Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu., Herrenberger Strasse 140, , D-71034, Böblingen, (FAX: +49-7031-14-3143),
<http://www.hp.com/go/certificates>

Địa chỉ liên hệ tại Mỹ: Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard., PO Box 15, Mail Stop 160, Boise, ID 83707-0015, , (Điện thoại: 208-396-6000)

Tuyên bố về an toàn

An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

⚠ CẢNH BÁO! Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

Các quy định DOC tại Canada

Complies with Canadian EMC Class B requirements.

« Conforme à la classe B des normes canadiennes de compatibilité électromagnétiques. « CEM ». »

Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 정보통신기기)

이 기기는 가정용으로 전자파적합등록을 한 기기로서
주거지역에서는 물론 모든지역에서 사용할 수 있습니다.

Tuyên bố về laser cho Phần Lan

Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP LaserJet M1319f, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisissa käytössä kirjoittimen suojakoteloitinta estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (1994) mukaisesti.

VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

WARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

HUOLTO

HP LaserJet M1319f - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei

katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

VARO !

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alltiina näkymättömällelasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

WARNING !

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsätts användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen. Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 m W Luokan 3B laser.

Bản hóa chất (Trung Quốc)

有毒有害物质表

根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	0	X	X	0	0
复印机组件	X	0	0	0	0	0
控制面板	0	0	0	0	0	0
塑料外壳	0	0	0	0	0	0
格式化板组件	X	0	0	0	0	0
碳粉盒	X	0	0	0	0	0

0: 表示在此部件所用的所有同类材料中, 所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

X: 表示在此部件所用的所有同类材料中, 至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

注: 引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。

Bảng chú giải

đổi chiếu Quá trình in nhiều bản sao thành từng bộ. Khi bạn chọn tùy chọn đổi chiếu, sản phẩm sẽ toàn bộ bản in thứ nhất trước khi in thêm các bản sao. Hoặc sản phẩm sẽ in số lượng bản sao của trang thứ nhất và sau đó in số lượng tương tự cho các trang kế tiếp.

độ tương phản Sự khác biệt giữa những vùng tối và sáng trên ảnh. Giá trị này càng giảm, thì các vùng gần bóng tối sẽ càng giống nhau. Giá trị này càng tăng, thì càng nhiều vùng bóng tối xuất hiện riêng rẽ nhau.

đường dây chuyên dụng Đường dây điện thoại đơn để dành riêng cho các cuộc gọi fax hoặc cuộc gọi thoại.

điểm ảnh trên inch (ppi) Đơn vị đo độ phân giải dùng khi quét tài liệu. Thông thường, nếu có càng nhiều điểm ảnh trên inch với độ phân giải cao hơn, bạn càng thấy rõ các chi tiết trên ảnh, và kích thước tập tin sẽ lớn hơn.

độ phân giải. Độ sắc nét của hình ảnh, tính bằng đơn vị điểm trên inch (dpi). Giá trị dpi càng cao, độ phân giải càng lớn.

đường dây dùng chung Đường dây điện thoại được dùng cho cả các cuộc gọi thoại và fax.

bán sắc Loại hình ảnh mô phỏng sắc độ xám bằng cách phân bố số điểm ảnh. Các vùng nhiều màu sắc sẽ chứa nhiều điểm ảnh, trong khi những vùng sáng hơn sẽ chứa số điểm ảnh ít hơn.

các chức năng fax Các tác vụ fax được thực hiện qua bảng điều khiển hoặc phần mềm chỉ ảnh hưởng đến tác vụ hiện tại, hoặc được hoàn tất trước khi quay về trạng thái Sẵn sàng, ví như sau khi xóa bộ nhớ. Những chức năng này đều nằm trong các mục tương ứng của chúng trên menu của bảng điều khiển.

các thông số fax Các mục nội dung fax, khi được cài hoặc thay đổi, sẽ tiếp tục sử dụng các thông số này cho đến khi chúng được thay đổi. Ví dụ như số lần bạn cài để sản phẩm tự động quay lại số nếu số đó bận. Những thông số này đều nằm trong các mục tương ứng của chúng trên menu của bảng điều khiển.

dạng tập tin Cách bố trí cấu trúc tập tin của chương trình hoặc nhóm các chương trình.

dấu hỏi (,) Dấu hỏi trong chuỗi quay số fax cho biết sản phẩm sẽ dừng ở thời điểm đó trong trình tự quay số.

dots per inch (dpi) Đơn vị đo độ phân giải dùng khi in tài liệu. Thông thường, nếu có càng nhiều điểm trên inch với độ phân giải cao hơn, bạn càng thấy rõ các chi tiết trên ảnh, và kích thước tập tin sẽ lớn hơn.

e-mail (thư điện tử) Từ viết tắt của thư điện tử. Phần mềm có thể dùng để truyền các nội dung điện tử qua hệ thống mạng thông tin liên lạc.

fax Từ viết tắt của facsimile. Dạng mã hóa điện tử của bản in và việc truyền trang nội dung điện tử này qua đường dây điện thoại. Phần mềm của sản phẩm có thể gửi các nội dung đến các chương trình fax điện tử cần có phần mềm fax và modem.

hệ thống chuyển mạch chính (PBX) Một hệ thống chuyển mạch điện thoại cỡ nhỏ thường được dùng trong các trường đại học hoặc công ty lớn để kết nối tất cả các số máy nội bộ trong các tổ chức này. Hệ thống PBX cũng kết nối với mạng điện thoại công truyền thống (PSTN) và có thể dùng kết nối thủ công hoặc quay số, tùy

thuộc vào phương thức các số máy nội bộ dùng để bố trí các cuộc gọi đến và đi. Thông thường, thiết bị này cho khách hàng sở hữu thay vì thuê của công ty điện thoại.

hình mờ Hình mờ thêm vào văn bản ẩn dưới nền tài liệu sẽ in. Ví dụ, chữ "Thông tin mật" có thể in ẩn dưới nền của tài liệu để biết tài liệu này thuộc loại tài liệu mật. Bạn có thể chọn tạo một bộ các hình mờ, và các kiểu chữ, kích thước, góc và phong cách trình bày có thể thay đổi. Sản phẩm sẽ chỉ đặt hình mờ lên trên trang đầu hoặc tất cả các trang.

kiểu chuông đặc trưng Dịch vụ do một số công ty điện thoại cung cấp tại một số quốc gia/khu vực, cho phép cài hai hoặc ba số điện thoại trên cùng đường dây điện thoại. Mỗi số điện thoại sẽ có kiểu chuông riêng biệt, và máy fax có thể cấu hình để phân biệt kiểu chuông riêng của số fax.

liên kết Khả năng kết nối đến chương trình hoặc thiết bị có thể dùng để gửi thông tin từ phần mềm sản phẩm đến chương trình khác, ví dụ như liên kết OCR, fax điện tử và e-mail.

mạng điện thoại công truyền thống (PSTN) Hệ thống mạng điện thoại quay số toàn cầu hoặc một bộ phận của hệ thống này. Người thuê bao sẽ được nhận số điện thoại duy nhất, cho phép họ nối vào hệ thống PSTN qua các công ty điện thoại địa phương. Thông thường, giai đoạn này thường được dùng khi liên hệ đến dữ liệu hoặc các dịch vụ phi điện thoại khác cung cấp qua đường dây kết nối thiết lập ban đầu, dùng tính năng truyền tín hiệu điện thoại thông thường và các bản mạch chuyển tiếp điện thoại đường dài.

phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR) Phần mềm OCR chuyển đổi các hình ảnh điện tử chứa văn bản, ví dụ như các tài liệu được quét, sang dạng tài liệu mà các chương trình cơ sở dữ liệu, bảng tính và xử lý văn bản có thể dùng được.

sắc độ xám Bóng màu xám thể hiện tỷ lệ mờ và đậm của hình ảnh khi ảnh màu được chuyển sang ảnh sắc độ xám; màu sắc sẽ được thể hiện dưới nhiều sắc độ xám khác nhau.

thiết bị chống đột biến điện Thiết bị bảo vệ bộ nguồn và đường truyền tín hiệu khỏi các hiện tượng đột biến điện.

trình điều khiển máy in Trình điều khiển máy in là chương trình mà các chương trình phần mềm dùng để truy cập vào các tính năng sản phẩm. Trình điều khiển máy in sẽ diễn dịch các lệnh định dạng của chương trình phần mềm (ví dụ như chọn kiểu chữ và dấu sang trang) thành ngôn ngữ máy in, và sau đó gửi tập tin cần in đến sản phẩm.

trình duyệt Từ viết tắt của trình duyệt Web, một chương trình phần mềm dùng để định vị và mở các trang Web.

ADF Khay tự động nạp tài liệu. Khay ADF được dùng để tự động nạp các bản gốc vào để thực hiện tác vụ sao chép, quét hoặc fax.

DSL Đường dây đăng ký thuê bao kỹ thuật số, một công nghệ cho phép kết nối trực tiếp và truy cập Internet tốc độ cao qua đường dây điện thoại.

HP Director Màn hình giao diện phần mềm dùng để làm việc với tài liệu. Khi bạn nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu tự động (ADF) và máy tính được kết nối trực tiếp vào sản phẩm, HP Director sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính để khởi hoạt các tính năng fax, sao chép hoặc quét.

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) là chương trình cho phép sử dụng các công cụ xử lý sự cố và quản lý sản phẩm, và các tài liệu đi kèm sản phẩm. HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) không hỗ trợ hệ điều hành Macintosh.

ISDN Hệ thống Mạng Kỹ thuật số Tích hợp Đa Dịch vụ (ISDN) là hệ thống áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về truyền tín hiệu kỹ thuật số trực tiếp qua hệ thống mạng điện thoại công cộng.

Readiris Một chương trình nhận dạng ký tự quang học (OCR) do công ty I.R.I.S. phát triển và được cung cấp kèm theo phần mềm của sản phẩm.

TWAIN Một tiêu chuẩn chuyên ngành dành cho máy quét và phần mềm. Khi dùng máy quét tương thích TWAIN cùng chương trình tương thích TWAIN, bản quét có thể được tạo trong chương trình.

URL Thông tin định vị tài nguyên thống nhất, một loại địa chỉ toàn cầu dành cho tài liệu và các nguồn tài nguyên trên Internet. Phần đầu của địa chỉ này sẽ cho biết giao thức sử dụng, phần thứ hai cho biết địa chỉ IP hoặc tên miền nơi chứa nguồn tài nguyên.

USB Đường truyền nối tiếp chung (USB) là một tiêu chuẩn do USB Implementers Forum, Inc. phát triển, dùng để kết nối máy tính và các thiết bị ngoại vi. USB được thiết kế để cho phép đồng thời kết nối một cổng USB của máy tính với nhiều thiết bị ngoại vi.

WIA Windows Imaging Architecture (Kiến trúc Hình ảnh Windows - WIA) là một kiến trúc hình ảnh hiện có trong Windows Vista và Windows XP. Một bản quét có thể được kích hoạt trong các hệ điều hành này bằng cách dùng máy quét tương thích WIA.

Bảng chú dẫn

A

ảnh chụp
quét, xử lý sự cố 162
ADF
định vị 4
kẹt giấy 145
kích thước trang hỗ trợ 119

Â

âm lượng
cài đặt 17
âm lượng, điều chỉnh 88
âm quay số 92

B

bảng điều khiển
menu 11
quét từ (Macintosh) 31
tình trạng mực in, kiểm tra từ 131
trang làm sạch, in 134
xử lý sự cố hiển thị 144
bảng điều khiển
thông báo, xử lý sự cố 141
bảng chú giải thuật ngữ 201
bản đồ menu
in 126
bản quét trống, xử lý sự cố 164
bản sao đậm 159
bản sao có kích thước tùy chỉnh 60
bản sao mờ 159
bản sao trống, xử lý sự cố 161
báo cáo
bản đồ menu 126
trang cấu hình 126
trang thử nghiệm 12, 126
báo cáo, fax
gỡ sự cố 123

in tất cả 115
lỗi 116
báo cáo lỗi, fax
in 116
bảo hành
đổi máy và bộ nhiệt áp 178
hộp mực in 178
sản phẩm 175
Việc khách hàng tự sửa chữa 177
bảo hành cho máy đổi 178
bảo quản
hộp mực 131
bật/tắt, định vị 4
bỏ chặn số fax 97
bột mực
có vết bẩn, xử lý sự cố 152
không bám dính chặt, xử lý sự cố 153
lưu 52
phân tán, xử lý sự cố 155
vết, xử lý sự cố 151
bột mực bị vết bẩn, xử lý sự cố 152
bột mực không bám dính chặt, xử lý sự cố 153
bộ nhiệt áp
bảo hành 178
hướng dẫn phương tiện 49
bộ nhớ
in lại fax 109
thông số kỹ thuật 3
xóa bản fax 100

C

các báo cáo
bản đồ menu 13
fax 13
trang cấu hình 13
các báo cáo fax, in 13

các cài đặt
mặc định 47
các cảnh báo 141
các chỉ tiêu kỹ thuật
môi trường 185
các cổng
định vị 5
các cổng fax, định vị 5
các cổng giao diện
định vị 5
các loại được bao gồm 3
các cổng giao tiếp
cáp, đặt hàng 173
các dải và vệt, xử lý sự cố 152
các hệ điều hành được hỗ trợ 6, 7, 20, 26
các hình mờ 29
các hộp ID người gọi, kết nối 80
các khay
các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 156
kích thước phương tiện mặc định 42
các khay nạp giấy
các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 156
các mã số đầu, quay số 89
các máy trả lời, kết nối 81
các modem, kết nối 80
các ngăn chứa
tái chế 189
các sọc đứng màu trắng hoặc màu nhạt 159
các sọc màu trắng hoặc màu nhạt, xử lý sự cố 159
các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 156
các thông báo cảnh giác 141

- các thông số cài đặt kiểu chuông đặc trưng 94
 - các thông số kỹ thuật
 - các tính năng sản phẩm 3
 - các tín hiệu bận, các tùy chọn quay số lại 90
 - các trang
 - nap nhảm 156
 - quá nhảm 156
 - các trang bìa 28, 50
 - các trang không thẳng 154, 156
 - các trang trắng
 - in 50
 - các trình điều khiển
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 7
 - các trình điều khiển
 - các cài đặt mặc định 47
 - các vật liệu đặc biệt
 - các nguyên tắc 39
 - cài đặt
 - phần mềm Windows 7, 22
 - ưu tiên 20, 26
 - trình điều khiển 21, 27
 - phần mềm Macintosh cho các kết nối trực tiếp 27
 - cài đặt sẵn trình điều khiển (Macintosh) 28
 - cài đặt mặc định gốc, khôi phục 140
 - cài đặt, phần mềm
 - dễ dàng 7
 - nâng cao 7
 - loại (Windows) 22
 - cài đặt sẵn (Macintosh) 28
 - cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh Macintosh 28
 - cài đặt trình điều khiển Macintosh giấy kích thước tùy chỉnh 28
 - cài đặt độ tương phản
 - sao chép 62
 - cài đặt dò tìm âm quay số 89
 - cài đặt mặc định gốc, khôi phục 140
 - cài đặt hình
 - in, xử lý sự cố 151, 164
 - cảnh báo, cài đặt 127
 - cáp
 - số hiệu bộ phận 173
 - USB, xử lý sự cố 158
 - cập nhật chương trình cơ sở 135
 - co dẫn tài liệu
 - Macintosh 28
 - co giãn tài liệu
 - sao chép 60
 - công tắc nguồn, định vị 4
 - có kèm pin 190
 - cổng
 - các loại được bao gồm 3
 - cáp, đặt hàng 173
 - xử lý sự cố Macintosh 169
 - cổng USB
 - định vị 5
 - loại được bao gồm 3
 - xử lý sự cố 158
 - xử lý sự cố Macintosh 169
 - cung cấp
 - tái chế 189
 - Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể 182
 - Các đặc điểm kỹ thuật về điện 183, 184
 - Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường 185
 - Các công bố về viễn thông của New Zealand 196
 - Các quy định DOC tại Canada 198
 - Các trang Web
 - Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) 192
 - Các yêu cầu IC CS-03 194
 - Cài đặt trình điều khiển Macintosh
 - các hình mờ 29
 - Cài đặt EconoMode 52
 - Chăm sóc Khách hàng HP 179
 - Cổng USB
 - cài đặt Macintosh 27
- CH**
- chấm, xử lý sự cố 151
 - chặn fax 97
 - chất lượng
 - cài đặt chất lượng in (Macintosh) 28
 - cài đặt sao chép 62
 - in, xử lý sự cố 151, 164
 - quét, xử lý sự cố 162, 163
 - sao chép, xử lý sự cố 159
 - thông số cài đặt in (Windows) 165
 - chất lượng giấy ra
 - in, xử lý sự cố 151, 164
 - quét, xử lý sự cố 162, 163
 - sao chép, xử lý sự cố 159
 - chất lượng hình ảnh
 - quét, xử lý sự cố 162, 163
 - sao chép, xử lý sự cố 159
 - chất lượng in
 - xử lý sự cố 151, 164
 - chế độ
 - so sánh 1
 - chế độ trả lời, thông số cài đặt 93
 - chế độ dò-tĩnh 96
 - chỉnh lại kích thước tài liệu
 - sao chép 60
 - Macintosh 28
 - chương trình quản lý bảo vệ môi trường 189
- D**
- danh bạ, fax
 - nhập 83
 - xóa tất cả các mục 84
 - danh bạ, fax
 - HP Toolbox (Hộp Công cụ HP) 128
 - dịch vụ
 - đóng gói lại thiết bị 180
 - số hiệu bộ phận 172
 - thông báo lỗi nghiêm trọng 141
 - dots per inch (dpi)
 - thông số kỹ thuật 3
 - dòng, xử lý sự cố
 - các trang được in 152
 - dòng dọc, xử lý sự cố 152
 - dpi (điểm trên inch)
 - quét 73
 - fax 92
 - dpi (điểm mỗi inch)
 - fax 91
 - dpi (dots per inch)
 - thông số kỹ thuật 3, 14
- Đ**
- độ phân giải
 - thông số kỹ thuật 3

quét 73
 fax 91, 92
 độ phân giải
 tính năng 3
 đang nạp giấy
 khay 1 40
 đang hủy
 lệnh in 46
 định hướng, cài đặt 52
 định hướng đứng, cài đặt 52
 định hướng ngang, cài đặt 52
 độ tối, cài đặt độ tương phản
 sao chép 62
 độ sáng
 sao chép độ tương phản 62
 độ tương phản fax 91
 in không rõ, xử lý sự cố 151
 điện thoại, kết nối mở rộng 81
 đường dây bên ngoài
 khoảng dừng, chèn 84
 quay số tiền tố 89
 độ tối, thông số độ tương phản
 fax 91
 điểm mỗi inch (dpi)
 fax 91
 điểm trên inch (dpi)
 fax 92
 điện thoại nhánh
 nhận fax từ 98
 gửi fax từ 107
 điện thoại
 nhận fax từ 98, 109
 điện thoại, kết nối tải về
 gửi fax từ 107
 đăng ký sản phẩm 130
 đăng ký, sản phẩm 130
 đường dây nóng về gian lận 131
 đường kẻ, xử lý sự cố
 bản sao 159
 quét 164
 địa chỉ IP
 Macintosh, xử lý sự cố 168
 đặt hàng mực in và phụ kiện 172
 đóng gói lại thiết bị 180
 đóng gói thiết bị 180
 điện
 yêu cầu 183, 184
 điện năng tiêu thụ 184
 độ ồn 186

Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử
 dụng điện thoại 193
 Đường dây nóng về gian lận của
 HP 131

E

e-mail, quét
 cài đặt độ phân giải 73
 Macintosh 31

F

fax
 độ phân giải 91, 92
 báo cáo 13
 báo cáo, gỡ sự cố 123
 báo cáo, in tất cả 115
 báo cáo lỗi, in 116
 bảo mật, nhận riêng 95
 cài đặt mặc định gốc, khôi
 phục 140
 chặn 97
 chế độ trả lời 15, 93
 chế độ dò-tĩnh 96
 chuông-trả-lời 92
 chuyển tiếp 93
 gỡ sự cố gửi 119
 gỡ sự cố nhận 120
 gửi bằng phần mềm 105
 gửi bằng phím quay số
 nhanh 104
 gửi fax từ điện thoại 107
 hủy 99
 in lại từ bộ nhớ 109
 kẹt giấy, xử lý sự cố 145
 khoảng dừng, chèn 84
 kiểu chuông 15, 94
 nhận-kèm-tem 97
 nhận khi bạn nghe chuông
 fax 109
 nhận qua điện thoại nhánh 98
 nhận riêng 95
 nhận từ phần mềm 95
 nhật ký gửi 129
 nhật ký nhận 129
 nhóm ad hoc 103
 quay lại số bằng cách thủ
 công 104
 quay số, âm hoặc nhịp
 điệu 92
 quay số cách thủ công 103

quay số nhanh 104
 quay số tiền tố 89
 sửa-lỗi 118
 tạm hoãn gửi 107
 thông báo lỗi 111
 thông số độ tương phản 91
 thông số âm lượng 88
 thông số cài đặt V.34 118
 thông số dò-tìm-âm-quay-
 số 89
 thông số quay số lại 90
 tự động giảm 96
 từ máy tính (Macintosh) 32
 xếp hàng 87
 xóa khỏi bộ nhớ 100
 faxmục
 quay-số-nhóm 104
 fax điện tử
 nhận 95
 gửi 105
 FastRes 3

G

gấp, xử lý sự cố 154
 gỡ bỏ
 phần mềm Windows 22
 gỡ sự cố
 báo cáo fax 123
 gửi fax 119
 nhận fax 120
 quay số 120
 thông số sửa-lỗi fax 118
 tốc độ, gửi fax 123
 gửi chuyển tiếp fax 93
 gửi fax
 báo cáo lỗi, in 116
 chuyển tiếp 93
 gỡ sự cố 119
 hủy 99
 nhật ký, HP ToolboxFX 129
 quay số cách thủ công 103
 quay số nhanh 104
 tạm hoãn 107
 từ điện thoại kết nối tải về 107
 từ phần mềm 105
 gửi fax
 nhóm ad hoc 103
 gửi faxmục
 quay-số-nhóm 104
 gửi thiết bị 180

GI

giải quyết sự cố
 sự cố Macintosh 168

giấy
 bị nhăn 154
 các loại được hỗ trợ 44
 cài đặt sao chép 63
 cong, xử lý sự cố 154
 kẹt giấy 145
 khổ giấy, chọn 51
 kích thước, chọn 51
 kích thước, thay đổi 64
 kích thước được hỗ trợ 37
 kích thước tùy chỉnh, cài đặt
 Macintosh 28
 loại, chọn 52
 loại, thay đổi 64
 nguồn, chọn 51
 nhiều trang trên một bản 29
 thông số tự động giảm
 fax 96
 trang đầu tiên 28, 50
 xử lý sự cố 155
 ADF, kích thước hỗ trợ 119

giấy đặc biệt
 các nguyên tắc 39

giấy bị lệch 154, 156

giấy lượn sóng, xử lý sự cố 154

giới hạn về vật liệu 190

H

hiệu ứng tô bóng nền, xử lý sự
 cố 152

hình mờ 52

hộp mực
 bảo hành 178
 lưu trữ 131
 tái chế 132
 tái sử dụng 132
 thay 133
 tình trạng, kiểm tra 131
 tình trạng, xem 127
 Đường dây nóng về gian lận của
 HP 131

hộp mực in
 bảo hành 178
 số hiệu bộ phận 172
 tái chế 132, 189
 tái sử dụng 132

 tình trạng, kiểm tra 131
 tình trạng, xem 127

hỗ trợ
 đóng gói lại thiết bị 180
 trực tuyến 130, 179

hỗ trợ khách hàng
 đóng gói lại thiết bị 180
 trực tuyến 179

hỗ trợ kỹ thuật
 đóng gói lại thiết bị 180
 trực tuyến 179

hỗ trợ trực tuyến 179

hủy
 các lệnh sao chép 59
 fax 99
 lệnh quét 72

HP LaserJet Scan (Windows) 71

HP Toolbox (Hộp Công cụ HP)
 giới thiệu 127
 tab tình trạng 127
 Tab fax 127

I

in
 bản đồ menu 126
 cạnh này sang cạnh kia 63
 hai mặt, Macintosh 30
 hai mặt, Windows 53
 kết nối trực tiếp với máy
 tính 34
 kết nối USB 34
 trang cấu hình 126
 trang thử nghiệm 126
 trên khổ giấy khác nhau 51
 xử lý sự cố 158
 Macintosh 28

in không rõ 151

in lại fax 109

in mờ, xử lý sự cố 151

in n-up
 Windows 55

in từ cạnh này sang cạnh kia 63

K

kẹt giấy
 fax, xử lý 145
 khay, xử lý 146
 khu vực hộp mực in, xử
 lý 149
 ngăn chặn 150

 ngăn giấy ra, xử lý 148
 nguyên nhân 145
 vị trí 145
 ADF, xử lý 145

kẹt giấy ở khu vực hộp mực in, xử
 lý 149

kiểm soát vòng 87

kiếng, lau chùi 74, 135

kiểu chuông
 đặc trưng 94

kích thước
 phương tiện 37

kích thước 182

kích thước, giấy
 Thông số Vừa Trang in, gửi
 fax 96

kích thước, phương tiện
 lựa chọn khay 44

kích thước, sao chép
 thu nhỏ hoặc phóng to 60
 xử lý sự cố 161

ký tự, xử lý sự cố 153

KH

khay
 định vị 4
 kẹt giấy, xử lý 146
 khả năng chứa giấy 3, 44

khay 1
 định vị 4
 đang nạp 40
 kẹt giấy, xử lý 146

khả năng chứa giấy
 ngăn giấy ra 3

khay nạp giấy ưu tiên
 nạp 40

khay tự động nạp tài liệu (ADF)
 định vị 4
 dung lượng 58
 kích thước trang hỗ trợ 119
 kẹt giấy 145

khoáng dừng, chèn 84

khôi phục cài đặt mặc định
 gốc 140

L

lau chùi
 bên ngoài 135
 kiếng 74, 135

- làm sạch
 - đường dẫn giấy 134
- lệnh in
 - hủy 46
- loại, phương tiện
 - lựa chọn khay 44
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 155
- lưu trữ
 - các đặc điểm kỹ thuật về môi trường 185
- LaserJet Scan (Windows) 71
- Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE 168
- Lỗi Spool32 168
- Lỗi Thao tác Không hợp lệ 168
- M**
- màu
 - cài đặt quét 74
- màu sắc, cài đặt quét 73
- mặt định, khôi phục 140
- mật độ, in
 - thay đổi cài đặt 48
 - thay đổi thông số tác vụ sao chép 63
- mật độ in
 - thay đổi cài đặt 48
 - thay đổi thông số tác vụ sao chép 63
- máy quét
 - lau chùi kiếng 74
- máy trả lời, kết nối
 - thông số fax 92
- menu
 - bảng điều khiển, truy cập 11
 - thiết lập fax 13
 - Báo cáo 12
 - Các chức năng fax 11
 - Cài đặt hệ thống 16
 - Dịch vụ 17
 - Thiết lập sao chép 12
 - Tình trạng Fax Job 11
- model
 - số, định vị 5
- môi trường sử dụng, thông số kỹ thuật 185
- mục quay-số-nhóm
 - gửi fax đến 104
 - sửa 86
- tạo 86
- xóa 86
- mực in
 - lưu trữ 131
 - tái chế 132
 - thay hộp mực 133
 - tình trạng, kiểm tra 131
 - Đường dây nóng về gian lận của HP 131
- Macintosh
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 6
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 26
 - các trình điều khiển hỗ trợ 7
 - cài đặt trình điều khiển 27, 28
 - cài đặt in 27
 - cài đặt hệ thống in cho các kết nối trực tiếp 27
 - chỉnh lại kích thước tài liệu 28
 - fax 32
 - gửi fax từ 105, 106
 - hỗ trợ 179
 - quét e-mail 31
 - quét tập tin 31
 - quét từng trang 31
 - quét từ bảng điều khiển 31
 - quét từ phần mềm theo quy chuẩn TWAIN 71
 - sự cố, giải quyết 168
 - thẻ USB, xử lý sự cố 169
 - tính năng in hai mặt 30
 - trình điều khiển, xử lý sự cố 168
 - Bộ xử lý Lỗi Intel 6
 - PPC 6
- Menu cài đặt hệ thống 16
- Menu dịch vụ 17
- Microsoft Word, gửi fax từ 106
- N**
- nap vật liệu
 - khay nạp giấy ưu tiên 40
- nặng 182
- nền xám, xử lý sự cố 152
- NG**
- ngăn, ra
 - định vị 4
- kẹt giấy, xử lý 148
- khả năng chứa giấy 3
- ngăn giấy ra
 - định vị 4
 - khả năng chứa giấy 3
- ngày tháng fax, thiết lập
 - sử dụng bảng điều khiển 82
 - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 82
- nguồn cung cấp
 - đặt hàng 130
 - tái sử dụng 132
 - tình trạng, xem 127
- NH**
- nhấn, xử lý sự cố 154
- nhận fax
 - báo cáo lỗi, in 116
 - chặn 97
 - chế độ trả lời, thông số 93
 - chế độ dò-tĩnh 96
 - gỡ sự cố 120
 - in lại 109
 - khi bạn nghe chuông fax 109
 - kiểu chuông, thông số 94
 - thông số chuông-trả-lời 92
 - thông số nhận-kèm-tem 97
 - thông số tự động giảm 96
 - từ điện thoại nhánh 98
 - từ phần mềm 95
 - xếp hàng 87
- nhận riêng 95
- nhật ký, fax
 - gỡ sự cố 123
 - in tất cả 115
 - lỗi 116
- nhật ký cuộc gọi, fax
 - gỡ sự cố 123
- nhật ký hoạt động, fax
 - gỡ sự cố 123
- những trang một tờ 55
- những trang trên một bản
 - Windows 55
- nhịp điệu quay số 92
- nhóm ad hoc, gửi fax đến 103
- P**
- panen điều khiển
 - cài đặt 20, 26

- pixel/inch (ppi), độ phân giải quét 73
 - ppi (pixel/ inch), độ phân giải quét 73
 - Phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN, quét từ 71
 - Phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA, quét từ 71
 - Phần mềm OCR 72
 - Phần mềm Readiris OCR 72
 - PPDs, Macintosh 168
- PH**
- phân phối lại bột mực 132
 - phân tán, xử lý sự cố 155
 - phần mềm
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 6, 20
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 26
 - các thành phần Windows 19
 - cài đặt dễ dàng 7
 - cài đặt nâng cao 7
 - cài đặt 20, 26
 - cài đặt kết nối trực tiếp, Macintosh 27
 - gửi fax 105
 - nhận fax 95
 - quét từ TWAIN hoặc WIA 71
 - thành phần 7
 - Readiris OCR 72
 - Windows 23
 - phần mềm nhận dạng ký tự quang học 72
 - phone book, fax
 - thêm các mục 104
 - phóng to tài liệu
 - sao chép 60
 - phương tiện
 - định hướng, cài đặt 52
 - bị nhẵn 154
 - cài đặt sao chép 63
 - chọn loại và kích thước 44
 - cong, xử lý sự cố 154
 - in trên phương tiện đặc biệt 49
 - kích thước, chọn 51
 - kích thước, thay đổi 64
 - kích thước được hỗ trợ 37
 - kích thước mặc định dành cho khay 42
 - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Macintosh 28
 - loại, chọn 52
 - loại, thay đổi 64
 - nguồn, chọn 51
 - nhiều trang trên một bản 29
 - nhiều trang trên một bản, Windows 55
 - trang đầu tiên 28, 50
 - phương tiện bị cong 154
 - phương tiện in
 - được hỗ trợ 37
 - phụ kiện
 - số hiệu bộ phận 172
- Q**
- quay lại bằng cách thủ công 104
 - quay số
 - cách thủ công 103
 - fax 14
 - gỡ sự cố 120
 - khoảng dừng, chèn 84
 - quay lại số bằng cách thủ công 104
 - thông số âm hoặc nhịp điệu 92
 - tiền tố, chèn 89
 - tự động quay số lại, thông số 90
 - từ điện thoại 107
 - quay số gọi quốc tế 103
 - quay số lại
 - thủ công 104
 - tự động, thông số 90
 - quay số nhanh
 - lập trình 104
 - sửa 85
 - tạo 85
 - xóa 85
 - xóa tất cả 84
 - quay số thủ công 103
 - quá trình cài đặt phần mềm dễ dàng 7
 - quá trình cài đặt phần mềm nâng cao 7
 - quét
 - đến e-mail (Macintosh) 31
 - định dạng tập tin 73
 - độ phân giải 73
 - đen và trắng 74
 - các phương pháp 71
 - chất lượng, xử lý sự cố 162, 163
 - giấy trống, xử lý sự cố 164
 - hủy 72
 - màu sắc 73
 - phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN 71
 - phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA 71
 - phần mềm OCR 72
 - quét, xử lý sự cố 163
 - sắc độ xám 74
 - tập tin (Macintosh) 31
 - từng trang (Macintosh) 31
 - từ bảng điều khiển (Macintosh) 31
 - từ HP LaserJet Scan (Windows) 71
 - quét đen và trắng 74
 - quét sắc độ xám 74
 - quét từng trang (Macintosh) 31
 - Quy định của EU về hoạt động viễn thông 195
 - Quy chuẩn FCC 188
- S**
- sao chép
 - độ tương phản, điều chỉnh 62
 - cài đặt độ sáng/tối 62
 - cài đặt phương tiện 63
 - cạnh này sang cạnh kia 63
 - chất lượng, điều chỉnh 62
 - chất lượng, xử lý sự cố 159
 - hai mặt 66
 - hủy 59
 - khôi phục cài đặt mặc định 65
 - khổ giấy 64
 - kích thước, xử lý sự cố 161
 - loại giấy 64
 - menu thiết lập 12
 - một lần chạm 59
 - nhiều bản sao chép 59
 - phóng to 60
 - thay đổi số mặc định 59
 - thu nhỏ 60
 - vật liệu in, xử lý sự cố 160
 - xử lý sự cố 161

- sản phẩm
 - so sánh chế độ 1
 - số sê-ri, định vị 5
 - sản phẩm không chứa thủy ngân 190
 - so sánh, các chế độ sản phẩm 1
 - số điện thoại
 - Đường dây nóng về gian lận của HP 131
 - số bản sao chép, thay đổi 59
 - số hiệu bộ phận
 - cáp 173
 - mực in 172
 - số lần đổ chuông trả lời 92
 - số sê-ri, định vị 5
 - sử dụng giấy/bìa khác nhau 50
- T**
- tái chế
 - Chương trình hoàn trả thiết bị máy in và bảo vệ môi trường của HP 190
 - tạm hoãn gửi fax 107
 - tập tin, quét
 - Macintosh 31
 - tập tin EPS, xử lý sự cố 169
 - tiêu đề fax, thiết lập
 - sử dụng bảng điều khiển 82
 - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 82
 - tính năng
 - sản phẩm 3
 - tính năng tiện dụng 3
 - tình trạng
 - cảnh báo 127
 - mực in, kiểm tra 131
 - tác vụ fax 11
 - xem 127
 - tốc độ
 - print thông số kỹ thuật 3
 - fax, gỡ sự cố 123
 - quét, xử lý sự cố 163
 - tốc độ chậm, gỡ sự cố
 - gửi fax 123
 - tốc độ chậm, xử lý sự cố
 - quét 163
 - tuyên bố về an toàn 198
 - tuyên bố về an toàn laser 198
 - tuyên bố về an toàn laser của Phần Lan 198
- tự động thông số giảm, fax 96
 - Tab fax 127
 - Thông số cài đặt trình điều khiển thiết bị Windows
 - sổ tay 48
 - Thông số cài đặt V.34 118
 - Thông số Fit to Page (Vừa Trang in), fax 96
 - Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) 192
 - Tuyên bố EMI Hàn Quốc 198
- TH**
- thải bỏ, hết thời hạn sử dụng 190
 - thải bỏ khi hết thời hạn sử dụng 190
 - tháo rời nắp
 - hộp mực in, định vị 4
 - tháo rời nắp hộp mực, định vị 4
 - thay hộp mực 133
 - thẻ gọi điện 103
 - thông báo
 - bảng điều khiển 141
 - nghiêm trọng 141
 - thông báo lỗi
 - bảng điều khiển 141
 - nghiêm trọng 141
 - thông báo lỗi, fax 111
 - thông số độ tương phản fax 91
 - thông số cài đặt sổ tay Windows 48
 - thông số giao thức, fax 118
 - thông số kỹ thuật
 - điện 183, 184
 - độ ồn 186
 - vật lý 182
 - thông số kỹ thuật nhiệt độ môi trường 185
 - thông số kỹ thuật về độ ẩm môi trường 185
 - thông số kỹ thuật về tiếng ồn 186
 - thông số sửa-lỗi, fax 118
 - thông tin về tuân thủ quy định 188
 - thời gian fax, thiết lập
 - sử dụng bảng điều khiển 82
 - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 82
 - thuật ngữ 201
- thu nhỏ tài liệu
 - sao chép 60
- TR**
- trang
 - bị lệch 154, 156
 - không in 158
 - trắng 157
 - trang đầu tiên
 - sử dụng giấy khác nhau 28, 50
 - trắng 50
 - trang cấu hình
 - in 126
 - trang thử nghiệm, in 126
 - trang trắng
 - xử lý sự cố 157
 - trang trên phút 3
 - trang web
 - hỗ trợ khách hàng 179
 - trang Web
 - hỗ trợ khách hàng Macintosh 179
 - trình điều khiển
 - được hỗ trợ 20
 - cài đặt 20, 21, 26, 27
 - cài đặt sẵn (Macintosh) 28
 - cài đặt Macintosh 28
 - Macintosh, xử lý sự cố 168
 - trình điều khiển máy in
 - được hỗ trợ 20
 - Macintosh, xử lý sự cố 168
- Ư**
- ưu tiên, cài đặt 20, 26
- V**
- văn bản, xử lý sự cố 153
 - vật liệu in
 - kẹt giấy 145
 - khổ giấy, chọn 51
 - xử lý sự cố 155
 - vật liệu in hỗ trợ 37
 - vết, xử lý sự cố 151
 - vết, xử lý sự cố 152
 - việc tái chế mực in 132
 - Vứt bỏ Rác thải tại Liên minh Châu Âu 191

W

Windows

- các cài đặt mặc định 47
- các hệ điều hành được hỗ trợ 6, 20
- các thành phần phần mềm 19, 23
- các trình điều khiển hỗ trợ 7
- cài đặt trình điều khiển 21
- gửi fax từ 105
- nhiều trang trên một bản 55
- phần mềm dùng cho 127
- quét từ phần mềm TWAIN hoặc WIA 71
- trình điều khiển được hỗ trợ 20
- vấn đề xử lý sự cố 168

Word, gửi fax từ 106

X

xóa bản fax khỏi bộ nhớ 100

xóa phần mềm

Windows 22

xử lý sự cố

bột mực không báo dình
chặt 153

các trang bị lệnh 154, 156

các trang không in 158

cáp USB 158

chất lượng in 151

danh sách kiểm tra 138

dòng, các trang được in 152

in không rõ 151

lỗi lặp lại 155

nhấn 154

phân tán bột mực 155

phương tiện bị cong 154

trang trắng 157

vấn bản 153

vết bản bột mực 152

vết bột mực 151

xử lý sự cố

đường kẻ, bản sao 159

đường kẻ, quét 164

bản quét trống 164

các sự cố khi tiếp giấy 156

các thông báo ở bảng điều
khiển 141

chất lượng quét 162, 163

chất lượng sao chép 159

giấy 155

kẹt giấy 145

kích thước sao chép 161

màn hình bảng điều
khiển 144

sao chép 161

tập tin EPS 169

thông báo lỗi nghiêm
trọng 141

trang quá đậm 159

trang quá mờ 159

vấn đề Windows 168

Y

yêu cầu điện thế 183

© 2008 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

www.hp.com



CB536-91021